

HUYỀN MINH



BẠC LIÊU
XƯA VÀ NAY

HUỖNH MINH

TÌM HIỂU DANH LAM THẮNG TÍCH
CÁC TỈNH NAM PHẦN



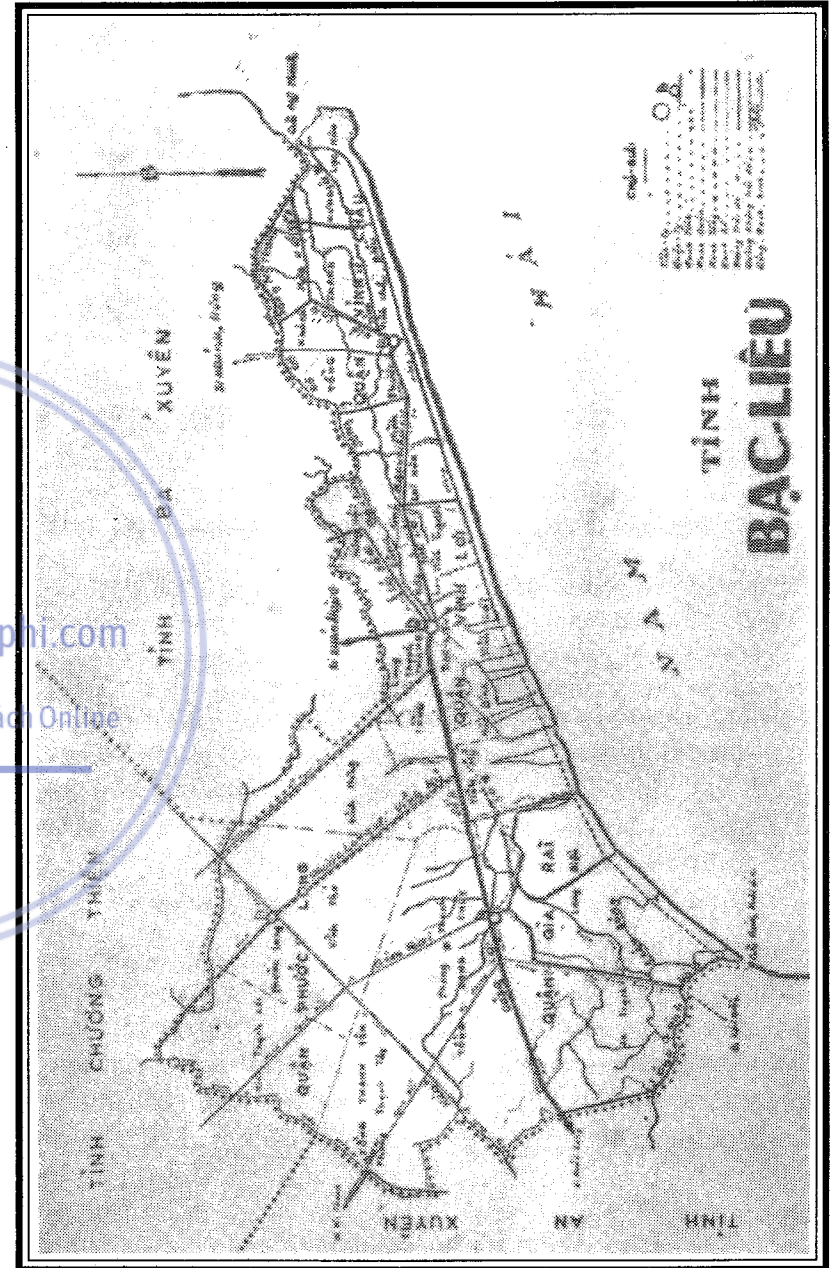
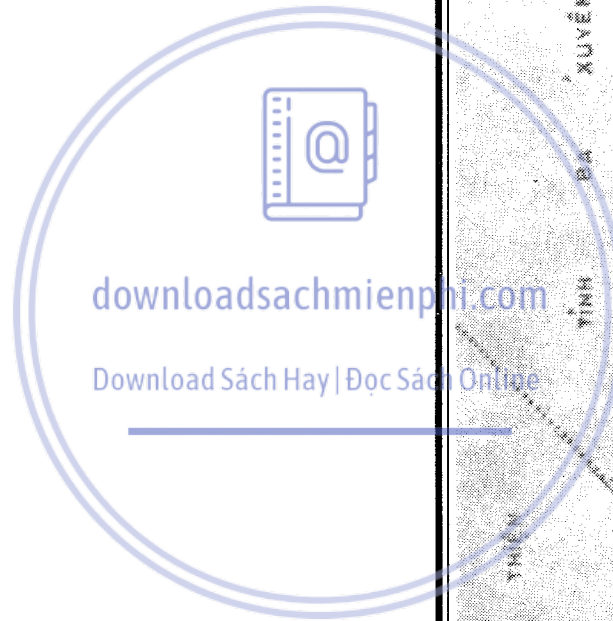
downloadsachmienphi.com

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

BẠC-LIÊU

XƯA và NAY

LOẠI SÁCH SỬU KHẢO



LỜI NÓI ĐẦU



Tìm hiểu non sông đất nước vẫn là nguyên động lực thúc đẩy bồi dưỡng tinh-thần yêu nước mà mỗi công-dân không thể không biết đến. Có biết mới yêu, có hiểu rõ mới cảm xúc thấm thía, lòng yêu mới đậm đà thâm-thiết.

Nói rằng yêu nước, mà không hiểu gì hay chỉ hiểu biết mơ-hồ về non sông quốc thổ, công nghiệp tiền-nhân, nếp sống của đồng bào ruột thịt quê hương, chẳng là một khuyết điểm lớn lao sao ? Tuy nhiên, không phải ai ai cũng có phương tiện và cơ hội đi khắp đó đây. Phần đông chúng ta đều bị đời sống buộc ràng, có người suốt đời không ra khỏi lũy tre xanh, hay giới ranh của đô thị.

Đề bù lại, duy chỉ còn cách tìm đọc sách báo.

Nhưng đọc gì bây giờ ?

Nhan nhản truyện kiếm hiệp, liêu trai, tiểu thuyết khiêu dâm. Loại sách sưu-khảo hữu-ích thì thưa vắng góp mặt trên thị-trường buôn văn bán chữ, vì loại sách này đòi-hỏi nơi người viết nhiều học thức lẫn công-phu, mà thù tạc lại không bao nhiêu lợi lộc.

Nếu ở đời, ai ai cũng chỉ đặt lợi lộc lên trên trước hết, thôi còn chi nữa mà mong ? !

Chúng tôi, một nhóm văn-nhân ký-giả nghèo-tiền nhưng không nghèo tâm chí, nhận thấy chỗ khiếm khuyết cần được bồi đắp trong nền văn học quốc-gia, muốn đáp ứng sự đòi hỏi của một số đồng-đồng-bào thật lòng yêu nước, sau mấy phen phiêu-lưu đầy huyết lệ đã nhận chân được đâu là nguồn sống và phát-triển của dân-tộc, chúng tôi không ngần-ngại lãnh làm cái công việc vừa khó-khăn vừa bạc-bẽo : sưu-tầm khảo cứu và xuất-bản loại sách tìm hiểu danh-lam, thắng-cảnh và nhân vật nước non nhà.

Khởi đầu với cuốn "ĐỊA-LINH NHƠN-KIỆT" về tỉnh Kiến-hoà, mặc dầu có nhiều khuyết-điểm vẫn gặp được sự cảm-thông và hoan-nginh nhiệt-liệt của báo-chí và các giới đồng-bào khuyến-khích, hôm nay chúng tôi tiếp-tục giới-thiệu với quý-vị bạn đọc thân-mến : tỉnh Bạc-Liêu qua các thời-đại, và rồi sẽ lần-lượt đến các tỉnh Định-tường, Cần-Thơ, Kiên-giang, Ba-xuyên, Bình-dương, Long-an, Biên-hoà v.v...

Đường xa gánh nặng, công-trình e quá sức chúng tôi chẳng ?

Chúng tôi cũng tự lượng sức mình không thể nào "đội đá vá trời". Nhưng nếu cứ ngồi một chỗ mà ngại núi e sông thì không bao giờ có công việc gì được khởi sự.

Cứ đi rồi sẽ tới !

Và, chúng tôi tin rằng dầu chúng tôi có mệt-mỏi giữa đường, sẽ có những bạn đồng-hành đồng-chí khác cứ tiến lên, nâng cao ngọn đuốc tinh-thần bất-khuất của dân-tộc,

HUỲNH-MINH

BIÊN TẬP ĐẠI Ý

CÂY có cội mới nở ngành xanh ngọn.
NƯỚC có nguồn mới bề rộng sông sâu.

LỊCH-SỬ loài người, dân-tộc, đất-đai sông núi đã có trên quả đất này, tất cả vạn-vật đều do Thượng-Đế dựng nên.

Chúng ta đã sanh làm người dân Việt sống trong bản dư đồ chữ S từ Nam-Quan chí mũi Cà-Mau, há chẳng niệm công ân tổ-tiên đã gian-lao khổ-nhọc gây-dựng nên mà lưu lại hậu thế ? Thiết-tưởng chúng ta phải cần biết đất-đai, tỉnh-lỵ xứ-sở làng-mạc của mình có những gì, do ai khai-sáng, đồng-bào dân-chúng sống như thế nào ? tài-nguyên kinh-tế có trù-phú hay không ? sự tiến-bộ qua mỗi thời-đại ra sao, điều ấy rất quan-trọng và cũng là điều tối-cần cho những ai mang dòng máu Tiên Rồng, bốn ngàn năm văn-hiến kết-tinh.

Ngày nay thế-hệ chúng ta ở vào thời-đại nguyên-tử, vật-chất bao trùm, ánh-sáng khoa-học tây-phương càng ngày càng bành-trướng khắp thị-thành lẫn thôn-quê. Văn-hoá ngoại-lai tràn-ngập : tiêu-thuyết khiêu-dâm, phim cao-bồi, kiếm-hiệp, chưởng, đảo hải di sơn v.v... Một số đồng nam-nữ thanh-niên bị đầu độc, hư thân mất nết, bán lương-tâm, mờ tối lương-tri, chạy theo dục-lạc của thế-lực kim-tiền không còn giữ được đạo-nghĩa gia-phong thuần-túy, dường như đặc-tính người Việt đã mất hẳn, từ tiếng nói giọng cười cũng đổi, cơ hồ họ muốn quên cả tiếng mẹ đẻ nữa là khác.

Ai là người yêu quê-hương đất-tổ, mến-trọng nghĩa-nhân, bảo-tồn dân-tộc tính, thấy vậy không khỏi đau lòng, e-ngại một ngày kia sẽ mất hẳn hết !!! Vì lẽ ấy, chúng tôi chịu khó tìm qua phần lịch-sử của mỗi tỉnh trong miền Nam, nói lên tiếng nói của quê-hương, khơi nguồn sống trong lòng dân-tộc hoà cùng lòng đất thân yêu của tiền-nhân để lại, từ tập tục, sự-tích, cổ-truyền.

Chúng tôi sẽ trình-bày với tánh-cách khách-quan, hướng dẫn quý độc-giả biết qua lịch-sử, địa-lý của tỉnh Bạc-liêu từ chương mục. Thiết-tưởng khi bắt tay vào việc viết qua «Bạc-Liêu Xưa và Nay», là cả một vấn-đề thiếu-thốn về phương-tiện, nhưng với sự cố-gắng, chí nhẩn-nại là yếu-tố phục-vụ của chúng tôi, sẽ không phụ lòng bạn đọc tin yêu, kỳ vọng. Chúng tôi sẽ đưa ra nhiều chuyện hay tích lạ của tỉnh này, công-trình hằng bao nhiêu tháng sưu-tầm khảo-cứu, nói lên đề làm nổi bật một tỉnh trù-phú, khét tiếng giàu có về ruộng lúa, ruộng muối phì-nhiều, sông dài bề rộng, dân-chúng đủ cơm ăn áo mặc, sự sống dễ-dàng, con người hay tôn-thờ tín-ngưỡng, hiền-lành chất-phác, phần đông là người Tiều (Triều-Châu), người Hẹ (Hải-Nam) đến sanh cơ lập nghiệp nơi tỉnh này lúc chưa thành lập. Tỉnh Bạc-Liêu ngày xưa có thể nói là một tỉnh thần-huyền và có nhiều giai-thoại đặc-biệt hơn các tỉnh khác, chúng tôi sẽ trình bày nơi phần thứ III trong tập sách này.

Bạc-Liêu hồi đời Pháp-thuộc rất sung-túc, dân-cư đông-đảo, nổi tiếng là xứ ăn xài, lắm khách hào-hoa phong-nhã, chợ búa mua bán phồn-thịnh, nền kinh-tế dồi-dào. Cho đến khi chánh-phủ Ngô-đình-Diệm chấp-chánh, Bạc-Liêu sáp nhập về tỉnh Ba-Xuyên (Sóc-Trăng cũ), trước kia thịnh-vượng đông-đảo bao-nhiều, bấy giờ lại hoá ra u-trệ bấy nhiêu. Vì bỗng dưng bị thu hẹp lại thành một quận gọi là quận Vĩnh-Lợi, trọn 9 năm châu thành Bạc-Liêu lâm vào cảnh vắng-vẻ, nền kinh-tế bị sụp-đổ, du-khách có dịp đi ngang qua cảm-tưởng cho là một tỉnh bị chiến-tranh tàn-phá.

Kịp khi các vị tướng lãnh quân-đội Việt-Nam cộng-hoà đứng lên lật đổ chánh-phủ Ngô-đình-Diệm, ngày 1 tháng 11 năm 1963, Hội-dồng quân-lực ra nghị-định tái lập tỉnh Bạc-Liêu như trước, từ đây Bạc-Liêu vượt tiến, kẻ ra không kém-sút các tỉnh khác trong cái đã chỉnh-trang kiến-thiết :

Về mặt quân-sự, nơi đây đặt bản dinh của Tư-lệnh Sư-đoàn 21 bộ-binh do vị Chuẩn-tướng điều-khiển, coi 5 tỉnh : An-Xuyên, Bạc-Liêu, Ba-Xuyên, Chương-Thiện, Phong-Dinh nằm trong lãnh-thò vùng IV chiến-thuật.

Lần-lượt chúng tôi sẽ đề-cập sự phát-triển của Bạc-Liêu xưa nay qua các phương-diện.

Phần thứ nhất

BẠC-LIÊU QUA CÁC THỜI-ĐẠI

Phụ-biên Cà-Mau (An-Xuyên)
trải các cuộc thăng-trầm

LỊCH-SỬ BẠC-LIÊU

N GUỘC dòng thời-gian, vào đầu thế-kỷ thứ XVIII, Bạc-Liêu hầy còn là một hoang-địa. Theo sử sách và lời thuật lại theo ký-tức của các bậc bề-lão, thì dân-cư đến sinh cơ lập nghiệp ở vùng này chưa quá 200 năm. Những di-tích lịch-sử như các đình chùa, miếu mộ đã xác nhận điều đó.

Những dân-cư đầu tiên đã đến sinh cơ lập nghiệp ở đây vì nhận thấy có hai phương thể thuận lợi để sinh-sống. Một là gần biển thuận tiện cho ngư-nghiệp. Hai là đất phù sa phì nhiêu thanh-mậu, trồng trọt thứ gì cũng đắc lợi. Nơi người ta đến ở đầu tiên là khu-vực của tổng Thạnh-Hưng hiện thời.

Những người đến ở vùng này trước nhất là người Miên từ Sóc-trăng và Trà-vinh qua, với những người Tàu gốc Triều-châu tới lập cơ sở đánh cá và trồng tía hoa màu trên những đồi cát bọc theo bờ Nam-hải. Hiện nay cũng có những Huê-kiều tiếp tục sinh-nhai về hai nghề ấy. Lại cũng có một số ít Huê-kiều thử làm ruộng muối.

Những ruộng muối thời xưa nằm gần kề bên tỉnh-lỵ Bạc-Liêu bây giờ, nhưng ngày nay thì lại cách tỉnh-lỵ rất xa. Đó là bằng chứng : ngày trước bờ biển nằm ngay ở chỗ hiện thời là tỉnh lỵ ; đất bồi lấn hồi đã lấn ranh giới của biển đang ra xa, để cho người chiếm ở.

TRẢI 142 NĂM (1740-1882) TỪ HUYỆN TRẦN DI ĐẾN TỈNH BẠC-LIÊU

Từ đầu thế-kỷ 18, trên bước đường Nam tiến, dân Việt ta đã lần hồi có mặt nơi vùng đất Bạc-Liêu, Cà-mau. Cho đến khi chúa Nguyễn-Ánh chạy loạn Tây-sơn, chúa tể binh tướng nhà Nguyễn qua vùng đất này thường hơn nơi nào cả.

Bạc-Liêu khi xưa chỉ là một huyện trực thuộc guồng máy hành-chánh của Trấn Hà-Tiên lúc ấy gồm có 4 huyện như sau :

- 1) Long-Xuyên (Cà-Mau bây giờ)
- 2) Kiên-Giang (Rạch-Giá)
- 3) Trấn-Giang (Cần-Thơ)
- 4) Trấn-Di (Bạc-Liêu)

Đến đầu thế-kỷ 19, miền nam Việt-Nam chia thành 6 tỉnh, thường gọi là Nam kỳ lục tỉnh :

Ba tỉnh miền Đông gồm có :

- 1) Gia-Định
- 2) Biên-Hoà
- 3) Định-Tương

Ba tỉnh miền Tây :

- 4) Vĩnh-Long
- 5) An-Giang
- 6) Hà-Tiên

Cố-nhiên trong giai-đoạn này Bạc-Liêu vẫn là phần đất còn nằm trong hệ-thống tỉnh Hà-Tiên. Mà Hà-Tiên trải các đời chúa Nguyễn đều giao trọng-trách cho họ Mạc (Mạc-Cửu, Mạc-Thiên-Tịch) làm Tổng-binh Đại đô-đốc, canh phòng chốn biên-thùy, ngăn chống quân Tiêm (Xiêm-la tức

Đồng ruộng tỉnh Bạc Liêu



Đây là quang cảnh cấy lúa trước một cánh đồng ruộng thênh thang, dựa theo quốc lộ số 4, đường Bạc Liêu Cà Mau.

Ảnh Viễn Đông
(Bạc Liêu)

Sa-Đéc, Aug 12, 2015

Thái-Lan), dẹp quân Chân-Lạp (Cao-miên tức Cam-bốt) thường sang quấy-nhiều. Họ Mạc vốn người Việt gốc Hoa, nên lúc Hà-Tiên được khai sáng phần-thịnh, thì người Trung-Hoa ở Phúc-kiến, Hải-nam, Quảng-tây, Quảng-đông, vì chống lại nhà Mãn-Thanh nên bị săn đuổi phải trốn sang Hà-tiên ngày một đông. Do đó, đời tổng-binh Mạc-Thiên-Tích (con Mạc-Cửu), đoàn người Trung-Hoa lưu-vong ấy dần dần được di-cư tới huyện Trấn-di để khai-hoang lập-nghiệp, nhiều nhất là người Triều-châu. Chính vì thế mà ngày sau, người Triều-châu (tục gọi là người Tiều) chiếm gần hết guồng máy sinh-hoạt ở Bạc-liêu.

Đời Tự-Đức, Kinh-lược-sứ Nguyễn-tri-Phương có đến tận vùng này lập nhiều đồn-diên và làng xã.

Đến lúc sáu tỉnh Nam-kỳ thuộc Pháp, từ năm 1882, Bạc-Liêu mới được lập thành tỉnh.

downloadsachmienphi.com

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

TÌM HIỂU DANH-TỪ BẠC-LIÊU

DANH-TỪ Bạc-Liêu, đọc theo tiếng Hoa-kiều, giọng Triều-châu gọi là Pồ léo, có nghĩa là xóm nghèo, làm nghề hạ-bạc, tức nghề chài lưới, đánh cá, đi biển.

Pồ phát âm theo tiếng Hán Việt là «Bạc» và **Léo** phát âm thành «Liêu».

Một thuyết khác cho rằng : **Pồ** là bót, đồn. **Liêu** là Lào (Ai-lao) theo tiếng Cao-miên, vì trước khi người Hoa-kiều đến sinh sống, nơi đó có một đồn binh do người Lào đồn trú.

Người Pháp do theo tiếng Triều-châu Pồ-Léo có nghĩa là xóm nghèo làm nghề hạ-bạc — như đã nêu ở trên — nên dịch theo nghĩa ấy là Pêcherié — chaume (đánh cá và cỏ tranh).

BẠC-LIÊU TRẢI QUA CÁC CUỘC BIẾN LOẠN

Từ năm Đinh-Dậu 1777, cuộc tranh-chấp giữa quân đội Tây-sơn và quân-đội chúa Nguyễn đến giai-đoạn quyết-liệt, vùng Bạc-Liêu Cà-Mau từng là nơi chúa Nguyễn bôn-tàu. (Chúng tôi sẽ lần-lượt kể các chuyện trong khi « Gia-Long tâu-quốc » nơi phần thứ II và phần thứ III).

Ngoài cuộc nội-loạn lớn ấy, còn có lắm cuộc biến-động hải-hùng trên vùng đất Bạc-Liêu :

1) LOẠN HOA-KIỀU PHỦ-LIÊM

Thế-sự tuần-hoàn, hết suy đến thịnh.

Sau thời-kỳ thua Tây-Sơn xiềng-niềng và chạy trốn chết, lại đến hồi Nguyễn-Ánh nhờ ngoại viện trở phản-công, Tây-Sơn hết thời, Nguyễn-Ánh thống-nhất giang-san, lập triều-đại nhà Nguyễn dưới danh-hiệu Gia-Long hoàng-đế.

Suốt thời-đại Gia-Long, Bạc-Liêu không có gì lạ. Qua đời Minh-Mạng, xảy ra cuộc nội-loạn do Hoa-kiều chủ xướng.

Năm 1840, một Hoa-kiều tên Phủ-Liêm gây loạn chống Nam-triều. Nguyên do : vua Minh-Mạng vì tư thù nên xử tệ với công-thần của tiên-đế : Tả-quân Lê-văn-Duyệt Tổng-trần thành Gia-Định.

Lúc sống không dám ngang-nhiên ngược đãi, vua Minh-Mạng chờ đến lúc Tả-quân tạ-thế mới dùng nghiêm luật nhục-mạ đấng công-thần, gây công-phẫn trong dân tằm, thúc đẩy nghĩa-tử Lê-văn-Khôi dấy lên. Trong bộ tham-mưu của Lê-văn-Khôi có người Hoa-kiều là Mạch-tấn-Giai làm đầu não. Do đó, khi binh triều dẹp xong Lê-văn-Khôi, chẳng khỏi đàn áp thẳng tay đến người Hoa-kiều ở rải-rác khắp nơi trên lãnh-thổ ta lúc bấy giờ.

Bị tình nghi có dính líu vào cuộc Lê-văn-Khôi dấy binh, những Hoa-kiều ở Bạc-Liêu bị quan quân của triều Minh-Mạng khủng-bố đủ điều. Bất bình, họ nổi loạn chống triều đình, dưới sự lãnh-đạo của phủ Liêm, từng đoàn kéo đi đốt phá cướp bóc không nương tay để trả đũa. Dân-chúng ở Cà-mau chịu thiệt hại rất nhiều. Viên tri-huyện Nguyễn-Hiền Năng bị hạ sát. Tại Tân-xuyên hiện nay còn có một đài kỷ-niệm do dân-chúng dựng lên, để kỷ-niệm công-đức ông Huyện Năng (ông huyện này, lúc sanh tiền vốn là một minh-quan, một người hiền-đức mới được nhân-dân đối xử như thế.) (1)

Đối với cuộc nổi loạn của Hoa-kiều do Phủ-Liêm cầm đầu, quan quân ở Châu-đốc và Hà-tiên đồng tâm hiệp lực kéo binh qua chinh tiêu một thời-gian mới đàn áp được.

Do kinh-nghiệm vụ này, về sau Nam triều đã lập một huyện tại Cỏ Cò, với mục-dịch hoàn-toàn về chiến-lược. Đồn binh ở Cỏ Cò hiện nay chỉ còn để lại một nền đất cao làm di tích.

2) CUỘC NỔI LOẠN CỦA NGƯỜI MIỀN TIA, SUM

Năm 1859, hai người Cao-miền tên Tia và Sum gốc gác ở Trà-khương là miền hiện thuộc về Sóc-trăng, tự xưng là nguyên-soái (Sana) dấy binh làm loạn, lôi kéo theo chúng tất cả người Miên và Hoa-kiều. Phong-trào phiến-loạn sôi-nổi dữ-dội và trở nên toàn-diện tại Bạc-Liêu và Sóc-trăng. Viên lãnh-binh của Nam triều chỉ-huy đồn Bãi-Xàu bị tử-trận, đồn thất-thủ, binh-sĩ bị sát hại gần hết.

Hạ được đồn Bãi-Xàu, quân phiến-loạn phần-khởi thêm lên, kéo đi gây sự khủng-bố khắp nơi. Quan binh ở Bạc-Liêu vô kế khả thi phải cầu viện với Tổng-đốc An-Giang.

(1) Xin xem thêm ở phần thứ hai, về chương Danh-nhân.

Vị tổng-đốc An-giang phái ngay một viên lãnh-binh chỉ huy đoàn thủy-quân lục-chiến kéo đến đánh dẹp. Trong đạo quân này, còn có đoàn quân tinh-nguyên Mã-Lai gọi là « Chiến thắng quân ».

Nghe tin, quân phiến-loạn dàn trận chống cự. Một trận đại-chiến quyết-liệt xảy ra tại Vàm-Lẻo cửa vào rạch Bạc-Liêu. Đạo binh Nam-triều đánh cho quân phiến-loạn tã-toi không còn manh giáp. Sana Tia tử trận. Quân phiến-loạn tan vỡ, vác thầy chủ tướng đào tẩu.

Công cuộc bình-định đã xong, an-ninh tái lập.

3) NGƯỜI MINH-HƯƠNG VÀ THIÊN-ĐỊA-HỘI

Từ cuộc đô-hộ của người Pháp cho đến mãi về sau, người Tàu và Minh-Hương ở trên đất nước này được hoàn toàn độc lập.

Những nghị-định năm 1867 và 1870 đồng hoá người Minh-Hương với người Tàu, cho họ được miễn nhiều sưu-thuế. Mãi đến năm 1874 mới có một sắc lệnh ban hành ngày 31 tháng 8 d.l. thu hồi những nghị-định nói trên và kể từ đây người Minh-hương được đối xử hoàn-toàn như người Việt. Chính vào thời-kỳ này ở Bạc-Liêu phát sinh phong trào hội kín « Thiên-địa-hội », sự an-ninh trong xứ bị rối-loạn vì những hội-viên « Thiên-địa-hội » hoạt-động phi-pháp khủng-bố lương-dân, bắt buộc những người có máu mặt trong vùng phải đóng tiền vô quỹ của hội.

Những hội viên của hội kín này gồm có Hoa-kiều, người Minh-hương và cả người Việt cũng có chân nữa. Ở vùng Bạc-liêu có hai Thiên-địa-hội hoạt-động mạnh và gây rối

loạn hơn hết là Hội-Nghĩa-hưng kéo (cờ) xanh và Hội-Nghĩa hoà kéo vàng. Hai hội tranh đua giành giật ảnh-hưởng và quyền lợi với nhau, thường, gây ra những trận ẩu đả chém lộn đổ máu làm mất an-ninh. Để văn-hồi trật-tự, bảo-vệ an-ninh cho dân-chúng, chánh quyền mới quyết-định phải lập một trung-tâm hành-chánh tại Bạc-liêu. Do đó, tỉnh Bạc-liêu thành hình vào năm 1882.

4) LOẠN LÂM-LÂM

Thổ-dân Lâm-Lâm cầm đầu dân Lạc-Hoà quận Vĩnh-Châu nổi loạn đồng thời với loạn Tia, Sum đã nói trên tại bãi Phù-tự (tên cũ của Bãi-xà, tức là quận Mỹ-Xuyên hiện thời). Nam triều phải vô cùng vất-vả mới dẹp xong. Trong dịp này Nguyễn-tri-Phương vâng chỉ vua vào tận nơi tổ-chức lại hệ-thống cơ đội, đồn-diên khắp nơi, di-tích còn các nền đồn cũ ở các vùng xã Vĩnh-Trạch, Vĩnh-Mỹ, Long-Thạnh, quận Vĩnh-Lợi, với một số khí-giới tìm thấy khoảng năm 1930.



NHỮNG THĂNG TRÀM, BIẾN CHUYỂN CỦA BẠC-LIÊU



TRONG thời Pháp-thuộc, tỉnh Bạc-Liêu thành lập vào năm 1882 do viên chủ tỉnh đầu-tiên là Lamothe de Carrier nắm quyền cai-trị. Lúc đầu chỉ gồm có 2 quận : Vĩnh-Lợi và Cà-Mau. Đến năm 1904, phân ranh lại, lập thêm quận Vĩnh-Châu gồm tổng 5 làng. Rồi đến năm 1918, lại cắt phần đất thuộc quận Cà-Mau và tỉnh-ly mà lập thành một quận nữa là quận Giá-Rai. Trước sau tất cả gồm 4 quận, diện-tích chung phỏng-định 705.000 mẫu tây (1/8 diện tích của miền Nam), chia ra như sau :

- Vĩnh-Lợi 44.784 mẫu tây
- Cà-Mau 521.000 —
- Vĩnh-Châu 31.688 —
- Giá-Rai 107.531 —

Năm 1957, quận Phước Long thuộc tỉnh Rạch Giá (bây giờ là Kiên Giang) được sáp nhập qua Bạc Liêu (trong khi quận Cà-Mau trong tỉnh đã đổi thành tỉnh), chia ra 4 quận:

- Vĩnh-Lợi
- Vĩnh-Châu
- Giá-Rai
- Phước-Long

Tám năm sau, tỉnh Bạc-liêu bị chính-phủ Ngô-đình-Diệm bãi bỏ đi. Do sắc lệnh số 143/NV ngày 25-10-55 bốn quận kể trên đã sáp nhập với Sóc-trăng thành ra tỉnh Ba-xuyên tỉnh lỵ Bạc-liêu trở thành quận lỵ Vĩnh-Lợi. Tỉnh Cà-mau thì đổi tên là An-Xuyên. Rồi năm 1961, nghị định số 244/NV ký ngày 24-12-61, lại rút quận Phước-Long đã sát-nhập tỉnh Ba-xuyên mà đem vào địa phận tỉnh Chương-thiện mới thành-lập.



downloadsachmienphi.com

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

Tu muối ngày xưa



downloadsachmienphi.com

Download Sách Hay | Đọc Sách Online



*Tu muối nằm dọc theo bờ sông quận Vĩnh Lợi (Bạc Liêu)
Vì bị chiến tranh tàn phá, nay không còn nữa!*

Ảnh sưu tầm

Những cuộc thay đổi danh-từ và ranh giới đều do một ý định : thủ tiêu các tàn tích của thời-kỳ thực-dân đo-hộ. Dụng ý vẫn có hay, nhưng vì không nghiên-cứu kỹ, nhằm mục-dịch tuyên-truyền chính-trị hơn là nghĩ đến sự thiết-thực tiện lợi cho quần chúng, chính-phủ Diệm đã động phạm đến luật tự nhiên. Rốt cuộc, vẫn phải trở về đường lối cũ.

Kể từ ngày 1-10-64, tỉnh Bạc-liêu được tái lập do sắc-lệnh số 245/NV ký ngày 8-9-64 gồm 4 quận cũ, chia làm 5 tổng, 17 xã :

Vĩnh-Lợi
Vĩnh-Châu
Giá-Rai

} rút lại của tỉnh Ba-Xuyên

Phước-Long : rút về của tỉnh Chương-Thiện

downloadsachmienphi.com

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

BỘ MẶT BẠC-LIÊU HIỆN THỜI

VỊ-TRÍ – ĐỊA-GIỚI

Tỉnh Bạc-Liêu nằm về phía đông nam Nam-Việt. Tỉnh lỵ Vĩnh-Lợi nằm về hướng đông của tỉnh. Phía bắc giáp tỉnh Ba-Xuyên (Sóc-Trăng và Chương-Thiện, đông và nam giáp biển Nam (Nam-hải), tây giáp tỉnh An-Xuyên (Cà-Mau) và Kiên-Giang (Rạch-Giá).

DIỆN-TÍCH – DÂN-SỐ

Diện-tích toàn tỉnh phỏng độ trên 238.000 mẫu tây. ⁽¹⁾

Dân-số lối 257.154 người. Trong số ấy có 46.552 người Việt gốc Miên, 21.543 người Việt gốc Hoa và một ít ngoại-khieu.

(1) Diện-tích toàn tỉnh ngày nay, so với năm 1917 chỉ còn 1/3.

1) QUẬN VINH-LỢI :

Diện-tích : 35.172 mẫu tây

Dân-số : 101 80.622 người

Nằm dọc theo bờ Nam-hải, quận-ly đặt tại xã Vĩnh-lợi tức châu-thành Bạc-liêu hiện tại, quận Vĩnh-lợi gồm có 1 tổng là tổng Thanh-hoà, và 5 xã chia làm 59 ấp :

Xã Vĩnh-lợi dân số	45.853 người
— Hoà-bình —	9.591 —
— Long-thạnh —	9.019 —
— Hưng-hội —	8.429 —
— Vĩnh-trạch —	7.640 —

Riêng về thị-xã Bạc-liêu, dân số tới 40.000 người (đó là chưa kể quân-nhân và gia-đình binh-sĩ). Mật độ trung-bình 825 người sinh sống trên 1 cây số vuông.

2) QUẬN VINH-CHÂU

Diện-tích : 37.060 mẫu tây

Dân-số : 50.157 người

Địa phận Vĩnh-châu là một phần đất cũ của quận Vĩnh-lợi được tách rời ra, tọa lạc ở phía đông tỉnh Bạc-liêu, chạy dọc theo bờ biển Nam. Quận-ly đặt tại xã Vĩnh-châu, gồm có 1 tổng Thanh-hưng chia làm 5 xã, 38 ấp.

Xã Vĩnh-châu	12.615 người
— Vĩnh-phước	12.729 —
— Lai-hoà	10.134 —
— Lạc-hoà	9.261 —
— Khánh-hoà	5.397 —

3) QUẬN GIÁ-RAI

Diện-tích : 109.119 mẫu tây

Dân số : 86.948 người

Địa-phận quận Giá-rai giáp ranh tỉnh Chương-thiện, An-xuyên và biển Nam, nằm về phía tây nam tỉnh Bạc-liêu trên quốc-lộ số 4, giữa đường Bạc-liêu đi Cà-mau. Quận-ly đặt tại trung-tâm diêm của quận tại xã Phong-thạnh, gồm có tổng Long-thủy, chia làm 5 xã, 94 ấp.

Xã Phong-Thạnh	23.722 người
— Vĩnh-Mỹ	12.295 —
— Long-Điền	22.174 —
— An-Trạch	14.358 —
— Vĩnh-Hưng	14.399 —

4) QUẬN PHƯỚC-LONG

Diện-tích : 56.800 mẫu tây

Dân số : 39.448 người

Quận Phước-Long nằm giáp ranh 3 tỉnh An-Xuyên, Kiên-Giang và Ba-Xuyên. Gồm có hai tổng : Thanh-Bình và Thanh-Yên, chia làm 4 xã, 39 ấp.

Xã Phong-thạnh-tây	5.791 người
— Ninh-thạnh-lợi	7.554 —
— Phước-long	6.483 —
— Vĩnh-phú	19.620 —

ĐỊA-CHẤT

Toàn-thể tỉnh Bạc-Liêu là đồng bằng, không có núi non, nhưng sông rạch và kinh đào chằng-chịt.

Vùng quận Vĩnh-Châu và Vĩnh-Lợi đất cao liền lạc và sát biển phù-sa, có nhiều giồng cát dài theo mé biển Nam ; từ bắc xuống nam là nơi trồng-trọt rất tốt, thuận cho sự chăn nuôi ; có vườn cây trái, nhất là nhãn ngon có tiếng.

Dân-cư ở miền này hầu hết là người Miên. Phía nam Bạc-Liêu, ruộng dọc theo bờ biển đất sét cứng rất tốt để khai thác nghề làm muối.

Vùng Giã-Rai và Phước-Long trước kia đồng lầy mênh-mông, đất phân và đất phèn pha trộn, có nơi thấp hơn mặt nước, nhờ hải lưu ở Thái-Lan chuyển đất bùn đến bồi cao dần, đồng thời dòng nước Cửu-long-giang cũng cuốn đất phù-sa tạt cao-nguyên Tây-tạng đem đến tăng thêm phần màu mỡ. Gió mùa từ vịnh Thái-Lan thổi vào làm nước ứ đọng hằng niên, nên gọi là lũng biển. Biển ngày xưa là vùng rộng lớn gồm Cà-Mau (nay là An-Xuyên), U-Minh và Phước-Long.

Nhiều rạch bắt nguồn từ lũng biển tủa ra khắp nơi không có đường phân nước. Đất Bạc-liêu được làm thành trong thời-kỳ yên-tĩnh của trái đất (đệ-tứ nguyên đại) vì người ta không thấy các núi cao hay những loại cá của những nguyên-đại trước. Như vậy sự sống của sinh vật không phải là xưa lắm.

SÔNG NGÒI

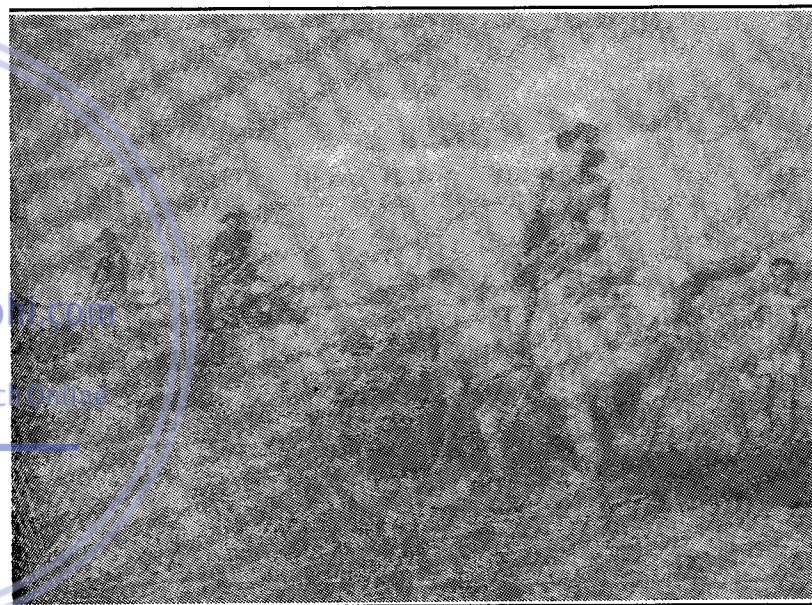
Bạc-liêu không có núi đồi, chỉ là cánh đồng ruộng mênh-mông. Mặt đất chỉ cao hơn mặt biển 4 thước. Đồi lại có nhiều sông rạch.

Sông rạch Bạc-liêu bắt nguồn nơi vùng đồng lầy Cà-mau, chia ra hai nhóm :

a) NHÓM CHẢY RA NAM-HẢI

1) Sông Gành hầu 55 cây số, nước chảy mạnh, hai bên có nhiều đất đai mới khai phá. Có các nhánh là rạch Giồng ké, rạch quan lộ, rạch Nhà thờ, rạch Cái keo, rạch Gốc v.v...

Cộ lúa về sân



Các nhà nông đều lộ vẻ hân hoan, đưa nhau ra đồng gặt lúa, bó lại từ bó, để lên chiếc cộ, cho xe trâu kéo về sân.

Ảnh Viễn Đông
(Bạc Liêu)

2) Rạch Bạc-liêu 35 cây số nhập với rạch CỎ CỎ.

3) Rạch CỎ CỎ 18 cây số từ nguồn đến sông Mỹ-thanh, hay khúc trong đất liền và khúc trước khi chảy ra biển, từ cây số gọi là sông Mỹ-thanh cũng gọi chung là sông Mỹ-thanh (70 cây số) với các nhánh : rạch Lé, rạch Bạc-liêu, rạch Trà-nho, rạch Trà-niêu, rạch Trà teo.

Hai bên rạch Bạc-liêu, rạch CỎ CỎ và sông Mỹ-thanh, ruộng đất phì nhiêu, dân cư trù phú.



b) NHÓM CHẢY RA SÔNG BA-THẮC (BASSAC)

Nhóm này toàn là rạch nhỏ của rạch Ba-xuyên, đều chảy ra sông Ba-thắc (thường gọi là sông Hậu tức Hậu-giang).

Rạch nhỏ, rạch nhánh ở Bạc-liêu rất nhiều không kể xiết.

Các sông rạch và kinh đào ở Bạc-liêu đều thông thương với nhau, vì có nhiều rạch nhánh và kinh nhỏ nối liền ; hoặc các sông xuyên qua nhau, nên sự đi lại bằng đường thủy rất tiện bằng tam bản, ghe buồm, tàu nhỏ, nhất là sử dụng các loại máy ho-bo (hors bord) hoặc đuôi tôm.

Tàu lớn khó lưu-thông vì cửa sông có nhiều cồn cạn và trong sông cũng không được sâu đồng đều, khúc hẹp thì sâu, khúc rộng thì cạn, nước ròng có thể lội qua được.

KINH ĐÀO

Tỉnh Bạc-Liêu tuy có nhiều sông chằng-chịt nhưng cũng không đủ sức tháo nước phèn và giao-thông ; nên chánh-quyền và các điền-chủ đã hợp-tác đào kinh bằng đủ mọi phương-tiện.

Hai nhóm kinh đào, nhóm lớn ở phía tây, nhóm nhỏ ở phía đông.

a) KINH LỚN :

- 1) Kinh Bạc-Liêu — Cà-Mau 66 cây số, đào năm 1915.
- 2) Kinh quan-lộ Phụng-Hiệp tháo nước phía đông bắc tổng Long-Thủy nối liền An-Xuyên với Ba-Xuyên và Phong-Dinh, dài 140 cây số, 34 cây số thuộc địa-phận Bạc-Liêu đào năm 1915.
- 3) Kinh Quan-lộ Giá-Rai tháo nước phía tây tổng Long-Thủy, nối liền Giá-Rai — Chương-Thiện, 17 cây số, đào năm 1920.
- 4) Kinh Hộ-phòng — Quan-lộ 14 cây số đào năm 1931.
- 5) Kinh Bạc-Liêu — Ngăn Dừa nối liền Bạc-Liêu Chương-Thiện dài 28 cây số (— 5 cây số thuộc địa-phận Bạc-Liêu, đào năm 1925.
- 6) Kinh Lộ-Bẽ — Gành-Hầu, 18 cây số, đào năm 1925.

b) KINH NHỎ :

- 1) Kinh Giồng-Me chạy dài theo ruộng muối.
- 2) Kinh Bạc-Liêu — Bãi-Xàu chạy qua Cái-Dầy, Phú-Lộc nối liền Bạc-Liêu — Ba-Xuyên.
- 3) Kinh Thạnh-Hưng cạn vì nhiều bùn, nối liền Bạc-Liêu — Vĩnh-Châu.
- 4) Kinh Trà-Nho, kinh Vĩnh-Châu — Cỏ Cò nối liền xã Lạc-Hoà, Vĩnh-Phước, Vĩnh-Châu và Cỏ Cò.
- 5) Kinh Vĩnh-Châu — Khánh-Hoà.
- 6) Kinh Vàm-Sắt và kinh Thị-Ngạm tháo nước từ Lạc-Hoà ra biển qua rạch Trà-Nhiều và sông Mỹ-Thanh.

BỜ BIỂN

Bờ biển Bạc-liêu dài ước độ 350 cây số. Phần nhiều bùn lầy và nhiều cây cối, nhất là cây bần. Từ cửa sông Gành hầu đến cửa sông Mỹ-thanh có hai ba bãi cát, bờ biển thấp và phẳng ; dân-cư làm muối, trồng trọt hoặc nuôi tép cá.

Bờ biển không có hải-cảng vì bùn lầy và cạn, chỉ có bến ghe nhỏ. Theo truyền khẩu : Năm 1882, bờ biển còn

tại chợ chùa Cá ông và chùa này ở tại mé biển. Năm 1926 bờ biển ở tại Xóm nhà mát (cách chùa Cá ông độ 1.000 thước) nhưng nay bờ biển đang ra 300 thước cách chùa Cá ông, tức là đất đã lấn nước biển 300 thước.

ĐƯỜNG SÁ

Đường sá tỉnh Bạc-liêu mở-mang rất khó-khăn, vì đất thấp và mềm. Tuy vậy, một số lớn đường sá thuộc tỉnh Bạc-liêu cũng được tráng nhựa và còn lại số ít cán đá xanh hoặc đất hăm.

QUỐC-LỘ SỐ 4

Đường bộ : từ Bạc-liêu lên Sài-gòn 280 cây số, rộng 6 thước bề ngang.

Từ Bạc-liêu đến An-xuyên 66 cây số

—	—	—	Ba-xuyên	48	cây số
—	—	—	Cái Dầy	6	—
—	—	—	Hoà-binh	11	—
—	—	—	Giá-rai	30	—
—	—	—	Định-thành	53	cây số

Tỉnh-lộ 38 : Cán đá xanh, bề ngang 4 thước

Đường bộ : từ Bạc-liêu đến Vĩnh-châu 30 cây số

—	—	—	Lai-hoà	13	—
—	—	—	Vĩnh-phước	24	—
—	—	—	Lạc-hoà	42	—
—	—	—	Mỹ-thanh	43	—

Hương-lộ 6 :

Bạc-liêu — Hưng-hội — Gia-hoà 14 cây số

Giá-rai — Gành-hầu 25 cây số

Giá-rai — Mỹ-diên 20 cây số

Đường duyên-hải : Bạc-Liêu, chùa Cá Ông, Vĩnh-Châu, Mỹ-Thanh 53 cây số, 4 thước bề ngang, đất hăm.

Số 7 : Cây Bàng ra biển Vĩnh-Lợi 8 cây số.

KHÍ HẬU VÀ THỜI TIẾT

KHÍ-HẬU tỉnh Bạc-Liêu mặc dầu nóng-nực và ướt-át, nhưng không quá oi-bức, nhờ có gió biển suốt năm và gió mùa nhiều hơn các tỉnh khác. Thời tiết cũng ít thay đổi và đột-ngột, nhiệt-độ thấp nhất 21° vào mùa mưa, cao nhất 36° vào mùa nắng.

Mưa khá nhiều, từ 1500 đến 2000 li mỗi năm.

Mùa nắng khi hậu khá độc, nước sông mặn đắng, nơi thiếu bóng cây hơi bùn lầy bốc lên, nhiều muỗi-mòng. Gió nồm hay gió mùa thổi từ tây nam sang đông bắc từ tháng tư tháng năm đến tháng 10, 11 dương lịch, từ Vịnh Thái-Lan thổi vào ẩm-ướt. Đây là mùa mưa. Gió đông bắc thổi ngược lại từ tháng 10, 11 đến tháng 4, 5 dương-lịch khô ráo, không mưa hoặc ít mưa. Đó là mùa nắng.

Ngoài hai ngọn gió chính còn có gió trở mùa báo trước sự thay đổi khí hậu. Người ta thường bị đau ốm vào khoảng này.

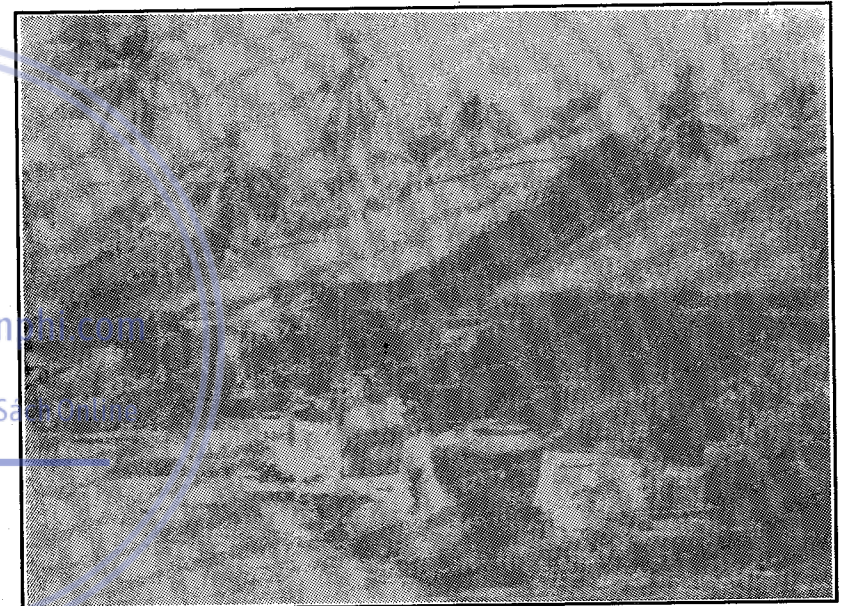
Gió nam, thổi từ nam qua bắc, nóng bức, báo trước mùa mưa sắp đến, mùa nắng sắp qua.

Gió tây, thổi từ tây sang đông, hơi lạnh, có khi gây giông tố, báo hiệu sắp có mưa nhiều, nước lụt. Mỗi năm gió tây thổi lại vào khoảng tháng 8 âm lịch.

Gió đông, thổi từ đông sang tây, khô ráo, thường bốc lên từng cơn gió lốc cuốn cát bụi mịt trời, thành những cây gió gọi là con trốt, nên gọi là gió chướng, khoảng tháng chạp và đầu tháng giêng âm lịch, báo mùa lúa chín và Tết đến.

Gió bắc, gọi trại là gió bắc, thổi từ bắc xuống nam, lạnh-lùng khô ráo, khoảng tháng chạp âm-lịch. Ngọn gió này làm cho bùn lầy mau khô, nước mau cạn, lá mau héo, lúa mau chín, trẻ con chóng lớn, người lớn chóng già.

Cảnh đồng quê xóm Cái Dầy



Những căn nhà lá của nông dân, ở dọc theo bờ kinh quốc lộ số 4, cách tỉnh lỵ Bạc Liêu 3 cây số ngàn.

Ảnh sưu tầm

Sa-Đéc, Aug 12, 2015

THẢO-MỘC VÀ CẦM-THÚ

ỈNH Bạc-liêu do đất phù-sa tạo thành, nên đồng ruộng phì nhiêu. Không có rừng lớn và rậm nên không có nhiều loại thú rừng. Thuở xưa chỉ có một ít thú như cọp, mèo rừng, heo rừng, hươu nai, khỉ, lợn nòi, chồn đen, chồn cáo cộc, ở theo rừng rậm.

Ở Bạc-liêu có nhiều rắn : hổ đất, hổ mây, mái gầm, rắn trun hai đầu, rắn lục xanh, lục lửa (rắn độc), rắn nước, rắn (hiền). Dưới sông có loài dền (một giống rắn ở nước mặn), cũng có hai thứ độc gọi là dền cườm.

Cũng có một ít sấu, loại lớn ở sông, loại nhỏ gọi là sấu cá ở bưng và lung. Lại có giống rái ở theo rạch và ruộng. Rùa còn khá nhiều ở các vùng lau sậy và cỏ mọc um-tùm.

Các vùng Thanh-hoá, Thanh-hưng, Long-thủy có nhiều loại chim như : chẵn bè, gà dầy, cò lông bông, le le, vịt nước, cồng-cộc, mỏ nhác, ốc cao, thẳng chài, trích, quạ, diệc và nhiều loại chim nhỏ.

Bảy mươi phần trăm đất đai ở Bạc-liêu trồng lúa, độ 5% trồng trọt các loại bắp, khoai, rau cải v. v . . .

Tại quận Giá-rai có ít rừng tràm, nách dài, các loại cây gỗ, cây mắm mọc theo sông Gành hầu, nhưng thưa thớt.

Quận Vĩnh-châu có rừng mắm và bần mọc ở Cồn-nọc (thuộc xã Lai-hào). Thường dùng cây mắm làm củi.

Phụ-biên

CÀ-MAU

*một quận xưa nổi tiếng của Bạc-liêu
và quận Nămcăn, nằm trong địa-phận
Cà-mau, tức An-xuyên nay.*

TRƯỚC khi được nâng lên hàng một tỉnh, Cà-mau trong 74 năm là một quận của tỉnh Bạc-liêu.

Lúc thoát tiên chỉ là một cái trũng, nhờ có vịnh Xiêm-La (Thái-Lan) bồi đất dần dần lên cao thành một cánh đồng ruộng mênh-mông có đất phân và đất phèn pha trộn, Cà-Mau không bao lâu đã biến thành một vùng trù-phú nhất nhì của miền Nam, thu hút càng ngày càng đông dân chúng đến sinh cơ lập nghiệp.

Ở miền này, đến mùa gió nồm thì nước biển dâng lên làm cho nước mưa ứ đọng mãi hằng năm như ở Đồng Tháp Mười, và mọc đầy những cây đước, tràm, vẹt. Vì nước đọng không chảy được, lá cây rụng lâu ngày mục nát làm cho thúi nước và trở thành màu đen. Do đó, đồng-bào gốc Miên thường quen gọi là « Khamau », nghĩa là một xứ nước đen, và người Việt-Nam ta biến âm thành « Cà-Mau ». Đến lúc người Pháp thôn tính Việt-Nam đặt nền đô hộ, Cà-Mau lập thành một quận trực thuộc tỉnh Bạc-Liêu.

Sau khi hiệp-định Genève ra đời, Việt-Minh đến tập kết tại Cà-Mau trong vòng 6 tháng. Đến ngày 4-2-55 chánh-quyền quốc-gia tiếp thu vùng này, tổ-chức lại nền hành-chánh quận xã.

Ngày 9-3-56, theo sắc lệnh số 32/NV của chính-phủ Việt-Nam Cộng-Hoà, quận Cà-Mau trở thành tỉnh Cà-Mau. Bảy tháng sau, sắc lệnh số 45/NV ngày 22-10-56 sửa đổi ranh giới và tên các tỉnh Nam-Việt, tỉnh Cà-Mau được đổi tên là An-Xuyên.

Cuốn sách này tuy chỉ nhám riêng tỉnh Bạc-Liêu, chúng tôi vẫn phải dành một phần quan-trọng cho Cà-Mau vì, sự liên-hệ mật-thiết giữa hai tỉnh.

VỊ-TRÍ — ĐỊA-GIỚI

Đông bắc giáp tỉnh Ba-Xuyên và biển Nam.
Tây bắc giáp tỉnh Kiên-Giang và vịnh Thái-Lan.
Nam giáp Nam-hải.

DIỆN-TÍCH — DÂN-SỐ

* Diện-tích chung toàn quận (nay là tỉnh) là 490.640 mẫu tây, kể cả sông và rạch. Trong số này 122.920 mẫu thành ruộng, 3.356 mẫu trồng-trọt các thứ hoa màu cây trái, 167.961 mẫu rừng, và 101.125 mẫu còn bỏ hoang.

Từ một quận của Bạc-liêu, sau khi được nâng lên hàng một tỉnh gồm có 6 quận :

1) Quận-long	gồm	4 xã	49 ấp
2) Thới-bình	—	4 —	43 —
3) Sông Ông đốc	—	3 —	30 —
4) Cái nước	—	6 —	72 —
5) Đầm dơi	—	4 —	54 —
6) Năm căn	—	2 —	24 —

* Dân số chung có 256.442 người, chia ra :

253.250 người Việt	chính tông
511 —	— gốc Hoa
2.681 —	— gốc Miên

Mức-độ trung-bình : 50 người sống trên 1 cây số vuông.

SÔNG RẠCH

Phần chảy ra biển Nam :

- Sông Gành-hầu dài 51 cây số
- Sông Bờ-đề dài 10 cây số

Nước của các sông rạch đã giúp một phần lớn cho dân chúng sống nghề nông và nghề hạ bạc. Nhờ sông rạch nối liền làm cho đồng ruộng bớt phèn và trở nên màu mỡ, việc thông thương tiếp tế được điều hoà.

BỜ BIỂN

Vịnh Thái-lan và bờ biển Nam-hải bao bọc miền duyên hải, thuộc các quận Thới-bình, sông Ông-đốc, Cái-nước, Năm-căn và Đầm-dơi là những nơi có nhiều nguồn lợi về hải sản.

Dân chúng sống nghề hạ bạc tập trung theo ven biển. Cửa biển sông Ông đốc sau này có thể trở nên hải-cảng phồn-thịnh ở miền Hậu-giang. Tàu đánh cá ngoại-quốc thường đến mua cá chở sang Tân-gia-ba.

Các chiến-hạm của Hải-quân hoạt-động trên hải-phận này rất thuận-tiện, và các tuần-đỉnh của Quan-thuế, Thủy-lâm cũng di-chuyển mau lẹ nên sự kiểm-soát rất chặt-chẽ dọc theo ven biển.

RỪNG

Các khu rừng ở Cà-Mau chiếm diện-tích 121.456 mẫu, là một nguồn lợi kinh-tế rất dồi-dào. Rừng gồm có các loại cây : đước, vẹt, dà, cóc, mắm, su, tràm, mốp, dừa nước. Hằng năm rừng sản-xuất một số lớn lâm-sản trị giá hằng trăm triệu bạc. Rừng cũng giúp một phần lớn vùng này tránh khỏi nạn lụt.

Trên sông ông Đốc

*Những ngư phủ hành nghề ngoài vòm sông Ông Đốc
Tỉnh lỵ An Xuyên (Cà Mau)*

Ảnh Cà Mau

NHỮNG NGUỒN LỢI – SỰ SẢN-XUẤT**NÔNG-SẢN**

RUỘNG đất tập trung nhiều nhất ở các xã Tân-Xuyên, Định-Thành, Hoà-Thành, Tân-Lộc (thuộc quận Quản-Long) ; Khánh-bình-đông, Khánh-bình-tây, Phong-Lạc, (quận sông Ông Đốc) ; Tân-hưng-tây, Tân-hưng-đông, Hưng-Mỹ, Tân-Hưng, Thuận-Hưng, Phú-Mỹ, (quận Cái Nước) ; Tân-Duyệt, Tân-An, Tân-Thuận, Tân-Hoà, (quận Đầm-Dơi) ; Tân-Phú, Thới-Bình, (quận Thới-Bình).

Diện-tích cấy lúa được 122.920 mẫu, diện-tích lập vườn làm rẫy 3.356 mẫu, hầu hết do người Việt khai-thác.

Mức sản-xuất trung-bình :

- Lúa mỗi năm 1 tấn 300 ký.
- Rau cải mỗi mẫu 2 tấn.
- Dừa mỗi mẫu 30.000 trái.

HẢI-SẢN

* Ở Cà-Mau việc đánh cá trên sông và đồng bằng hằng năm được lối 10.000 tấn cá tươi và 8.000 tấn mắm ; việc đánh cá ngoài biển thì hằng năm được trên 1.500 tấn cá tươi đủ loại, ở trong khoảng từ 300 thước tới 40.000 thước cách bờ và dọc theo ven biển cửa Bồ-đề (phía Nam-Hải) dài đến ranh tỉnh Kiên-Giang (phía vịnh Thái-Lan). Hiện nay có trên 15.000 ghe đánh cá, không kể số ghe ở ngoài lĩnh đến (như ở Gò-công, Vàm-cỏ, Trà-vinh, Ba-xuyên v.v...)

* Ngoài việc đánh cá ở ngoài biển khơi, dọc theo các cửa sông Gành-hầu, sông Cửa-lớn, mũi Bà-quang, Vàm Rạch gốc, ngư-phủ còn dùng cách giăng đáy để bắt tôm tươi (tôm cỡ ngón tay trở xuống). Hiện nay có trên 3.000 miệng đáy. Số sản-xuất trung-bình mỗi năm trên 2.000 tấn dùng làm khô để bán vào thị-trường nội-địa.

KHOÁNG SẢN

Tại xã Thới-bình có một nguồn lợi khoáng-sản gọi là «than đất» dùng rất tiện và cháy rất đượm, dễ cầm lửa. Nhưng khoáng-sản này chưa được khai thác.

LÂM SẢN

Các khu rừng tại quận Năm căn và vùng U-minh-bạ, chiếm một diện-tích 167.961 mẫu là một nguồn lợi kinh-tế rất dồi dào. Rừng gồm có các loại cây được, vẹt, đà, mắ, cốc, su, trầm, mốp, lá dừa nước, sáp và mật ong.

SỐ THAN SẢN XUẤT

Năm 1956 30.473 tấn 370

Năm 1957 36.853 tấn 780

— 1958 (sáu tháng đầu năm)

25.745 tấn 023

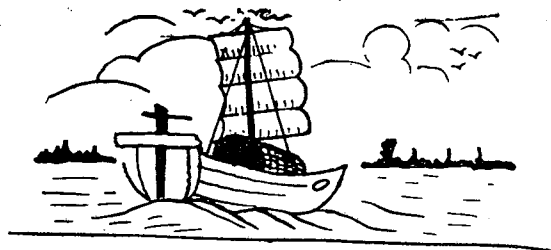
SỐ TIỀN THÊU ĐƯỢC

14.406.190 \$

21.116.505 \$ 19

14.841.918 \$ 39

Hiện nay trong toàn tỉnh có tất cả 634 lò than, tập trung tại hai quận Năm căn và Đầm-dơi.



NĂM-CĂN

MỘT TRONG SÁU QUẬN NỔI TIẾNG CỦA CÀ-MAU

NÓI đến Cà-mau, chúng tôi không thể không đề-cập quận Năm-căn, một vùng mới khai thác đã chiếm một địa-vị quan-trọng về kinh-tế và có những diêm lịch-sử đáng lưu-tâm.

Thành-lập ngày 2-4-1956, lấy tên xã Năm-căn làm tên quận lỵ, quận Năm-căn ở tận mũi Cà-mau là vùng duyên hải vừa là quận bìa của tỉnh An-xuyên (Cà-mau), vừa là quận chót hết của nước Việt-Nam, nghiêm nhiên là vựa than được của tỉnh An-xuyên, cung cấp than chum cho cả miền Nam-Việt.

VỊ-TRÍ

Năm-Căn nằm ở chót mũi Cà-Mau, đông giáp quận Đầm-Dơi, tây giáp quận Cái-Nước và vịnh Thái-Lan, bắc giáp quận Cái-Nước, nam giáp biển Nam-Hải. Diện-tích : 71.000 mẫu tây. Gồm có 2 xã : Xã Năm-Căn và Viên-An.

DÂN SỐ

Xã Năm-Căn có 6.721 người, chia ra 6.591 người Việt, 130 Hoa-kiều. Xã Viên-An có 4.494 người, toàn là người Việt. Tổng cộng toàn quận : 11.215 người.

SINH-HOẠT

Cũng như ở hầu khắp nơi trên lãnh thổ Việt-Nam, Hoa-kiều mặc dầu là thiểu số, vẫn chiếm ưu thế trên thương trường. Họ chuyên nghề thương-mại, lò than, chỉ có một số ít làm nghề rẫy bãi.

Người Việt ở Năm-Căn sống về nghề chài lưới, làm củi, kỹ-nghệ than, làm muối, cũng có một số đã ra tranh thương với Hoa-kiều.

Trước năm 1945, trong quận Năm-Căn chỉ có tiểu công nghệ lò than, phần nhiều do Hoa-kiều làm chủ, người Việt chỉ làm củi bán cho họ. Gần đây, người Việt mới đứng lên xây lò làm chủ, và hiện nay chủ lò Việt-Nam nhiều hơn Hoa-kiều.

Ruộng lúa : quận Năm-Căn toàn là rừng sát, quanh năm nước mặn nên không làm ruộng được ; chỉ nơi đất rầy theo sông Bãi-Hấp, nơi nào trũng sâu, người ta mới cấy chút ít lúa. Tính chung chỉ có lối 10 mẫu ruộng.

Vườn rẫy : xã Năm-Căn có chừng 222 mẫu đất rẫy nằm theo sông Bãi-Hấp và rạch Cái-nháo, trồng dưa, bí, bầu, khoai, đậu, đồ hàng bông. Số sản-xuất mỗi năm được chừng 30 tấn bầu, bí, dưa, 15 tấn khoai, 10 tấn đậu, 1 tấn rau cải, hành, họ.

Thương-mại : Chỉ có một ngôi chợ duy-nhất tại quận lỵ, cất hồi năm 1955 bằng cây lợp thiếc, dài 20 thước, rộng 12 thước.

Toàn quận hiện nay có cả thảy 167 tiệm buôn lớn nhỏ. Tại thị-trấn Năm-Căn đa số tiệm buôn xây cất bằng cây và ngói, ở trong thôn ấp thì bằng cây lá.

Vùng Năm-căn được tặng là kho vàng đen vô tận, ghe thuyền vào ra chở than củi tấp-nập nên việc thương-mại rất phát-đạt.

Kỹ-nghệ : chỉ có 1 nhà máy cưa nhỏ để cưa cây vẹt, cây mắm, dùng tại địa-phương.

Tiểu công-nghệ : tại thị trấn có 1 lò thợ bạc, chỉ làm đồ vàng bạc ăn công chớ không có bán vàng. Có 2 trại xưởng đồ mộc để sửa ghe cộ. Quan-trọng hơn thì có công-nghệ làm tôm khô, cá mặn, ướp cá tươi bằng nước đá, chở lên Sài-gòn bán.

Ngư-nghiệp : số ngư-phủ toàn quận : 2857 người.

Vùng đánh cá : dựa mé Năm-hải và vịnh Thái-Lan chia làm 3 vùng :

- 1) Lưới biển đánh cá ngoài khơi từ Hòn khoai đến Hòn chuối.
- 2) Đáy biển bắt tôm tép tại cửa Ông Trang, Gò-công, mũi Rạch Tàu.
- 3) Đáy sông rạch bắt tôm tép từ rạch Tàu, rạch Gốc, vòng qua sông Bãi hấp.

SẢN XUẤT HÀNG NĂM :

Tôm khô	120 tấn
Cá mặn	50 tấn
Cá gộc	120 tấn
Bong bóng cá	2 tấn
Các thứ cá khô	100 tấn
Cua biển	10 tấn
Phân tôm cá	200 tấn

bán về Sài-gòn, các tỉnh, hoặc xuất-cảng.

Lâm-sản : Năm căn có 71.000 mẫu rừng, chia làm 4 khu : rừng 354, 353, 355 và 534.

Hằng năm khai thác được :

— Củi được hầm than : 240.000 stères cung-cấp cho các lò than trong quận.

— 50.000 stères củi vẹt, bán làm củi chum

— **Cây cất nhà** : cây đước 300 thước khối
 cây tạp lớn 480 thước khối
 cây tạp nhỏ 10.000 thước khối.

Lò than : toàn quận có 634 miệng lò than, chia cho 268 chủ lò. Sản-xuất hằng năm 720.000 tạ than, cung-cấp cho Saigon và các tỉnh.

Thú rừng : Rừng xứ này có heo rừng, chồn, khỉ, lợn nòi và trăn. Dân chúng gài bẫy bắt chồn và khỉ đem bán tại Saigon.



Các ngư phủ làm nghề chài lưới đánh cá, thường tập trung ghe ngoài bờ biển Nam Hải.

Ảnh sưu tầm

Phần thứ nhì :

DANH-NHÂN

BẠC-LIÊU – CÀ-MAU

ĐÃ TỪNG THEO CHÂN CHÚA NGUYỄN
VÀ KHÁNG PHÁP



downloadsachmienphi.com

Download Sách Hay | Đọc Sách Online



Lướt qua phần danh-nhân ở Bạc-liêu Cà-mau từ thời xa xưa đã đem xương máu đóng góp cho đại cuộc quốc-gia, hoặc dốc lòng hy-sinh lo việc khai hoang lập ấp cho đồng-bào địa-phương yên vui trong đời sống ấm no, hoặc trai trung gái liệt, bảo toàn tiết trong giá sạch, ta sẽ cảm-khái khôn cùng...

Chúa Nguyễn-Ánh trong lúc bôn tầu vào Nam, và sau tái chiếm Phú-xuân thống nhất sơn-hà, có phải nhờ vào sự ủng-hộ của nhân-dân miền Nam, với kho lúa phì-nhiều ở vùng đồng bằng làm lương thực nuôi quân? Có phải nhờ các danh-tướng anh-hùng tại đây hết lòng phò tá, không màng gian-nguy, vào sanh ra tử, để làm sáng tỏ tinh-thần bất-khuất dân-tộc?

Nói đến Bạc-liêu mà không nói qua vài nét chi-khí can-trường của các hào kiệt, mưu sĩ ở vùng này, là một điều thiếu sót lắm vậy.

Chúng tôi xin nêu các vị anh-hùng liệt-sĩ ở miền Nam đã từng theo chân chúa Nguyễn lập nhiều chiến-công hiển hách và liên tục tranh đấu đưa giống nòi đến chỗ vinh-quang, cường-thạnh.

Thiết tưởng còn biết bao nhà ái-quốc chơn-thành trong thời cận-đại, diễm tô cho nền lịch-sử Việt-Nam, có công kiến-quốc và cứu-quốc, chưa được nêu lên, vì sợ e quá sớm. Xin bạn đọc thông-cảm, mà chính các sử-gia cũng đồng-y với chúng tôi về diễm ấy.

Hổ-tướng Dương-Công-Trừng



Dưới bóng trăng khuya, võ-tướng Dương-Công-Trừng mài kiếm thép, khuôn phò Nguyễn-Ánh, trên đường bôn-tầu, tại huyện Long-xuyên (Cà-mau)

Ảnh tượng-trung

I. HỒ-TƯỚNG DƯƠNG-CÔNG-TRỪNG



NG là người huyện Long-Xuyên (tức Cà-Mau ngày nay), nổi danh dũng-mãnh, được đương thời xưng tụng là «hồ-tướng nhà họ Dương». Bao nhiêu nhân-vật có tiếng võ nghệ ở trong vùng, đến thử sức với ông đều xin bái-phục.

Đinh-Dậu 1777, chúa Định-vương Nguyễn-phúc-Thuần (sau truy dâng miếu hiệu là Duệ-Tông), cùng với cháu là Nguyễn-Ánh bị Tây-sơn đuổi bức, chạy xuống tận Cà-Mau. Ông cảm cảnh cho nhà vua, đứng ra chiêu-tập dân quân theo giúp. Chẳng may chúa Nguyễn-phúc-Thuần bị Tây-sơn bắt tại đây, rồi đem về Sài-Còn (tức vùng Sài-Gòn bây giờ) hành-quyết, ông càng quyết-chí ủng-hộ Nguyễn-Ánh trong cuộc chống đối Tây-sơn, nhận lấy chức Cai-cơ, rồi đổi làm Khâm-sai điều-khiển.

Dần dần tu chỉnh binh bị, đủ sức quật-khởi, ông từ Sa-Đéc đem binh hiệp với quân các đạo do chúa Nguyễn chỉ huy ở Hồi-oa, tấn-công Tây-sơn tại Long-hồ, rồi đánh thẳng tới, thu phục lại thành Gia-Định.

Kỷ-Hợi 1779, khoảng tháng 3, Chân-Lạp có nội-loạn, ông cũng Đồ-thành-Nhân phụng mạng đi dẹp yên. Năm sau, có tù-trưởng ở Trà-Vinh dấy-loạn, ông với Đồ-thành-Nhân cũng bình-định được.

Quý Mão 1783, ông đóng quân ở Thủ-Thiên. Tây-Sơn tấn-công. Ông sa cơ bị bắt. Chúng giam ông lại, dụ hàng. Ông ăm-ớ cho qua buổi, nhủ lòng sẽ tìm cơ hội tháo cũi sổ lồng. Đã rắp tâm như thế, nên chẳng bao lâu ông trốn thoát, chiêu tập tàn binh hiệp với Nguyễn-văn-Nhân kéo sang Xiêm-La (nay là Thái-Lan), vì chúa Nguyễn-Ánh hiện lưu-vong nơi đó. Giữa đường, gặp Ngô-công-Quý, Lê-Thượng, Nguyễn-Tần phụng mạng chúa Nguyễn trở về dò-thăm tình hình địch. Cùng nhau bàn định kế hoạch. Ông đưa ý kiến :

— Quân địch đang lúc thắng sanh kiêu, không phòng bị. Chúng ta hãy lên cất quân đánh chiếm Long-xuyên (Cà

mau) (1) lại làm nơi căn cứ đồng quân, rồi một mặt cho người sang Vọng-các báo cáo với Nguyễn-vương, một mặt mộ thêm quân để chuẩn bị tổng tấn công cho thắng-lợi.

Các tướng đều tán thành. Ngay hôm ấy, ông kéo quân về đánh úp Cà-mau, bắt sống được tướng địch, chiếm lấy cả đồn lũy. Thành-công, ông đóng quân tại đây và sai thuộc tướng là Nguyễn-văn-Nhân sang Vọng-Các báo tin.

Nguyễn-Vương bảo cùng Nguyễn-văn-Nhân :

— Cà-mau là địa đầu đất Gia-định. Quân địch sẽ tranh lấy để có nơi dòm ra biển được, chớ chẳng không. Và lại, đất ấy đường thủy không tiện, đường bộ cũng thiếu nẻo giao-thông, việc hành binh tiến thoái đều khó. Họ Dương cùng các tướng chỉ có một nhóm quân cò, thể yếu, lại ở vào nơi tuyệt địa, phỏng như quân địch xuất kỳ bất ý đánh ập đến, ắt là sẽ bị giết cả. Vậy, người hãy lập tức cho dời thuyền ra các hải-đảo xa để dò la tin tức địch xem sao, rồi sẽ định liệu.

Nguyễn-văn-Nhân nghe ra, vội-vã trở về. Vừa đến nơi thì tướng Tây-sơn là Phạm-văn-Tham kéo binh đến đánh. Đúng như sự dự đoán của chúa Nguyễn, Dương-công-Trừng không gìn-giữ, chết mất hai tướng là Nguyễn-Tần và Lê-Thượng.

Giữa lúc ông tìm đường trốn, bị Phạm-văn-Tham cho quân đón bắt được, giải về bản dinh. Tham cười gằn, hỏi ông :

— Người, trước đã khứng về hàng với ta, ta đãi người không bạc-bẽo gì, sao người lại phản phúc thế này ?

Ông ung-dung :

— Cực chẳng đã ngày trước ta ầm ố cho qua cơn khốn, há chịu khuất thân phục-vụ kẻ địch, trong khi chúa ta hãy còn kia sao ? Ta bỏ đi mới là hợp nghĩa. Nay lại sa cơ, đành chỉ còn một chết mà thôi.

Phạm-văn-Tham cả giận, đem ông ra chém.

(1) Từ đây xin dùng danh-từ Cà-mau cho rõ-ràng hơn, không lẫn với Long-xuyên bây giờ.

2. NGÔ-CÔNG-QUÝ TẬN TRUNG GIÚP CHÚA

CŨNG như Dương-công-Trừng, ông quê ở huyện Long-xuyên (Cà-mau) và một lòng theo phò chúa Nguyễn-Ánh trong khi chúa bôn tẩu quanh vùng Bạc-liêu — Cà mau.

Khi chúa Nguyễn chạy ra đảo Phú-quốc rồi sang Xiêm, ông theo hầu cận. Từ ấy, ông đóng vai gián-điệp, thường lên về vùng Cà-mau, Vĩnh-long, trà-trộn trong quân-cơ của địch để dò-thám. Ông và Nguyễn-Tần, Lê-Thượng rất giỏi về mặt thu-nhập tin-tức địch, nhờ đó chúa Nguyễn dễ bề hoạch-định chiến-lược đối-phó, dần dần đi đến thắng lợi.

Chẳng may khi Dương-công-Trừng gặp ông và Lê-Thượng, Nguyễn-Tần từ Xiêm về dò-thám, cùng nhau kéo quân đánh chiếm lại vùng Cà-mau, chưa kịp tổ-chức gì thì đã bị Tây-sơn phản-công ; ông chạy thoát, Lê-Thượng và Nguyễn-Tần đều chết trận, Dương-công-Trừng thì bị bắt chém. Thoát nguy, ông càng thận-trọng hơn, phục-vụ chúa Nguyễn rất đặc lực.

Kỷ-Vị 1799, ông giữ chức Trung-thủy-dinh Chánh-hậu-chi Hữu-khâm-sai, thuộc nội Cai-cơ, quản Thanh-châu-đạo. Bấy giờ lực-lượng Tây-sơn ở trong Nam đã tan vỡ hầu hết, ông lại khéo tổ-chức việc an-ninh, bình-định nhiều vùng, khiến dân-chúng đều xưng phục công ơn.

Chúa Nguyễn càng ngày càng đem lòng tín-nhiệm ông, giao cho ông việc hộ-giá hoàng-thái-hậu.

Công-lao của ông rất dày. Việc lớn mười phần đã xong đến tám, nhưng ông chưa kịp thấy ngày chúa Nguyễn lên ngôi hoàng-đế, thống-nhất san-hà, thì đã bệnh mất. Chúa Nguyễn thương tiếc khôn cùng, truy tặng ông chức Chuông-cơ.

Đến năm Gia-long thứ 3 (Giáp tí 1804), ông được liệt thờ vào miếu Hiền-trung và miếu Trung-hung công-thần.

3. TRẦN-PHƯỚC-CHẤT

MỘT VÕ TƯỚNG THEO CHƠN CHÚA NGUYỄN



NG giỏi võ không kém gì Dương-công-Trung, cùng nhau kết-nghĩa anh em, thề đồng sinh tử. Khi họ Dương ra giúp chúa Nguyễn-Ánh, ông cũng ứng nghĩa trợ lực.

Trong các cuộc đụng độ với Tây-sơn nơi Cà-mau, bao phen chúa Nguyễn thoát nguy, nhờ ở sự gan dạ và lòng trung-thành của ông, quyết tử bảo-vệ, nên chúa Nguyễn rất tin-cần ông, thường lưu ở bên cạnh, bàn việc cơ mật.

Liệu cơ chưa thể dàn trận chống đối với Tây-sơn nổi, chúa Nguyễn chạy sang Xiêm, ngụ ở Vọng-các. Ông cũng theo chúa Nguyễn sống cuộc đời lưu-vong, chờ ngày kéo về phục-cừu huyết-hận. Nơi nước người, ông vẫn lo rèn tập đâm tàn binh, chiêu-mộ thêm quân-sĩ xung vào hàng ngũ.

Đến khi chúa Nguyễn đem binh từ Xiêm về, ông được phong Khâm-sai Cai-cơ. Nhưng số phần vắn-vỏi, qua vài trận giao-phong cùng Tây-sơn, ông bỏ mình trong trường xung sát.

4. NGÕ-VĂN-LỰU

BÁCH CHIẾN BÁCH THẮNG



NG cũng là người huyện Long-xuyên (Cà-mau), ứng mộ theo phò chúa Nguyễn-Ánh trên bước đường chạy loạn Tây-sơn. Hơn mấy mươi trận đương đầu cùng Tây-sơn, với tinh-thần quyết-tử, ông từng làm cho binh tướng Tây-sơn khiếp-dã, những trận đánh ác liệt tại U-minh, Cái nước v.v...

Khi chúa Nguyễn sang Xiêm, chính ông đã chỉ-huy một toán quân đoạn-hậu, từng đợt đẩy lui quân địch, để chúa Nguyễn được an-toàn. Rồi đó ông cũng theo qua Xiêm. Những ngày tháng ồm hặn lưu-trú ở Vọng-các, ông cùng bạn đồng hương là Trần-phước-Chất lãnh nhiệm-vụ tổ-chức lại đội ngũ, tuyển mộ thêm binh-sĩ để bổ xung lực-lượng.

Canh tí 1780, mùa hạ, ông giữ chức Cai đội. Toán quân do ông chỉ-huy từ khi ở Xiêm về, nổi tiếng thiện-chiến, đánh đâu thắng đó.

Đang lúc chúa Nguyễn chuẩn bị ra đánh Phú-xuân, ông bỗng vương bệnh mà mất, không kịp thấy ngày đại định, giang-san thống-nhứt.

Tiên Sư Cổ Miếu



*Bạc Liêu ngày nay còn di tích một ngôi Cổ Miếu,
tọa lạc ngã ba đường đi Cà Mau.
Thờ những bậc Tiền Bối có công khai hoang, lập ấp, dựng nước.
Các vị anh hùng liệt sĩ vì quốc vong thân.*

Ảnh Viễn Đông
(Bạc Liêu)

5. NGUYỄN-HIỀN-NĂNG
TRI-HUYỆN NỔI TIẾNG THANH-LIÊM
MÃN-CÁN LÒNG DANH «THẦN-MINH»

D

Ờ I Minh-Mạng, viên tri-huyện Long-xuyên (Cà-mau là Nguyễn-hiền-Năng rất được lòng dân chúng. Tánh ông cương trực, thanh-liêm mãn-cán. Từ lúc ông đến trấn nhậm, bao nhiêu điều oan khức tình tệ trong dân gian đều được ông minh-chánh xét xử, nhân dân đều cảm đức đội ơn ; mà bọn cường hào ác bá cùng đám gian thương, trộm cướp cũng đều khiếp oai phong, không còn dám lộng hành.

Bấy giờ, có một nhóm buôn lậu, người Mã-Thanh, hay chở hàng hoá lậu đi đường biển vô Cà-mau mua bán. Ông đốc xuất toán quân tuần chận bắt được, tịch thu tàu buồm và tất cả tang vật. Chúng khẩn khoản xin dâng của lót trọng hậu, mong ông làm ngơ cho chúng, rồi sẽ còn đền ơn xứng đáng hơn nữa. Ông cương quyết bài trừ, không dung tha.

Du đảng của chúng lấy làm căm giận, trù mưu trả thù báo oán. Thừa dịp, đám Huê-kiều do Phủ-Liêm cầm đầu gây loạn, vì phần-uất vụ án cụ Tả-quân Lê-văn-Duyệt (xin xem ở phần thứ nhất đã có nói đến), bọn Mã-Thanh buôn lậu cho du-đảng của chúng trà trộn vào. Chúng kéo thẳng đến dinh quan huyện.

Ông đang bệnh. Được tin Huê-kiều gây biến, ông vừa toan sai cất quân binh đi đánh dẹp thì chúng đã kéo áp vào dinh, mặt khác, chúng đã triệt hạ tất cả đám lính ở chung-quanh để chiếm huyện.

Trong gia-đình ông có 3 người vợ và 2 người con trai. Người con trưởng giỏi võ và người vợ thứ ba cũng can-đảm có thừa, lập tức ngăn chướng mãnh liệt. Nhưng than ôi ! « *Mãnh hổ nan địch quần hồ* », ít không sao cự nổi với một biển người bõ vầy, sau khi đã chém giết được khá nhiều, dần dần bà vợ ba và người con trưởng của ông đuối sức, đành thọ hại. Thừa thế, chúng tàn sát cả gia-đình ông.

Về sau mới biết, tên cầm đầu dám dưng đảng Mãn-Thanh buôn lậu vốn là người họ Quách. Từ ấy, bao nhiêu Huê-kiều họ Quách ở Cà-mau đều không sao cư-trú được trong vùng, nếu không tán gia bại sản đến nỗi phải bỏ đi chốn khác, thì rồi cũng bị học máu chết mà thôi. Tình-trạng ấy, khiến dân chúng lưu-ý, rồi tiếng đồn vang xa, rằng ông hiền-linh tru diệt kẻ gian manh tàn ác.

Quan tỉnh phái binh về dẹp loạn. Đầu đó đã yên, một ngày kia dân chúng bỗng xôn-xao về tin ông đập đồng lên, cho biết đã được Thượng-đế phong tặng « *Thần-minh* ».

Đám Huê-kiều nhốn-nháo khẩn-cầu giác-linh ông đừng giết các người họ Quách nữa, hẳng năm sẽ cùng-tể trả lễ, chẳng bao giờ dám quên. Ông nhận lời xin, và từ đó, họ Quách mới được ở yên làm ăn.

Mộ và miếu của ông ngày trước ở tại móng cầu Quay Cà-mau bây giờ, đến năm 1941 mới dời mộ ông về gần đình-thần An-xuyên (nay đổi lại là Tân-xuyên). Dân chúng chung nhau đóng góp xây cất ngôi miếu thờ ông phía trước mộ.

Hằng năm, ngày rằm và ngày 16 tháng 2, lễ cúng tế rất trọng-thể.

6. NGUYỄN-VĂN-ĐỨC

TIỀN-HIỀN KHAI ÁP, LẬP XÃ VIÊN-AN

Xã Viên-an trong quận Năm-căn là xã có một lịch-sử đáng biết. Nhất là bậc tiền-hiền đã mở-mang thành lập xã, ấy là ông Nguyễn-văn-Đức, thiết-tưởng đáng được lưu danh muôn đời.

Ngày xưa, xã Viên-an chỉ là một xóm nhỏ ở tại Cái-Xép, có từ trước khi chúa Nguyễn-Ánh chạy loạn đến đây. Bằng chứng là lúc chúa Nguyễn chạy đến mũi Cà-mau, vô trong ngọn rạch Xéo-Lá đồn binh, hiện nay còn nền đồn là di-tích cụ-thể. Và binh lính của chúa Nguyễn đóng đồn tại rạch Cái-Xép hiện cũng còn dấu vết : nơi đóng đồn ngày trước cây cỏ không mọc được.

Lúc Lê-văn-Khôi, nghĩa-tử của đức Tả-quân Lê-văn-Duyệt, nổi loạn chống Nam-triều, chiếm xứ miền Nam (Quý ty 1833), thì giặc Tàu ó (người ta quen gọi là giặc Chà-và) thường hay đến miền duyên hải đánh cướp tiền của và bắt đàn-bà con gái ; dân chúng phải chạy sâu vào nội địa cất nhà cửa ở đó trốn giặc.

Bấy giờ, trong vùng có ông Nguyễn-văn-Đức giỏi võ nghệ, độ lượng khoan-dung, hào-hiệp. Dân chúng lầm than điêu đứng vì lũ giặc khuấy rối, ông dề đầu tha thứ phò hù hung bạo, bèn tổ hợp tráng đinh trong vùng đi đánh dẹp bảo vệ dân lành. Ông đuổi tan đám giặc tại rạch Đốc-Neo (nay thuộc ấp Nhưng-miên).

Nhân-dân tỏ lòng quyến-luyến, xưng phục kính mến ông. Thấy thế, ông cảm động dốc lòng hy-sinh cho dân chúng hơn nữa. Ông đứng ra đôn-đốc việc khai hoang, mở mang phong khí mới, thành-lập xã Viên-an, nghiêm nhiên là bậc tiền hiền, có công với nhân-dân Viên-an nói riêng, dân tộc nói chung. Vì từ sau ngày ông quy dân lập ấp, lập xã, ông cũng khéo tổ-chức việc an-ninh, trật-tự, khiến đâu đâu được êm đẹp, vui hoà.

Sau khi mất, ông được phong thần do sắc phong của vua Tự-Đức. Cháu chắt của ông hiện giờ hãy còn tại ấp Cái-xép.

Xã Viên-an lúc đầu tiên chỉ có hai ấp là Cái-Xép và Ông-Định, số nóc gia chẳng có bao nhiêu. Lăn lăn dân chúng các nơi kéo đến thêm đông, cất nhà cửa ở làm nghề hạ-bạc và khai thác lâm-sản. Cho tới ngày nay, xã Viên-an được 10 ấp, dân số non năm ngàn người, quang cảnh thanh mậu, đời sống khá sung túc. Các vị bô-lão trong vùng, mỗi khi nhắc đến vị tiền hiền Nguyễn-văn-Đức đều chẳng tiếc lời ca tụng tài đức.

7. TÔ-XUÂN, VỊ TU-SĨ NỔI DANH Ở QUAN-ÂM CỎ-TỰ



NG sanh-trưởng tại Cà-mau. Từ thuở bé, đã có lòng mộ đạo. Đến tuổi thành nhân, dáng người ông nhỏ nhả, tánh nết thuần-hoà, lời ăn tiếng nói không nhiễm tục trần, nghe ra có vẻ tiên căn đạo cốt.

Thân-phụ ông định cầu hôn cho ông nơi danh-gia thế-phiệt. Nhưng ông đã phát tâm tu-trì, không tưởng đến việc hồng-trần thế-sự, nên thưa cùng nghiêm-thân xin hồi-hôn, cho ông được tròn ước-nguyên thi thân tầm đạo.

Thân-phụ ông không nỡ túng ép chỉ con, đành chuẩn cho ông muốn thế nào tùy-ý. Từ ấy ông xuất-gia, cất một cái am nhỏ mà tu-hành. Nơi cất am chính là chỗ nền chùa bây giờ.

Trên đường tầm đạo, ông vẫn dề tóc chớ không cạo như các tăng-sĩ, việc ăn mặc vẫn cũng như thường dân, duy nâu sồng bó vải, cốt giữ lòng trong sạch, chân-chánh là đủ.

Ởn trên gia-hộ, dần dần ông phát huệ, có được điển-linh, cứu bịnh độ người thường có điều ứng nghiệm. Xa gần nghe tiếng, thiên-hạ đến xin làm đệ-tử của ông ngày một nhiều. Rồi đó thiện-nam tín-nữ cùng góp của, góp công, cất nên một ngôi chùa gọi là « Quan-âm-tự ».

Chẳng dè có người tên Đỗ-văn Viễn đem lòng ganh ghét, lên tận Gia-định mạch với quan trên :

— Có người tên Tô-Xuân, lâu nay ăn vương nường Phật, chính thật là gian đạo-sĩ, có phép sái đậu thành binh, toan mưu phản nghịch. Xin lệnh trên kíp cho quân lính xuống Cà-mau bắt tên gian đạo-sĩ ấy cho chóng, kéo sanh biển to.

Tin bằng lời, quan trên phái một vị lãnh-binh dẫn quân đi hoả tốc xuống Cà-mau.

Trong khi quân binh chưa đến, ông đã hiểu biết việc chẳng lành sẽ xảy ra, liền họp các tín-đồ lại mà dặn bảo :

— Thầy sắp phải vương nạn lớn. Quân binh sẽ từ trên Gia-dịnh xuống tận đây bắt thầy. Phận thầy, rồi chẳng sao cả, khuyên các đệ-tử chờ đề lòng lo-lắng. Hãy siêng tu tâm dưỡng tánh, lòng ngay-thẳng kính tưởng Phật, Trời, rồi sẽ được tròn quả phúc.

Các tín-đồ đều than khóc. Ông hết lời khuyên-giải, đoạn khiến tín-đồ phải lui gót, ở đâu thì về đó, cứ yên phận tu-hành.

Đúng như lời ông đã thị-kiến, không mấy ngày quân binh kéo đến chùa, bắt ông đem xuống thuyền, giải đi Sài Gòn. Mặc dầu có lời ông dặn bảo, các tín-đồ hay tin đều động lòng, ùng-ùng kéo xuống bờ sông, đứng trông vào thuyền chở ông mà than khóc.

Tại Sài-gòn, đạo hạnh của ông dần dần khiến các quan trên kính phục, minh xét cho ông đã bị người vu oan, bèn cho đưa ông vào an-dưỡng tại chùa Kiêm-chương, chờ một thời-gian nữa sẽ trả tự-do lại cho ông và sẽ có sắc của triều đình phong cho.

Nhưng đã đến lúc ông dứt nợ trần ai : Ngày mùng 3 tháng 6 ông viên tịch tại chùa Kiêm-chương, không kịp thấy sứ triều-dinh đem sắc phong cho ông làm hoà-thượng, được phép trụ-tri chùa Quan-âm tại Cà-mau.

Linh-cửu ông được chuyển về Cà-mau, an-táng vào ngôi tháp hiện hãy còn.

Triều-dinh có truy tặng ông một cây gấm liệm xác, 2 cây tích-trượng và một tấm bia.

Anh-hùng kháng Pháp : Đỗ-thừa-Luông, Đỗ-thừa-Tự



Thế-kỷ 19, tại rừng Cà-mau, anh em Đỗ-thừa-Luông, Đỗ-thừa-Tự và một số nghĩa-quân, oanh-liệt kháng Pháp, với tinh-thần bất-khuất.

Ảnh tượng-trưng

8. ANH EM HỌ ĐỖ ĐỖ-THỪA-LUÔNG, ĐỖ-THỪA-TỰ OANH-LIỆT CHỐNG QUÂN PHÁP

N

G OÀI các danh-nhân đã theo phò chúa Nguyễn-Ánh, và một vị tu sĩ đã được vua Minh-Mạng tưởng lệ đã kẻ trên, vùng Bạc-liêu — Cà-mau đến khi có gót sắt của quân đội Pháp xâm lăng vào đời Tự-Đức, lại được vinh diệu ghi tên hai anh em Đỗ-thừa-Luông, Đỗ-thừa-Tự.

Cuộc chinh-phục của Pháp quân bắt đầu. Bạc-liêu, cũng như nhiều tỉnh khác của miền Nam, đã tỏ tinh-thần bất-khuất của dân-tộc bằng những cuộc khởi nghĩa chống xâm lăng, đem xương máu viết nên trang hùng sử.

Ngon cờ khởi-nghĩa được dựng lên đầu tiên tại Cái-tàu, làng Khánh-An. Hai trang thanh-niên đầy nhiệt-huyết : Đỗ-thừa-Luông và Đỗ-thừa-Tự, con trai của vị võ cử-nhân Đỗ-văn-Nhân, đã đứng ra qui tụ nghĩa quân kháng-chiến vào năm 1872.

Hùng khi có dư, hy-sinh không thiếu, dần dần anh em họ Đỗ lập nhiều chiến công oanh liệt, khiến quân Pháp phải khiếp-dã. Dưới sự chỉ-huy của anh em ông, nghĩa-quân từng đoạt được cả súng đại-bác của quân địch, mà đem bố trí tại vùng U-minh hạ, phản công lại rất hữu hiệu.

Nhưng trong tình-thế một phần lớn đất nước đã dần dần bị thôn tính, thêm hạng xu-mị dần dần cũng quá nhiều ngã theo ngọn cờ tam-sắc, lực-lượng kháng-chiến của anh em họ Đỗ dần hùng mạnh đến thế nào, vẫn khó cứu vãn toàn-thể đồng-bào, lãnh-thò đã bị chà đạp dưới gót quân xâm-lược !

Tuy nhiên, *Anh-hùng tử khi hùng nào tử !* Tinh-thần Đỗ-thừa-Luông, Đỗ-thừa-Tự muôn năm hăng sáng chói tỉnh Bạc-liêu.

9. NGUYỄN-THỊ-NƯƠNG, MỘT TIẾT-PHỤ ĐƯỢC VUA THIỆU-TRỊ TƯỚNG-THƯỞNG

CÓ hào-kiệt, có anh-hùng, có tu-sĩ vang danh, Bạc-liêu há chẳng có phụ-nữ đáng trọng vọng ?

Sách « Đại-Nam nhất thống chí » phần ghi về lục tỉnh, huyện Long-xuyên (Cà-mau) vẫn có phụ-nữ đáng kể. Ấy là Nguyễn-thị-Nương.

Bà Nguyễn-thị-Nương quê ở thôn Tân-mỹ, có chồng là Lý-văn-Phước.

Dầu là dân của xứ « quê mùa » như ca-dao vẫn hằng rêu-rao « Bạc-liêu là xứ quê mùa », bà vẫn là người đoan-trình tiết-liệt, một đức-tánh cổ-truyền của dân-tộc Việt mấy ngàn năm văn-hiến.

Một hôm, nhân khi đi cùng thuyền với người thân-thuộc của chồng là Trần-văn-Xung, Xung toan cưỡng-bức, bà cương-quyết không dễ thất-tiết. Xung bóp cổ bà chết.

Quan địa-phương dâng sớ tâu về triều. Năm Thiệu-Trị thứ 3 (quý mão 1813), nhà vua truy-tặng tiết-phụ, tướng-thưởng cho tông-tộc.

Chuyện vẫn là chuyện thường. Nhưng đây ý-nghĩa. Một Nguyễn-thị-Nương đủ để tượng-trưng tinh-thần liệt-nữ Bạc-liêu. Gương tốt đẹp đã có, tự nhiên trong toàn tỉnh còn có biết bao điều tốt đẹp. Sử sách dầu ghi chép không có mấy, nhưng xuyên qua một Nguyễn-thị-Nương, đủ minh chứng một xứ dầu nổi tiếng « quê mùa » mà nhân dân chất phác, đầy tinh-thần dũng-cảm (Dương-công-Trừng, Ngô-công-Quý là tượng-trưng), nghĩa-khí (Nguyễn-văn-Đức với công-nghiệp dẹp loạn, khai hoang lập xã), tiết liệt đáng ngợi biết bao nhiêu.

TẠM KẾT

QUÍ bạn đọc đã lãnh hội tinh-thần anh dũng, cương-nghị, của một ít danh-nhân mà chúng tôi sưu-tầm được và trình-bày sơ lược chớ không đầy-đủ lắm. Tiếc vì những tài liệu các vị anh-hùng trên đây rất hiếm hoi, sử-liệu chỉ nói đại-cương chớ không dồi-dào như các vị anh-hùng khác, nên chúng tôi không thể nói dài dòng được, xin quí bạn đọc cảm thông cho.

Từ thời xa xưa trở lại đây, hãy còn bao anh hùng chi sĩ, đã vì tiếng gọi của non-sông mà đứng lên kháng Pháp tại vùng rừng thiêng nước độc, ngã gục vì binh tật, hoặc đến xong nợ nước nơi chốn rừng già, chốn núi khi phách hiên-ngang, bao liệt-sĩ hữu danh và vô-danh ấy đáng được muôn đời tưởng niệm.

Thay vì nước nhà vẫn còn trong cảnh trạng bất-yên, nên các sử gia không ghi chép được đầy-đủ, chúng tôi đành cam thiếu sót với niềm ăn hận khôn cùng, miên-man thương cảm. Tuy nhiên, chúng tôi cảm thấy có bồn-phận gạch thêm mấy dòng ở nơi đây gọi là chút lòng thành, dâng nén tâm hương tưởng niệm anh-linh các liệt-sĩ còn mai một tánh danh trên đường phụng-sự cho dân-tộc, trong khi hy-sinh bảo-vệ cho đất nước.

Tổ quốc sẽ ghi ơn những anh-hùng hữu-công, đã vị-quốc vong-thân, với những trang sử oai-hùng được lưu-truyền mãi mãi.



Phần thứ ba :

downloadsachmienphi.com

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

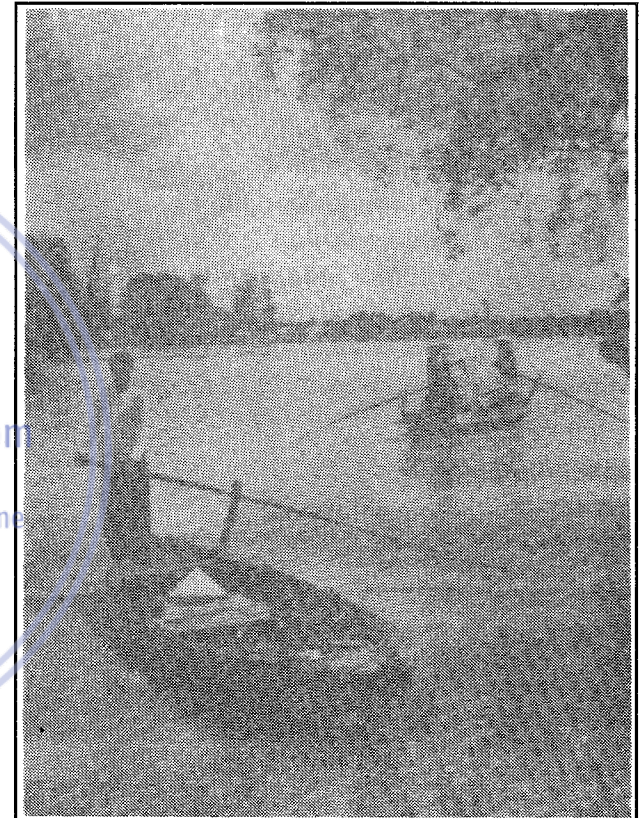
**ĐỊA-DANH, GIAI-THOẠI
và HUYỀN-SỬ**

Cảnh đẹp Hậu Giang



downloadsachmienphi.com

Download Sách Hay | Đọc Sách Online



*Trên sông Bạc Liêu, một thiếu nữ
nhẹ mái chèo lướt trên dòng nước bạc sang sông.*

ĐỊA-DANH

*Bạc-Liêu là xứ quê mùa,
Dưới sông cá chớt, trên bờ Triều-Châu*

T

ÁC-GIẢ mở đầu phần Địa-danh và huyền thoại của tỉnh Bạc-liêu bằng câu ca-dao được truyền tụng rất lâu đời ở miền Nam Việt-Nam, ấy là muốn cho những ai chưa biết Bạc-liêu hay chưa đến Bạc-liêu lần nào cũng hình dung được phần nào về đặc tính của địa-phương này.

Nhưng Bạc-liêu có phải là xứ quê mùa không? Về điểm này đối với ngày nay, khi ánh-sáng văn-minh đã tràn khắp tỉnh thành, làng xóm thì chuyện quê mùa kể như không thành vấn-đề nữa. Nhưng trả Bạc-liêu về thời-kỳ xa xưa, nghĩa là chừng nửa thế-kỷ trước, thì Bạc-liêu vẫn đúng với hai chữ «quê mùa». Vì thuở trước dân chúng Bạc-liêu từng sống với nghề nông và nghề biển, đời sống họ phần đông gắn liền với đồng quê.

Ai đã từng đi thăm ruộng lúa ở Bạc-liêu tất nhận thấy tỉnh Bạc-liêu xưa và nay quả là một vựa lúa nhỏ, trong cái vựa lúa lớn của miền Nam Việt-Nam.

Tỉnh Bạc-Liêu từng sản-xuất ra nhà triệu-phủ Trần-Trinh-Trạch có lúc dám cho chánh-phủ Pháp vay bạc, ấy cũng nhờ cái kho lúa minh-mông bát-ngát của tỉnh nhà.

Trên 30 năm trước đây, người ta thường nói đến các tay «công-tử Bạc-Liêu» như Dù-Hột, cậu Ba-Quy từng nổi tiếng như cồn là «Hắc công-tử».

Như vậy Bạc-Liêu, thời xa xưa tuy quê mùa, mà nay có phần-thịnh nhờ cái vựa lúa thiên nhiên của vùng đồng bằng trù-phú. Các tay công tử Bạc-liêu xài tiền như nước, dám đốt giấy bạc để mời xì-gà, dám lái máy bay đi thăm ruộng lúa.

Sự kiện này đã làm cho Bạc-Liêu gây được một thời-ky oanh-liệt, ăn chơi suốt từ Nam chí Bắc, mỗi khi nghe danh «công tử Bạc-Liêu» là thiên-hạ phải thán phục về lối xài tiền dầm dề.

Nói về cá chốt ở Bạc-liêu, ai cũng công nhận rằng địa-phương này có hăng hà sa số cá chốt, nó nhiều có thể nói là vô-địch đối với các tỉnh từ Nam chí Bắc. Ai có đi tàu hay đi ghe trên sông Ba-thắc (thường gọi là sông Hậu-giang) hoặc sông Gành-hầu, muốn biết cá chốt nhiều hay ít, người ta cứ tiêu tiện đại trên sông, tức thì cá chốt nổi lên đặc ngàu lền sông, có người thấy chóng mặt hoặc không dám ăn cá chốt nữa.

Cá chốt Bạc-liêu đã nổi tiếng là nhiều vô-địch không đầu bằng, nên rất dễ gọi cho người phương xa mỗi khi tới viếng Bạc-liêu trở về, đều không quên được cá chốt Bạc-liêu tức là sẽ nhớ mãi cái đặc điểm khác lạ của địa-phương này.

Bạc-liêu còn nổi danh là nhiều người Triều-châu. Người Tàu đến làm ăn sanh sống ở đây đã hơn một thế-kỷ rồi. Nhưng trong số này người ta thường phân-biệt người Triều-châu, người Hải-nam, người Quảng-đông v.v... đặc-biệt chỉ có người Triều-châu là chiếm đa số. Họ nhiều đến nỗi thấy người Quảng-đông hay người Hải-nam, người ta cũng coi là người Triều-châu.

Ngôn-ngữ thông-dụng ở đây nhứt cũng là tiếng Tàu. Ai muốn làm ăn buôn bán tại Bạc-liêu ngày trước mà không biết tiếng Tiều hay không rành tiếng Tiều là điều thiệt-thòi lớn. Mấy mươi năm trước, tới Bạc-liêu, người ta đã có cảm-tưởng tỉnh Bạc-liêu là tỉnh đặc-biệt của người Triều-châu, giống như ngày nay người ta coi Chợ-lớn là thành phố của người Tàu.

Ngày nay, trải qua bao biến cố của đất nước, Bạc-liêu đã sống vững và trưởng-thành, nhưng trước nhứt Bạc-liêu không còn là xứ quê mùa như xưa nữa. Thử đến, Bạc-liêu không còn là tỉnh thành của người Triều-châu, vì trước sự tiến-hoá không ngừng của dân-tộc Việt-nam, thành-kiến cũ đã bị xoá tan : người Triều-châu không còn là đa số, cũng không là giềng mối của mọi sanh-hoạt hằng ngày.

Tìm hiểu danh-từ các quận Vĩnh-châu, Giá-rai, Năm-căn

VĨNH-CHÂU LÀ GÌ ?

DANH-TỪ « Vĩnh-châu » có nghĩa là hạt châu tồn-tại muôn đời, nói lên lòng triu-mến của nhân-dân đối với vùng đất mến yêu.

Thông thường, người ta quen gọi Vĩnh-châu là quận Trà-nho, do danh-từ « Chruai-Nhor » của Cao-miên là tên một giống cây mọc rất nhiều ở vùng này. Tuy nhiên, chính người Miên cũng không đồng ý với nhau về ý nghĩa của hai tiếng Trà-nho. Theo một truyền thuyết khác, Trà-nho do hai tiếng Miên « Chruai-Yor » có nghĩa là « Vịn tử-thần ». Vì ngày xưa ghe thuyền nào vô ý vào cặp bến Vĩnh-châu, là người trên thuyền đều bị một hung-thần vật học máu chết tươi ngay.

Theo truyền sử, Nguyễn-Ánh trên đường bôn-tẩu, có đóng quân ở Cồn-đầm (nay gọi là Cồn-nóc), thuộc quận Vĩnh-châu, đặt tên chỗ ở là Mỹ-thanh. Nơi đây, ngày nay còn di-tích : nền thành đồn trú, giếng nước, chùa và dòng Thư-yết.

HAI TIẾNG GIÁ-RAI

Về danh-từ quận Giá-rai thì thú vị hơn Vĩnh-châu nhiều, mộc-mạc đến thành ngô-nghe buồn cười.

Khoảng giữa thế-kỷ 19, từ Bạc-liêu đến Cà-mau không có lộ và kinh thẳng. Sự giao-thông liên-lạc phải dùng các sông rạch thiên-nhiên quanh co khúc-khuỷu theo rạch Cái-hu, Cây-gian, rạch Rắn, rạch Lộ-bế, trở ra nơi cách Hộ-phòng chừng 800 thước. Khách qua lại thường gặp nhau tại khoảng rạch Cây-gian và rạch Rắn để nghỉ-ngoi và chờ con nước. Khách qua đường nghỉ-ngoi quan-sát phong-cảnh chung quanh, nhìn thấy phía đông bắc rạch Rắn có xóm nhà xen lẫn với từng chòm cây **Giá** mọc **lại** **rai**. Họ hỏi nhau :

— Xóm gì đấy ?

Người đối-thoại cũng mù-tịt chẳng biết gì hơn, cười mà nói đùa :

— Thì là... xóm « Giá lại rai » chứ gì.

Lần hồi người ta quen gọi như vậy và lâu ngày thành vẫn gọn lại là « **Giá-rai** ».

Đối lại, ở cách tỉnh lỵ chừng 4 cây số, có một xóm ở giữa vùng cây giá mọc um-tùm, người ta gọi xóm này là xóm « **Giá-râm** » để đối lại với « **Giá-rai** ».

NĂM CĂN TỪ ĐÂU MÀ CÓ ?

DẾN như danh-từ Năm-căn, kể ra cũng ngô-nghe mộc-mạc không kém gì giai-thoại về « Giá rai » trên đây.

Danh-từ Năm-căn bắt đầu có từ năm 1092.

Lúc ấy vùng này chưa có nhà cửa xóm làng, chỉ có một thiểu số đồng bào làm nghề săn thú rừng và hạ bạc, ở rải rác các rạch xẻo mà thôi. Nơi vàm con rạch Tắt đi qua sông Bải-háp, con đường duy nhất để đi Cà-mau, lúc sơ-khai chỉ có một trại đầy vồn vện cát năm căn. Kể qua người lại nơi rạch Tắt ấy hỏi nhau :

— Rạch gì ?

Kể đối thoại trông quang cảnh mà đáp phóng mạng :

— Rạch trại đầy Năm-căn.

Lâu ngày, dân tới ở thêm đông thành xóm, người ta gọi ngay là xóm Năm-căn. Và tên Năm-căn... đi vào lịch sử cho tới ngày nay.

Vâng, tên Năm-căn đáng được đi vào lịch-sử tới nay vì nơi chốn sơn cùng thủy tận này, khoảng năm 1935 từng hân hạnh được viên thống đốc Nam-kỳ là Pagès đi kinh-lý đấy. Và cũng chính Pagès cho nó và xã Viên-an gồm lại, thành lập làm phân quận hành-chánh, tùy thuộc quận Cà-Mau ; nay thì đã nghiễm nhiên là quận, trong khi Cà-mau được đưa lên lên hàng tỉnh.

Đồng Nọc Nạn



*Cảnh đồng ngập nước như bể cả, bầy trâu ung dung dong ruổi
giữa cảnh trời nước bao la.
Đặc biệt, nơi đây đã ghi lại lịch sử một cuộc đấu tranh đẫm máu
của những nông dân với viên cò Pháp, dưới thời thực dân.*

Ảnh Viên Đông
(Bạc Liêu)

ĐỒNG NỌC NẠN

(QUẬN GIÁ-RAI)

ĐỒNG Nọc-Nạn có thể nói là một địa danh rất nổi tiếng trên địa hạt kinh-lũ cũng như về mặt sanh-hoạt nông thôn.

Dầu không ở tại Bạc-Liêu, nhiều người cũng điết danh Đồng Nọc-Nạn. Cái tên khô-khan và nôm-na này không phải tự nhiên mà có, Đồng Nọc-Nạn cũng không phải vô cơ mà nổi danh, sự thật nó là một huyền-thoại phát sanh gần một thế-kỷ rồi mà bất luận người dân quê nào ở quận Giá-Rai hay toàn tỉnh Bạc-Liêu cũng đều biết rất rành mạch.

Vậy Đồng Nọc Nạn được liệt vào hàng địa-danh của tỉnh Bạc-liêu hay của cả một miền Hậu-giang cũng không phải là quá đáng.

Đi thăm Đồng Nọc Nạn không phải là việc khó-khăn lắm. Chúng ta cứ theo đường Liên-tỉnh nối liền thành phố Bạc-liêu với thị-xã Cà-mau qua khỏi quận Giá-rai khoảng cách Bạc-liêu chừng 30 cây số ngàn, về phía tay phải, có một cánh đồng ngày nay trở nên màu mỡ, phì-nhiều. Nơi đó, ngày nay cũng trở thành xóm vườn đông-dúc dân quê, nối tiếp với những thôn xóm lân-cận, đó là ấp Nọc Nạn thuộc xã Phong-thạnh, quận Giá-rai, tỉnh Bạc-liêu.

Cái tên Nọc Nạn xuất phát từ chỗ trước kia nơi này là một vùng sinh lầy rộng lớn đầy rừng tràm, choại, dớn, lau sậy chen-chức nhau mọc đầy, quanh năm chỉ có chim muông và rắn độc trú ẩn.

Vì sự sống hằng ngày, người dân quê đói khổ của vùng Phong-thành, Giá-rai phải chịu gian-khổ, rủ nhau đem mồ-hôi sức lực ra khai phá cánh đồng sinh lầy.

Người dân quê đi khai hoang đến vùng này, muốn có chỗ che nắng dụt mưa, tránh rắn độc nên dựng lên những cái chòi. Bởi vì đất sinh đất dớn không thể cất nhà trệt như ở trên khô, người dân quê phải chặt cây làm cọc đóng xuống sinh rồi gác nân bên trên làm sàn để cất nhà lên đó.

Công việc thật là gian-nan vất-vả, người dân quê phải tốn không biết bao nhiêu mồ hôi, nước mắt ; kiên gan từ tháng này đến năm nọ. Công việc kéo dài suốt chín, mười năm trường, mới lần hồi biến được vùng đất sinh lầy, đầy choai dớn trở thành cánh đồng màu mỡ gieo trồng được.

Nếu chỉ có như vậy thôi, thì cái tên Đồng Nọc Nạn không thể trở thành một huyền-thoại, to lớn sự nhớ thương của mọi người, cũng như ấp Bình-an, Phong-phú.

Nhưng trải qua gần một thế-kỷ nay, người miền Nam biết đến Đồng Nọc Nạn nhiều, nhắc-nhở đến Đồng Nọc Nạn luôn, đó là do câu chuyện sau đây :

Vào khoảng 40 năm về trước, hồi Đồng Nọc-Nạn còn là bãi hoang, thì gia-đình của ông cha một nông dân tên là Mười Chức, đã đi tiên phuông đến khai hoang ở đây.

Trải nhiều cực khổ, ông cha của Mười Chức và đám dân quê mới biến đổi được đất sinh thành ruộng lúa. Mọi người đang yên phận với cảnh sống chơn lăm tay bùn trên đồng Nọc-Nạn, thì có một cường hào ở vùng Giá-rai, là một ông Phủ, đã lợi-dụng thời cơ dựa vào thế lực của thực-dân Pháp vào thời-kỳ đó, bằng cách vận-động đứng ra lập sổ để một Huê-kiều tên Bang T. đứng làm tẩm bình phong, rồi xin đóng thuế với thực-dân Pháp để cướp đoạt đất đai do công lao của dân quê tạo nên

Sau đó, ông Phủ cùng tên Mã-Ngân đem lính tráng vào đồng Nọc-Nạn, tự tiện cấm trụ đá làm ranh đất, bắt hết thầy đám nông dân có công khai hoang phải ký giấy làm tá điền, mướn ruộng của tên Huê-kiều này.

Cái lối cướp đất ngang ngược này lại được thực dân Pháp che chở và đồng loã, nên ông Phủ ⁽¹⁾ kể như chiếm được đồng Nọc-Nạn rồi, hằng ngày ông cho lính tráng đi dọa nạt dân quê, ức hiếp phải làm theo ý muốn của mình.

Trong số người không chịu được sự áp chế của ông Phủ và những bất công của thực dân Pháp, có anh Mười Chức và một đám nông-dân. Họ đã nổi lên dùng gậy gộc dao mác chống lại viên cò Pháp Tournier cùng đám lính mã-tà, vì ăn tiền của ông Phủ mà biến thành tay sai, hằng ngày kéo vào đồng Nọc Nạn uy hiếp dân quê để góp lúa ruộng.

Ban đầu cuộc kháng cự của Mười Chức và đám nông-dân còn yếu-ớt vì họ chỉ muốn biểu lộ sự phẫn uất một cách ôn-hòa cho viên cò Pháp phải rút lui. Nhưng, thực-dân Pháp và cường-hào ác-bá thời đó, thường ý vào sức mạnh của đồng tiền, của thế-lực và võ-khí, nên chẳng những họ không rút lui mà họ còn ra mặt đánh-đập bắt-bớ dân lành.

Mầm công-phẫn nổi dậy dưng-dưng, Mười Chức và đám dân quê liền đứng lên kháng-cự quyết-liệt.

Đồng Nọc Nạn nghiêm-nhiêm trở thành sân-khấu của các cuộc đàn-áp, đấu tranh đẫm máu. Kết quả, viên cò Pháp Tournier bị đâm chết, Mười Chức cũng bị bắn chết trong cuộc giao-tranh, và nhiều người bị thương tích.

(1) Ông Phủ thời ấy là Ông Phủ Ng. v. H.

Tấn kích không phải tới đó đã hạ màn. Hồi ấy, một viên cò thực-dân bị đâm chết như vậy chẳng phải là một việc may cho dân chúng ; trái lại, là một tai hoạ tày trời đối với đám nông-dân ở Đồng Nọc Nạn ! Thực-dân Pháp sai lính tráng đi ruộng bắt những người trong gia-đình Mười Chức. Các người em của anh bị bắt bớ, đánh đập tàn-nhẫn và bị đày ra Côn-đảo.

Một số nông-dân khác cũng đành cam chịu số phận lầm than nơi chốn lao tù ! Thế là cánh đồng Nọc Nạn rơi vào tay bọn cường-hào ác-bá.

Bây giờ, đồng Nọc Nạn đã trở thành một địa-danh ưu-tú, một cánh đồng lịch-sử, do công khai hoang lập ấp của dân quê, nhưng than ôi ! những bàn chân lầm tay bùn ấy lại bị quân cường-hào ác-bá dùng quyền lực cướp mất.

Ngày nay, nhắc đến đồng Nọc Nạn là gây sự xúc-dộng và cảm-phẫn trong giới nhà nông, vì họ đã đổ biết bao mồ hôi, nước mắt để bồi đắp cho cánh đồng Nọc Nạn được phong-phủ như thế này.

Người đến Bạcliêu, ít ai không đi thăm Đồng Nọc Nạn.



Sa-Đéc, Aug 12, 2015

GIẢI-THOẠI

« CÔNG-TỬ BẠC-LIÊU » DO ĐÂU MÀ NỔI TIẾNG ?

BA bốn mươi năm về trước, thuở tiền bạc đắt đỏ, lúa chỉ có 7, 8 cắc một gạ, tỉnh Bạc-Liêu đã nổi tiếng là tỉnh giàu bạc nhất miền Nam, có lắm nhà triệu-phủ về ruộng lúa, ruộng muối. Ngay trong lúc kinh-tế khủng hoảng lúa chỉ còn 0\$25 một gạ, đến nỗi cụ Bùi-thế-Mỹ tức nhà văn Lan-Đình đã phải thốt mấy câu :

« Nghèo đến thằng mình còn chạy quỳnh,

« Giàu như ông Trạch cũng buồn hiu !

Ông Trạch tức là nhà triệu-phủ Trần-Trinh-Trạch ở Bạc-Liêu. Kinh-tế khủng hoảng thì mặc kinh-tế, các tay công tử Bạc-Liêu vẫn cứ còn tiền xài « thả cửa ». Vàng, Bạc-Liêu là tỉnh trù phú, dân cư đông đúc, chợ búa mua bán tấp-nập, cũng là nơi nổi tiếng ăn xài, từng sản-xuất các tay công-tử năm mươi ngàn «*đồ một trận cười như không*». Từ Nam chí Bắc đều nghe danh công tử Bạc-Liêu một thuở nào.

Thời thực-dân phong-kiến cai-trị, chúng buông thả cho dân chúng tha hồ chơi đủ thứ : hốt me, đá gà, tổ-chức những hộp đêm buồn hương bán phần v.v... Nhất là tỉnh giàu như Bạc-Liêu thì dân chúng tha hồ hơn nữa. Có thể nói từ đồ tượng (bốn bức vách tửu, sắc, tài, khí) người ở Bạc-Liêu phần đông đều vương mắc, chẳng nhiều thì ít. Do đó, hạng con ông cháu cha sa ngã trong các mê hồn trận, được thời nổi danh « công-tử » đệ nhất là « công-tử Bạc-Liêu » thì thôi, ai cũng ngán cái nước khuôn tiền mà đồ sông đồ biển của họ.

Đây, thành tích ăn xài khét tiếng của các tay công-tử Bạc-Liêu hữu hạng :

Chính tại Bạc-liêu, người nổi danh đầu tiên « công-tử số một » là Huỳnh-văn-Phước kêu là xã Dù-Hột (sau này là Ban-biện Hột), con ông chủ Chá. Ăn xài tại tỉnh nhà phung-phí có tiếng, là dân cậu, mỗi khi lên Saigon — tất-nhiên phải ăn xài hơn nữa — thì công-tử nhà ta càng trở ngón xài sao cho thiên-hạ đều kinh-nể. Ở thì ở các khách-sạn hạng sang như Continental, Majestic chẳng hạn. Ra đường, một mình đi chơi thì dùng đến năm ba chiếc xe kéo, chiếc chở nón, chiếc chở cây gậy (canne), chiếc chở cặp da, mắt kiếng v.v... Đánh bạc thì vô các nhà « xẹt » (cercle) lớn, dám đánh một cây bài đôi ba chục ngàn đồng bạc (nên biết là tiền bạc thuở lúa bảy tám cắc một giá), thấy công-tử Bạc-liêu xài tiền như nước ai ai cũng phải lắc đầu.

Công-tử Bạc-liêu đứng vào hàng số 2, sau Dù-Hột (Huỳnh-văn-Phước) kể trên, kể đó là ba anh em Trần-trình Đình, Trần-trình-Huy (1). Trần-trình-Khương, con ông Hội đồng Trần-trình-Trạch. Gọi là số 2, vì đi sau « cậu » trước, kỳ thật về mức ăn xài lớn của cậu ba Huy chẳng nhường gì Dù-Hột. Cũng đởm-dáng đủ điều, cũng phung-phí huy-hoát. Đến cái nước ganh-đua với một tay công-tử khác ở Mỹ-tho là Phước Georges, thì cậu ba Huy còn xài buông tay hơn nữa. Trong đêm tối, một bạn bè đánh rơi một vật chi nơi xó kẹt chẳng ? Lập tức Phước Georges lấy giấy con công (giấy bạc 5\$ thời trước) quẹt diêm đốt rọi cho bạn kiểm. Cậu ba Huy có mặt nơi đó há dễ chịu thua ? Thản-nhiên như không, « cậu »

(1) Ba người này mỗi người xài một cách khác nhau, nhưng có cậu ba Trần-trình-Huy trong giới hào-hoa đều biết danh cậu nhiều hơn hết.

móc ngay tấm giấy bộ lư (bạc 100 \$) hay gọi giấy « săng » (cent) đốt tiếp. Ấy là chuyện điển hình hai tay công-tử Bạc-liêu và Mỹ-tho... tranh hùng một thuở chơi hoang. Và vì diện-mạo của hai người, Phước Georges trắng-trẻo, cậu Huy đen nám, thiên-hạ đặt cho danh hiệu là Bạch-công-tử ở Tiền-giang và Hắc-công-tử ở Hậu-giang.

Tại Bạc-liêu còn có thêm hạng công-tử ăn xài rất đúng cách và có óc bảo thủ là Út Thượng, người này đã mất nhưng còn mang tên một con kinh trong điển kêu là kinh Út Thượng, tại điển của ông ngày nay.

Đại-khái cái danh « công-tử Bạc-liêu » là như thế. Mặc dầu vậy, chờ tưởng hàng công-tử ở tỉnh muối đều rắc-rong thứ ăn chơi. Bên cạnh hạng công-tử Bạc-liêu (xài phá hoang phí) mà đời thường nhắc-nhở với ý tiếc rẻ, hãy còn một hạng công-tử Bạc-liêu đáng mặt hơn. Điển hình cho hạng sau này là Phan-kim-Cán, tay công-tử hào-hiệp, trọng nghĩa khinh tài, hiện nay còn ở Bạc-liêu.

Đã là công-tử Bạc-liêu, Ba-Cán cũng thuộc hạng bảnh về mặt ăn xài, có điều Ba-Cán chẳng khác một Đơn-hùng-Tin thuở loạn Tùy sang Đường, hay đem tiền của trợ cấp cho những anh hùng hào-kiệt còn thất cơ lỡ vận. Điểm đặc biệt của công-tử Phan-kim-Cán, là có mắt xanh nhận biết trang lỗi-lạc siêu-quần trong cơn phong-vũ trần-ai, và sẵn-sàng giúp-đỡ cho. Nơi nhà Ba-Cán thường nuôi giấu các chi-sĩ cách-mạng. Chính Nguyễn-an-Ninh khi xuống Bạc-liêu đã được Ba-Cán tổ dạ trọng-đãi vô cùng.

Xuyên qua hai hạng công-tử Bạc-liêu mà chúng tôi đề-cập ở bài này, hẳn ai cũng nhận thấy cả về hai hạng ăn chơi vị-kỷ và hoang-phí có ý vị-tha, — phương-diện nào công-tử Bạc-liêu vẫn khác thường thiên-hạ. Bởi lẽ khác thường ấy, cái danh xưng « công-tử Bạc-liêu » tự nó đã hội đủ yếu tố để đáng được... ghi vào lịch-sử nhĩ ?

Điều nên biết thêm, cả hai hạng công-tử Bạc-liêu ấy, dẫu sao cũng danh chấn nhất thời mà thôi. Ngày nay gia-đình xã Dù-Hột (điền hình giới ăn chơi) và Ba-Cân (điền hình giới hào-hiệp trọng-nghĩa khinh-tài) đều đã sa-sút nghèo-nàn. Dù-Hột nay đã mất, nhưng còn người chị là cô Hai Ngó đã chán-chê cảnh phù-hoa, gột rửa trần tâm phần nào mà hướng về nẻo Đạo có lập một cảnh chùa tại Bạc-liêu, người sau là cậu Ba Cân còn sống phong-thái vẫn ung-dung trong cảnh nhà cửa suy-sụp, nhưng tên tuổi vẫn còn đề cho người đời nhắc-nhở. Ấu cũng là bài học hay cho đời noi gương, xem đó trau tâm luyện tánh.

Tạo nghiệp đã đành là phải trả cho xong nghiệp quả. Nghiệp trần ai mang nặng nhiều tội-lỗi sa-đọa, còn kịp có ngày giờ ăn-năn sám-hối thì hãy còn làm lại cuộc đời tốt đẹp được. Và vương mang nghiệp hào-hoa mà còn biết xét nét qua dĩ vãng trong hành-vi cử-động của mình, còn biết có lúc phải làm một đời điều phải đạo, phải lễ, dẫu mai sau thất-vận, nợ trần ai tay trắng trả vay hoàn tay trắng, hãy còn được đôi chút an-ủi chuỗi ngày tàn vầy.

Nói đến đất Bạc-liêu mà không đề-cập đến các tay công-tử thời ấy là một điều thiếu sót, chúng tôi chỉ sơ-lược qua vài nét của hai hạng công-tử đã nói trên, còn sự phê-phán xin nhường cho độc-giả, tác-phẩm thuộc về loại sưu-khảo qua nhiều khía cạnh vì lẽ đó nên không thể đi sâu chi-tiết về hành-động của một cá-nhơn nào, xin bạn đọc thông-cảm cho.



CHUYỆN BÀ MỤ TRỜI ĐỖ SANH CHO CỌP TẠI RỪNG CÀ-MAU

N GÀY nay, tại tỉnh Cà-Mau, hầu hết đồng-bào ở đây còn truyền tụng câu chuyện bà Mụ Trời làm một việc bất đắc dĩ, mà cũng là một việc hy-hữu, tức là hộ-sanh cho cọp.

Cách đây gần một thế-kỷ (100 năm) Cà-Mau là một vùng đất phù-sa sinh lầy, gần như hoang vu. Dân cư thưa thớt, nhưng có nhiều thú dữ như cọp, minh và nhiều loại có nọc độc như rắn, rắn mải găm, và rắn hổ v.v... còn muỗi thì nhiều vô số kể ăn cơm phải giăng mùng đốt ung mới có thể ngồi ăn được.

Vào thời đó, tại Rạch-Bàn, thuộc quận Cái-Nước bây giờ, có một bà rất nhơn đức, tên là Trần-thị-Hoa, tục gọi là Bà mụ Tư, làm nghề hộ-sanh. Thuở ấy hộ-sanh là một việc làm phước, không ai chịu lấy tiền công-đức, bởi vậy dân chúng thường tặng các bà hộ-sanh là mẹ sanh.

Thường lệ nơi đây, hễ mặt trời lặn thì ai ở nhà nấy, rồi cửa đóng then gài. Vì thú dữ quá nhiều, nên họ sợ...

Một bữa nọ vì phải giúp một sản phụ khó sanh, nên bà mụ Tư về muộn. Chủ nhà phải mượn bốn người trai tráng đưa bà. Về gần tới nhà, bỗng nghe tiếng cọp học rất lớn làm mọi người hốt-hoảng, tay chùn bủn-rủn, người ướt trong quần. Khi hoàn hồn bốn tráng đinh thấy mất bà mụ Tư thì quả-quyết bà bị ông thầy bắt ăn thịt. Vào thời ấy dân chúng rất sợ cọp, sợ hãi đến nỗi không dám gọi

dịch danh ông hồ hay ông cộp mà phải kính cần gọi là ông thầy, có nơi còn lập miếu thờ cộp, nên bốn tráng đinh tất tả chạy về làng đánh mõ và thùng thiếc báo động. Dân làng được tin cộp loạn rừng, cùng nhau mang dao rựa và cung nỏ đi ruộng kiếm, nhưng vô hiệu quả.

Rạng ngày dân làng tiếp-tục đi tìm dấu cộp. Họ tiến gần đến nhà bà mẹ Tư thì thấy dấu chùn cộp, còn rành-rành trên mặt đất. Quanh nhà bà cũng thấy có dấu chùn cộp, chứng tỏ hồi chiều hôm qua cộp có đến rình nhà bà. Thấy cửa hé mở, dân làng xô cửa bước vào nhà thì rất đổi ngạc nhiên, họ thấy một người hình dạng giống bà mẹ Tư đang nằm trên giường day mặt vào vách.

Nghe tiếng động bà mẹ Tư giựt mình ngó ra ngoài. Quả thật là bà mẹ Tư. Ban đầu dân làng ngỡ là ma hiện hình, nhưng sau khi nghe bà lên tiếng thì họ mới hết sợ.

Một trong bốn tráng đinh đã đưa bà về nhà chiều hôm qua đánh bạo lên tiếng : «Rõ-ràng chiều hôm qua, chính mắt tôi trông thấy bà bị ông thầy bắt. Nhưng sao bây giờ bà còn sống ngồi ở đây ? Phải chăng bà là ma hiện hồn ? Chúng tôi vái hồn bà có linh thiêng, xin đừng về đây quấy nhiễu, dân làng chúng tôi sẽ lập miếu thờ bà. »

Bà mẹ Tư cười đáp :

— Nào tôi có chết chóc đâu mà đòi lập miếu thờ... Thật ra, tôi bị ông thầy bắt... nhưng câu chuyện còn dài, mấy chú ngồi chơi, chờ tôi rửa mặt mày một chút cho bớt mệt, tôi sẽ kể chuyện lại cho mấy chú nghe.

Rửa mặt xong, bà ngồi lại kể chuyện : «chiều hôm qua tôi đi đỡ đẻ ở xóm trên rồi trở về, còn chừng hơn mười sáu nữa tới nhà, thỉnh thoảng tôi nghe tiếng ông thầy học lên dữ-dội, liền đó tôi bị lấn ngã, hồn vía tôi lên mây, tôi bất tỉnh nhân sự không hay biết gì hết... Rồi tôi cảm thấy mặt tôi ướt ướt, bên tai tôi nghe tiếng rên, rồi thì tiếng gà rừng

gáy vang. Mở mắt ra tôi thấy nằm dưới đất gần bên bà thầy (cộp cái) đang chuyễn bụng có vẻ đau-dớn lắm và coi moi khó sanh. Lúc ấy không biết tại sao tôi hết sợ hãi. Tôi chỉ thấy có bốn-phận tận-tụy đỡ sanh. Dưới bóng trăng khuya, tôi dùng phương-pháp đỡ đẻ cho người, mà giúp đỡ bà thầy hạ sanh hai con được khoẻ-mạnh. Sanh xong, «ông thầy» liếm tay tôi cho sạch huyết dơ rồi tha tôi về đây. Mệt quá tôi để y nguyên quần áo như vậy mà ngủ thì mấy chú vô nhà làm tôi thức giấc.

Mọi người nghe bà mẹ Tư thuật chuyện xong, thấy đều vui mừng, khen-ngợi bà ăn ở có đức lớn, nên Trời Phật độ mạng.

Bà nói :

— Nhờ Trời mà tôi thoát chết, nên mai này tôi sẽ cúng heo để trả lễ Trời Phật và luôn dịp mời bà con đến chia vui với tôi.

Sáng hôm sau, vừa mở cửa bà mẹ Tư thấy một con heo rừng rất lớn nằm ngay trước cửa. Bà hoảng-hốt, nhưng xem kỹ thì thấy con heo rừng này đã bị cộp móc họng vừa mới chết.

Xóm làng hay được tin này đều bảo rằng đó là ông thầy đền ơn bà mẹ. Bà nhờ lối xóm giúp tay ngã heo rừng cúng Trời Phật và đãi xóm làng. Mọi người không ngớt miệng khen-ngợi bà là con Trời nên mới dám đỡ đẻ cho «bà thầy» từ đó về sau ai nấy đều gọi bà mẹ Tư là **Bà mẹ Trời**.

Thỉnh-thoảng Hồ cũng mang biếu bà mẹ Trời một vài con thịt rừng cho đến khi bà mãn phần.

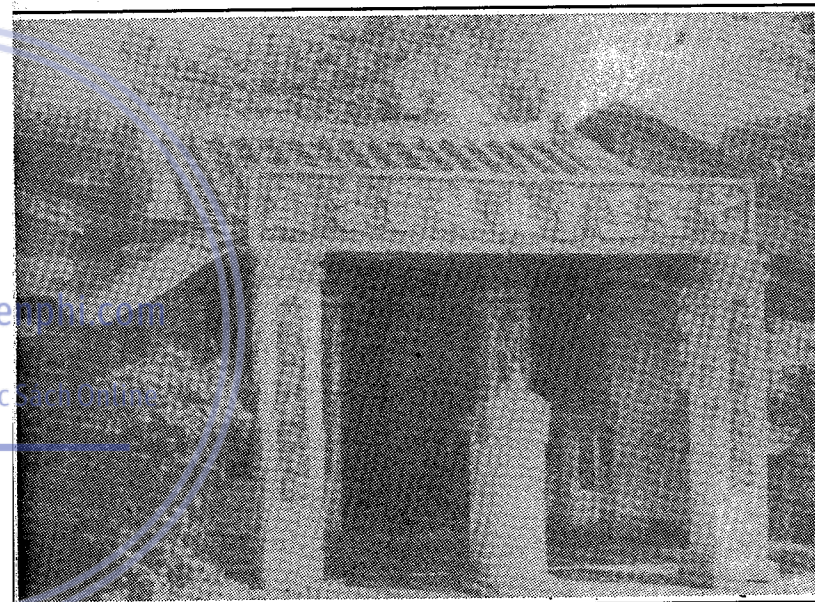
Hiện nay đồng-bào vùng Bạc-liêu — Cà-mau còn truyền tụng chuyện bà mẹ Trời là do tích hộ-sanh cho hồ cái.

Miếu Bà Cố



downloadsachmienphi.com

Download Sách Hay | Đọc Sách Online



*Một ngôi cổ miếu xưa nằm cạnh nhà đèn Vĩnh Lợi.
Nơi thờ phượng này được đồng bào địa phương sùng kính.*

MIEU BÀ CỔ LINH-THIÊNG VỚI QUAN CHÁNH THAM BIỆN NGƯỜI PHÁP

T

AI Bạc-liêu (Vĩnh-lợi) ngày nay ai đến bến xe đò, gần nhà đèn đều trông thấy một ngôi cổ miếu vách gạch lợp ngói âm-dương rộng độ 20 thước vuông, dựng tại gốc cây đa cổ thụ cành lá xum-xuê ngả ngọn đe tàn bao trùm trên nóc miếu mát rượi cả ngày, gốc rễ mọc ra chằng-chịt thân cây ba bốn người ôm mới giáp. Ngôi miếu này do vị tham-biện người Pháp tên Boudineau trùng tu lại cách nay trên 60 năm để thờ Thất-Thánh nương-nương, đồng-bào ở đây thường quen gọi là Miếu Bà Cổ. Trước kia miếu Bà nằm trong phần đất của toà Tỉnh-trưởng, cách dinh ông chánh chừng 200 thước, nhưng ngày nay theo thời-gian biến-chuyển, cổ miếu này và gốc cây đa lại nằm trong vòng rào thuộc phạm-vi của Tư-lệnh Sư-đoàn 21 bộ-binh vùng IV chiến-thuật, mặc dầu cổ miếu ở tại vị-trí cũ.

Hiện thời vào những ngày sóc vọng, đồng-bào bá-tánh tụ họp để đốt nén tâm hương chiêm ngưỡng thành kính sự anh-linh của bà, khói hương nghi-ngút, đôi bạch-lạp sáng rõ trước linh-bàn như vầng nhật nguyệt.

Nhưng, cũng như tất cả những gì do bàn tay con người xây dựng ngôi cổ miếu này non một thế-kỷ bèn gan chịu đựng sự tàn phá của mưa nắng gió sương. Đứng trước cảnh rêu phong ngói đổ, vách lở tường long, chúng ta cảm thấy tắc dạ bùi-ngùi mà hồi-tưởng những truyện linh-thiêng hiển hách, do các bô-lão địa-phương thuật lại.

Xưa kia miếu này có một sự-tích hết sức ly-kỳ, mãi đến ngày nay dân chúng còn truyền-tụng.

Vào thời Pháp thuộc, cách đây hơn 70 năm, gần đình quan Tỉnh-trưởng tức là đình ông Chánh tham biện, gọi tắt là đình ông Chánh, có một cây đa to, cành lá xanh tươi. Tại gốc đại thọ này có dựng một cái trang nhỏ, lợp bằng lá dừa nước, để thờ cốt bà. Nơi đây ngày đêm hương khói nghi-ngút. Dân chúng địa phương rất tin tưởng oai-ình cốt bà, nên mỗi khi đi ngang qua miếu, người người đều phải lột khăn giở nón xá bà, không ai dám thất lễ.

Ít lâu sau, ông chánh tham biện tức là chủ tỉnh Bạc-Liêu, nhận được nghị-định quan Thống-đốc Nam-kỳ, dạy mở rộng địa thế toà tỉnh trưởng và xây cất đình chủ tỉnh lại bằng gạch để thay thế đình cũ. Vì nơi rộng đất Toà tỉnh trưởng, thành-thủ miếu bà nằm trong phần đất thuộc phạm-vi của đình chủ tỉnh xa độ hai công đất.

Tánh người Pháp không muốn có đình miếu cất trong đất ông chánh, nên gởi trật cho quận phải triệt-hạ miếu bà và đốn cây đa. Quan chủ quận được lệnh đem dân đến đốn nhưng không ai dám phạm búa vào cây đa linh-thiên này cả. Ông quận bèn trình lên quan chánh tham-biện Pháp đến thị-chứng. Ông này đến tận miếu bắt buộc phải đốn cây đa tức khắc. Dân làng sợ quá mới bầm :

— Bầm quan lớn, chúng tôi không dám phạm đến oai linh của bà, nếu quan lớn muốn đốn cây đa này thì xin quan lớn cầm búa chém vào cây đa ba búa trước, thì dân làng chúng tôi mới dám tiếp-tục đốn ngã cây đa.

Ông chánh thấy dân chúng quá tin-tưởng dị-đoan, thừa dịp này ngài muốn làm cho dân làng bớt mê-tín, nên mạnh dạn hươi búa định chém vào cây. Bất-thần, trong đám dân làng có một người nhập cốt xưng danh Thất-thánh nương-nương, đồng-dặc bảo thẳng với chánh tham-biện Pháp :

— Ta nói cho nhà ngươi rõ. Nếu ngươi ngang nhiên

đốn phá chỗ của ta ở, thì ta sẽ vật mấy đứa con trai của ngươi chết liền trước mắt !

Nói xong thẳng ngay. Quan-chánh tham-biện nổi xung, chém mạnh vào cây đa một nhát búa, song chưa kịp rút ra thì thấy tên bồi giúp việc nhà cho ông sợ-hãi chạy tới cấp báo với ông rằng : Bốn đứa con trai nhỏ của ông là cậu Rọt, cậu Chel, cậu Jacque đang ngồi chơi bỗng nhiên học máu và bất tỉnh.

Ông nghe nói hốt-hoảng cấp tốc trở về đình và cho mời liền bác-sĩ đến điều-trị. Bác-sĩ xem mạch khám bệnh bảo là các em bị té nặng động phôi và cho uống thuốc cầm máu nhưng vô hiệu quả. Cả nhà còn đang lo sợ, lúc ấy có ông chủ quận Trương-công-Lành bảo nhỏ với bà chánh tham-biện : chắc có lẽ lúc này quan lớn khắc búa vào cây đa Miếu bà nên bị bà quở hành mấy cậu. Vậy bà lớn nói với quan lớn vãi tạ Miếu bà thì chắc các cậu mạnh liền. Bà chánh nói lại với ông chánh và có ý phiến-trách hành-vi của chồng vừa rồi, việc làm đã không có lợi mà còn thêm hại cho con. Bà khuyên chồng mau mau lại Miếu bà vãi xin lỗi tạ. Ông chánh nghe qua bán tín bán nghi, tuy nhiên phần thì thương con, phần nể vợ, nên chịu ra miếu bà. Ông khẩn vãi : « Nếu bà linh-thiên xin cho con tôi mạnh, tôi sẽ cất miếu lại cho bà ». Vãi rồi ông về đến đình thì thấy mấy đứa con ngồi chơi như thường. Cả nhà ông chánh đều vui mừng. Liền đó ông thâu hồi lệnh triệt-hạ miếu bà và cây đa, rồi xuất tiền riêng mướn dân làng xây cất miếu lại bằng gạch lợp ngói rất đẹp và nơi rộng-rãi hơn xưa.

Từ đó ông chánh bà chánh hết lòng tin-tưởng sự huyền bí của bà, ông bèn ra lệnh cho chuyển đèn điện vào miếu đốt sáng đêm, trước điện thờ bà không để cho tối, sự linh hiển của bà vẫn liên-tục đến nay, đồng bào liên tỉnh Cà-Mau, Sóc-Trăng, Cần-Thơ mỗi khi có tâm-sự gì thắc-mắc có lòng tin-tưởng đến bà, đến xin xăm cầu nguyện, được bà mạch bảo sự kiết hung rất linh-ứng, còn những kẻ ngang ngược khinh khi ngạo nghễ bà sẽ hành cho thấy trước mắt.

Chúng tôi nghe tin đồn sự linh hiển của bà do một ít người thâm niên ở Bạc-Liêu lên Sài-Gòn kể lại, chúng tôi bán tin bán nghi, muốn rõ sự hư thật thế nào, đích thân xuống tận Bạc-Liêu tìm đến nhà các vị cao-niên thân hào nhân-sĩ tại đây, hỏi qua sự-tích Miếu bà Cố do người đồn đãi từ lâu. Quý-vị ấy không ngần-ngại tường thuật những sự việc mắt thấy tai nghe cho chúng tôi rõ chi tiết, và còn rất nhiều chuyện hiển linh khác nữa, đồng-bào quanh vùng chợ Bạc-Liêu có dịp chứng kiến.

Nghe qua câu chuyện chúng tôi có một cảm nghĩ và băn-khoăn : Giữa cái thời-đại nguyên-tử này tại sao có những chuyện thần-thoại gieo rắc vào đầu óc con người như thế ? Có phải phần sự tiến-bộ của dân-tộc không ? Chúng tôi dùng lý-trí xét đoán thuyết duy tâm và duy vật, phân tách con người và khoa-học, tất cả những gì đã có trên vũ-trụ này cũng do nơi quyền năng của Đức Thượng-Đế tạo ra tất cả, nếu chúng ta nhận có Trời có cõi vô-hình bất-tử thì chúng ta cũng phải nhận thuyết hữu thần, mà khoa-học chưa tìm tòi khám-phá nổi, phải đành cúi đầu khoanh tay chịu phép. Thế thì chẳng riêng Miếu bà Cố ở Bạc-Liêu và còn biết bao chuyện huyền-bi khác đã xảy ra trên thế-giới nói chung và ở xứ ta nói riêng, như miếu Bà Mã-Châu ở Cà-Mau, miếu bà Chúa Xứ ở Núi Sam, Châu-Độc v.v..., hằng năm đồng-bào lục-tỉnh đổ xô đến bằng triệu người để chiêm-ngưỡng trong những ngày vía.

Trở lại vấn-đề miếu Bà Cố, chúng tôi không thần thánh hoá để gieo sự mê-tin cho đồng-bào, cốt thuật lại những tài-liệu đã thu lượm được, cần nêu lên cho độc-giả rõ biết với tinh-thần hiểu-cổ và cũng là một di-tích lịch-sử ở tỉnh Bạc-liêu ngày này được đồng-bào sùng-kính, hầu hết khắp nơi đều nghe biết. Tỉnh Bạc-liêu trải qua bao lần biến cố, cảnh vật tiêu-hao, nhưng miếu bà Cố vẫn được an-toàn, lúc nào cũng có người tới lui lễ-bái không ngớt, đúng là nơi ngự trị của đấng vô hình thiên-thu bất-tử.

Trước toà cổ miếu có một tấm biển sơn son phết vàng viết trên hiên bằng chữ Hán như sau :

THẤT THÁNH CHỈ LINH CHƠN TRUYỀN CỒ MIẾU

Và hai bên cột có hai câu đối, chúng tôi mạn phép xin ghi nguyên văn :

THÁNH ĐỨC TỪ BI THÔNG DIỆU PHÁP

THẦN LINH PHỒ ĐỘ VẠN THIÊN CƠ

Sau khi ghi chép đầy-đủ về sự-tích Miếu bà, lòng tôi nao-nao, cảm thấy hình như còn thiếu sót một cái gì, nên có cảm-tác những văng thơ dưới đây :

CẢM-TÁC

Một giai-thoại, nghe qua càng hào-hùng
Đề cao câu nền kinh Thánh trọng Thần
Ngôi cổ miếu, địa-phương đều tôn-kính
Bái học hay, cho tham-biên Pháp-triều.
Đề chứng-minh, oai linh-thiêng Thần-Thánh
Cõi hữu-hình, đồng-nhứt với vô-vi
Trơ với non sông làng cây cỏ thụ
Đêm trăng về, tỏ đậm nét huyền-linh.
Ve dễ gáy, kết-tinh thành nhạc điệu
Gió vờn bay, lá đồ lạnh tẻ ròn !
Cặp rắn thần ⁽¹⁾, như đến ngai châu-chức
Bóng đèn khuya lả ngọn xé màn đêm.
Chiều về đến, ánh tà-dương lỏ-đỏ
Khói hương trầm nghi-ngút quặng không-gian
Khúc phim đời, chớp-nhoáng tuần lệnh gió
Như bức tranh, sống, đẹp nét huy-hoàng.
Linh Thượng-đế vạn-năng quặng tối-thượng
Linh Thánh-Thần làm tiêu-biểu nhơn-gian
Đề đồ đậm câu « Hữu cầu tất ứng »
Miếu có Bà, chùa điện có Phật Trời.

(2) Xưa kia, nơi đây có cặp rắn thần rất to, thường xuất hiện trước chỗ thờ bà, nhiều người trông thấy.

MIẾU BÀ MÃ-CHÂU

(CÀ-MAU)



Ề sự tin ngưỡng, thờ phượng, ngôi miếu được hầu hết đồng-bào địa-phương, nhất là đồng-bào Việt gốc Hoa, sùng phụng nhiều hơn cả, là miếu thờ Bà Mã-Châu. Chẳng những tại Bạc-Liêu có miếu thờ, mà tại Cà-Mau, Năm-Căn cũng đều có.

Kể về mặt anh-linh hiển hách, miếu Bà Mã-Châu có tiếng thiêng-liêng chẳng kém gì miếu Bà Cỗ.

Đời vua Minh-Mạng năm thứ 12 (1831), vùng Bạc-Liêu Cà-Mau hãy còn trong tình trạng bán khai. Dân cư Cà-mau hầu hết sống với nghề làm củi hoặc nghề hạ bạc. Người Hoa-kiều thì sống với nghề thương-mại, dùng ghe bầu làm phương-tiện di-chuyển, lưu-thông trong vùng Cà-Mau để tiếp xúc với đồng-bào địa-phương, bán chác hàng-hoá.

Ngày kia, dân chúng bỗng xôn-xao về tin đồn :

— Có một cái xác đàn-bà lơ-dờ mãi ở ngã ba giáp nước, hình dung còn tươi rói.

Ai nấy đổ xô về phía ngã ba sông Gành-hầu, rạch Tắc-thủ mà xem. Quả thật, xác người đàn-bà lững-đứng trên dòng nước mãi, không trôi đi đâu cả. Thấy lạ, dân làng vớt lên, không ngớt bàn-tán. Vả lại, cũng không thấy ai quanh vùng nhận xác, vì chẳng ai có thân-nhân mất tích. Như thế, đích là xác lạ trôi từ ngoài biển vào, không phải là dân trong làng xã. Nhà chức trách địa-phương xét không ra mồi, đành cứ cho chôn cất.

Bất ngờ một cô gái làng bồng bị hồn thiêng nhập xác, tuyên-bố đồng-dục về lai-lịch của cái xác vô thừa nhận :

— Ta là Mã-Châu đây, người trong hoàng-tộc triều Thanh, đi thuyền chạy giặc, chẳng may gặp bão-tổ ngoài khơi, sóng nhận chìm thuyền. Xác ta trôi-giạt nơi này, đành lòng nương tựa cội đất thiêng. Các người lập miếu thờ-phượng, ta sẽ phù-trì cho dân làng làm ăn được phát-đạt, mua may bán đắt.

Dân làng cũng chưa lấy làm tin. Lạ thay ! liên tiếp nhiều đêm, nhân-dân quanh đấy đều nằm mộng thấy bà hiện về báo cho biết nhiều điều linh ứng. Cho đến các nhà tai mắt trong vùng, dần dần cũng cảm nhận sự linh-thiên của bà. Do tắc lòng sùng-kính, đồng-bào địa-phương bèn cất miếu thờ bà từ đó.

Miếu cất xong, vách ván, lợp lá, sự hiển-hách của bà càng thêm biểu lộ. Chẳng mấy lúc, bá-tánh hoàn-toàn xưng phục, xây cất miếu lại khang-trang mỹ-lệ cho đến ngày nay. Nơi miếu Bà, thiên-hạ lui tới dập-dìu, khói hương nghi-ngút suốt ngày đêm.

Hằng năm, lễ cúng tế nhằm ngày mùng 9 tháng 3 âm-lịch, tại miếu bà ở Cà-mau. Còn hai ngôi miếu ở Bạc-liêu và Năm-căn cũng làm lễ ngày ấy.

Ngày đại lễ, bá-tánh thập-phương kéo đến dâng hương đông nghẹt. chen chơn không lọt.

Kể khiêng heo quay, gà vịt xôi, bánh dầy cùng tế tấp-nập, giấy tiền vàng bạc đốt vô số kẻ, khói hương ngút toả cả một vùng, có người chịu không nổi, chảy nước mắt sống ngộp hơi thở ngất xỉu. Còn giới đồng bóng có phần âm nhập xác lên nói tiếng tàu, múa hát chúc tụng đưng hoa,

đưng lộc, bên ngoài có những dàn nhạc, phụ hoạ nghe rất êm tai, thật là một quang cảnh tưng bừng, náo nhiệt.

Kể tới, người lui không ngớt, hai bên mé hiên có những bàn đoán xám, xủ quẻ. Quán xá che từ khóm mọc lên như nấm, bán đủ thức ăn và đồ giải-khát. Đồng-bào địa-phương nhờ trong những dịp này mua bán kiếm được tiền nhiều.

So-sánh ngày vía Bà Mã-Châu Cà-Mau không kém gì vía bà chúa Xứ ở Núi Sam (Châu-Đốc), từ ngày 23-24-25 tháng 4 hằng năm, có người ở xa đi trước kiếm chỗ trọ, sự tin-ngưỡng của người Việt-Nam không thể tả được.

Theo sự chúng tôi biết, mỗi năm nhằm ngày vía như trên, số tiền của khách thập-phương đem đến cúng bà có cả mấy trăm ngàn.

Mấy năm gần đây, tình-hình chẳng được yên-ôn, số người đi dự lễ không được phần đông-đảo như lúc trước, nhưng không kém phần náo-nhiệt.

Ở miền tây hậu-giang có 2 ngôi cổ-miếu được đồng-bào dân chúng lục-tỉnh Nam-kỳ sùng kính, thành ra cổ-tục được di-truyền cho đến ngày nay.



Tại vàm sông ông Đốc Cá Sấu hiện lên cứu Nguyễn Ánh



Trên đường bôn tẩu, thuyền Nguyễn Ánh đang lướt trên sóng nước, thành linh có một đàn cá sấu hiện lên cản trước mũi thuyền. Sinh nghi, Nguyễn Ánh liền quay trở lại, và cho quân giả dạng ngư phủ đi dò tin, thì khám phá ra địch đang phục kích...

Ảnh tượng trưng

HUYỀN-SỬ

CHUYỆN CÁ SẤU CỨU CHÚA TÔI NGUYỄN-ÁNH ĐƯỢC PHONG CHÚC LANG-LẠI ĐẠI TƯỚNG-QUÂN

NGOẠI lễ lịch-sử, trong dân gian từ trước tới nay người mình đã truyền khẩu lắm chuyện tích ly-kỳ xảy ra trong thời Nguyễn-Ánh (tức Gia-long) tầu-quốc.

Những chuyện tích này làm cho những kẻ theo duy vật chủ nghĩa, tin-ngưỡng khoa-học một cách tuyệt-đối, mỉm cười một cách tự-phụ ngạo-nghề. Nhưng chính khoa-học và kinh-nghiệm đã dạy ta rằng : đời không có gì là tuyệt-đối. Đời vẫn có những huyền-bí mà khoa-học chưa làm sao khám phá, những bài toán mà khoa-học chưa làm sao giải thích nổi.

Vả lại, không riêng gì xứ mình. Lịch-sử hầu hết các dân-tộc trên thế-giới đều có những huyền-sử, giai-thoại tràn-trề những câu chuyện thần-bí.

Vấn-đề là : tin hay không tin ở thần quyền.

Ngoại trừ bọn người duy vật, cho rằng kiếp sống con người cũng như thú vật, sanh và sống do tình cờ, theo nhu-cầu và định-luật biến thiên tự nhiên của vật-chất, hề chết là hết. Những ai đã tin có Thượng-đế và vạn-năng, có thần-thánh, định-mạng, con người khác hơn con vật, có linh-hồn bất-tử, có nhân-quả và nhiều kiếp tương-quan, tự nhiên không dám phủ nhận những chuyện gọi là thần-bí.

Ngoại trừ những kẻ thiếu nhận xét mới có cái thái-độ : « nhắm mắt xua tay phủ nhận tất cả những hiện-tượng gì họ không hiểu hay không quan-niệm nổi », ngay những nhà khoa-học chơn-thành đứng trước những hiện-tượng lạ-lùng, được các tôn-giáo lấy làm tín điều, cũng không dám phủ nhận, mà chỉ đặt nghi-vấn để nghiên cứu tìm hiểu mà thôi.

Về những chuyện xưa tích cũ ở Bạc-liêu, người ta thuật lại rằng : Hoàng-đế Gia-long hồi còn là Nguyễn-Ánh đang nổi trời trên đường tàu quốc, trước sự truy-nã của cường địch Tây-sơn. Một hôm cùng tướng-tá và binh-sĩ xuống thuyền định chạy ra Phú-quốc. Đoàn chiến thuyền đang dung ruổi trên sông Ông Đốc, thì bỗng có một đàn cá sấu nổi lên đặc nghet cản đường. Thuyền chúa Nguyễn không làm sao vượt qua được. Thấy sự lạ cho là điềm xấu, Nguyễn vương đứng trước mũi soái thuyền, lâm-râm khẩn vái :

— Tôi là Nguyễn-Ánh, đông-cung thừa nghiệp của tiên vương, bị quân Tây-sơn soán-nghiệp yểm-bách phải hôn-đào, đang ở vào lúc thế-cùng vận-bĩ. Nay tôi định ra Phú-quốc lánh xa cường-tặc, chiêu-binh mãi-mã để khôi-phục cơ-đồ. Đàn sấu kia sao lại cản đường ta ? Phải chăng lòng trời còn nương-tựa nhà Nguyễn, xui khiến đàn sấu báo điềm cho tôi biết nguy-hiểm đang đón chờ, ở đầu sông kia là tử-lộ ? Nếu phải vậy thì đàn sấu kia hãy dang ra đi rồi tái hiện ba lần. Bằng không, hãy để cho tôi tiếp-tục hành-trinh, vì thời-gian rất quý báu.

Nguyễn chúa khẩn vái xong, đàn sấu bỗng lặn đi mất. Nhưng một lát sau lại nổi lên cản đường nữa, và làm như vậy đúng 3 lần. Nguyễn-Ánh tin điềm, liền ra lệnh cho chiến thuyền quay trở lại, đồng thời phái thám-tử đi dò xét thử. Vài hôm sau thám-tử trở về, báo cho biết rằng quả có lực lượng Tây-Sơn rất hùng hậu phục-kích ở cửa sông Ông-Đốc.

Một lần khác, thuyền chúa Nguyễn từ trong rạch sắp vượt ra vịnh Xiêm-La, bỗng có 2 con rái cá lội ngang qua rạch đón trước mũi thuyền như muốn cản đường. Xem đó là triệu-chứng bất tường, chúa Nguyễn muốn lui quân, nhưng đã trễ, đành phải tiến tới. Quả nhiên gặp một đội chiến thuyền địch chặn đánh, đoàn thủy binh của chúa Nguyễn sắp bại đến nơi, thì may sao, trời giông gió bão dữ dội làm đắm các chiến thuyền Tây-Sơn, Nguyễn quân nhờ

đó mà thoát nạn.

Về sau phục được cơ-nghiệp, Gia-Long hoàng-đế không quên ơn những giống vật đã cứu mình trong lúc hiểm-nghèo, phong cho đoàn sấu danh hiệu mỹ-miêu là « Tân-Ngạc Ngư-Long », và phong cho hai chú Rái chực « Lang-Lai nhi-đại tướng quân ».

Lúc từ Phú-quốc trở về, do ngã Cửa lớn và sông Bãi háp, Nguyễn chúa ghé lại Cà-Mau, ra lệnh cho quân xây cất « Miếu công thần » để tưởng niệm những quan binh đã có công hộ-giá mà tử-trận, hoặc vì nước độc rừng thiêng, chịu không nổi phong sương chương khí, phải bỏ mình trên đường dong ruổi...

Nơi rừng Cà-mau, từ U-minh-thượng đến U-minh-hạ còn để lại rất nhiều di-tích lịch-sử của chúa Nguyễn trong lúc ngài bôn Nam tẩu Bắc lẩn tránh Tây-Sơn, có lúc ngài vượt thuyền ra hòn Đá bạc và đảo hòn Chuối, xây đồn đắp lũy, ngăn giặc và cũng chọn nơi làm yếu điểm liên-lạc tại đây.

Rất thương cho những vị công-thần đã theo ngài góp công khai hoang lập ấp, phần tuổi già sức yếu đành gởi năm xương tận nơi khách địa. Nhà vua lấy làm thương-tiếc, cho lập miếu công-thần để thờ tại đất Cà-Mau, ngôi miếu dựng trên một khoảnh đất rộng-rãi có những cây cổ thụ chung quanh, có đặt người coi giữ lo việc lửa hương cúng tế, hiện nay là cơ-sở hiến-binh, sau này miếu được dời về kế cận đình làng. Trên đường bôn-tẩu của nhà vua khắp trong miền Nam nước Việt, từ rừng núi xa-xôi hẻo lánh, đều có những di-tích của ngài xây-dựng.

Với câu chuyện nhà vua và đàn cá sấu mà chúng tôi sưu-tầm trong quyển địa-phương chí của người Pháp ghi chép khá đầy-đủ những giai-thoại ở miền Nam.

Câu chuyện trên đây rất lý-thú, chúng tôi soạn lại hiển cho bạn đọc có óc sưu-tầm và thích nghe qua những chuyện cổ-tích.

NƠI ĐẤT THIÊNG, MỘT VỊ THẦN PHƠI TIỀN CỦA NHÀ VUA NHIỀU NGƯỜI TRÔNG THẤY

CÂU chuyện kể ra dưới đây, thoát nghe thật thần kỳ quái đản, hẳn ai ai cũng lấy làm khó tin. Nhưng mà có thật.

Lúc đúng Ngọ, giữa trưa, hồn ma bóng quế xuất-hiện ai chẳng kinh ngạc sửng-sợ ? Thế mà khi xưa, chuyện lạ này vẫn thường xảy ra như ăn cơm bữa. Những ai là người ở vùng Cà-Mau lâu đời đều nghe biết chuyện vị lão quan phơi tiền của nhà vua. Hầu hết đều cho là một giai-thoại huyền-bí, một hiện tượng khó thể đem ánh-sáng khoa-học soi vào mà giải thích cho tỏ rõ.

Tại vùng Chắc-băng, cạnh đền U-minh-thượng, một thuở xa xưa, cứ vào khoảng đúng Ngọ, đồng bào quanh vùng đều có thấy một ông lão tóc bạc râu dài tới rún, lui cui trải đệm mà phơi bạc nén, vàng nén và tiền điệu. Vàng bạc phơi lộ thiên, lại đúng vào lúc giữa trưa, ánh-sáng kim khí hoà với ánh-sáng trời rọi ra một vùng chói rục.

Ai lạ thế ? Nào ai có thấy xóm ấy có nhà cửa chi đâu ? Hiện tượng ma quái gì đây ?

Đồng bào ở hai bên bờ kinh và rừng thấy lạ như thế, chẳng khỏi kinh-ngạc, đổ xô đến xem,

Té ra chạy gần tới nơi, khoảng cách còn chừng hai công đất, không ai còn trông thấy ông lão phơi tiền kia đâu nữa. Một vùng lau thưa, cỏ mọc um-tùm tro-tơ đó. Nhưng lạ thay ! khi chạy trở về xa xa, thì lại thấy hình bóng ông lão rờn rờn giữa trời với tấm đệm phơi đủ thứ tiền. Thần chẳng ? Ma quỷ gì chẳng ? Không ai hiểu được gì ! Càng không hiểu lại càng dăm nghi-ngại, lo lo sợ sợ về cái bóng dáng khác thường quái-gở. Vả lại, ai đâu mà có cả một kho tàng như thế ở giữa chỗ rừng rậm hoang-vu ? !

Từ đó về sau, những ngày lành tháng tốt, trăm người như một, vẫn thấy rõ ông lão phơi tiền giữa ban trưa.

Đồng-bào địa-phương dăm ra hoang-mang, đặt nhiều nghi-vấn. Và đây là lời bàn giải phần nào về hiện tượng ấy, của các vị bô-lão hiểu biết ít nhiều :

— Theo truyền thuyết, lúc chúa Nguyễn-Ánh bôn-tàu vào Nam, xuống lánh nạn ở vùng này, có mang theo tiền bạc, ngọc ngà, châu báu. Kho tàng giao cho một vị đại-thần coi giữ. Kịp khi bị Tây-sơn đuổi bức, mới chôn giấu kho tàng ấy đi. Rồi vật đổi sao dời, vị đại-thần tử-nạn, mà kho tàng chôn giấu vẫn hãy còn. Hồn phách chẳng tiêu-tan, nhớ nhiệm-vụ, tiếc của đời, vị lão-quan nghiêm-nhiên như vị thần giữ cửa, ngày lành tháng tốt mới hiện ra như thế.



NGUỒN GỐC AO NGỰ VÀ ÁP GIÁ NGỰ

TRONG cơn quốc biến trên đường tàu-quốc của Nguyễn-vương và đoàn tùy-tùng theo ngài vào Nam để tìm đường sinh lộ, thật ra lắm hồi gian-nan vất-vả, dẫu chơn của ngài đã dẫm khắp đó đây, từ hang cùng ngõ hẻm, sông rạch quanh co, vùng Rạch-giã, Bạc-liêu, Cà-mau, ngài đều trải qua tất cả, đoàn quân của ngài đi tới đâu được nhân-dân địa-phương ủng-hộ triệt-đề, nhờ vậy mà không bị lộ bí-mật, nhờ sự giúp-đỡ tận-tình của người dân miền Nam, một số tình-nguyên dân đường lẩn tránh Tây-sơn. Nhớ rằng thuở xưa đất-đai còn hoang-vu, không có đường bộ như ngày nay, từ trấn này qua trấn kia, phải đi bằng đường thủy, hai bên rạch rậm-rạp, âm-u, nếu không nhờ người địa-phương hướng dẫn, chắc-chắn phải bị lạc và không thể nào thoát khỏi tay giặc. Trên đường dong-ruổi của Nguyễn-vương, theo con rạch Cái Rắn thuộc xã An-hưng, cách huyện Long-xuyên (tức là Cà-mau bây giờ), độ chừng 15 cây số ngàn. Vùng này là một vùng toàn là nước mặn, gặp phải mùa nắng thiếu nước, chỉ còn có cách đào giếng, đào ao để kiếm nước ngọt dùng. Đặc biệt và lạ kỳ nhất, là đất ở đây rất xốp và rời, cho nên công việc đào giếng lấy nước của dân địa-phương thật là khó-khăn bất-tiện.

Khi Nguyễn-vương bắt buộc phải đồn trú tại Cái Rắn thì việc khó-khăn trước nhất là vấn-đề nước uống. Vì bởi khắp xóm này không có cái giếng nước ngọt nào.

Trong lúc quần-bách, Nguyễn-vương không biết làm sao hơn là truyền quân đặt bàn hương án giữa trời, khẩn vái đề cầu xin phò-hộ cho việc đào giếng được nước ngọt.

Sau đó, Nguyễn-vương truyền cho quân-sĩ đào một cái giếng ở ngay nơi đặt bàn hương án. Khi giếng đào xong, mức nước lên nếm thử thì thấy ngọt ngay. Nguyễn-vương cả mừng, tạ ơn trời đất đã phò-hộ mình, ban cho giếng nước ngọt.

Vào lúc quân Tây-sơn nản lòng, không mở cuộc bao vây lùng xết trong vùng Bạc-liêu nữa, Nguyễn-vương cùng tướng-sĩ đem thân-quyển rời khỏi vùng Cái Rắn, theo sông Ông Đốc mà trốn ra Phú-quốc, rồi lại sang Xiêm cầu viện.

Cái giếng nước ngọt giữa lòng đất mặn tại Cái Rắn, lúc Nguyễn-vương rút đi rồi thì bỏ hoang, mưa gió làm đất lở ra gần thành cái ao. Dân địa-phương thấy ao nước qui giá, liền chăm lo tu bổ, trở thành ao nước ngọt tốt nhất trong vùng.

Nhờ đến gốc gác của giếng nước ngọt do Nguyễn-vương ngự đến Cái Rắn và đào giếng nên gọi cái giếng ấy là AO NGỰ.

Ao này đã đào cách đây gần 200 năm, đến nay vẫn còn, tại xóm Cái Rắn, xã Tân-Hưng. Mùa nắng hạn, dân trong vùng đã nhờ AO NGỰ mà có nước ngon.

Theo những người không tin dị-đoan mà am hiểu địa-lý, sở-dĩ Nguyễn Vương đào được giếng nước ngọt, có lẽ nhờ trong đám quan quân của ông, có người giỏi về khoa địa-lý, nên tìm ngay vùng đất có mạch nước ngọt để đào giếng, thành ra mới có giếng nước tốt như vậy, chứ không do lý lẽ nào khác. Dầu vậy, dân chúng Bạc-Liêu đã quen gọi đó là AO NGỰ.

Nói về ấp Giá-Ngự tại Bạc-Liêu, mọi người đều nhớ đến một huyền thoại được lưu truyền trong dân gian, mãi đến nay vẫn còn.

Nguyên vào thời-kỳ Nguyễn Vương tẩu quốc, từ rạch Cái-Rắn, quân của Nguyễn-Vương đi lần ra biển, qua rạch Rau-Dừa rồi tới rạch Cái Nước, đổ ra sông Bãi-háp để vào vịnh Xiêm-La. Nếu đi ngã này thì khỏi phải đi ngã vàm sông Ông-Đốc.

Công việc vượt, sông vượt biển này, không phải một ngày, một bữa mà xong được, cũng không phải không dự-trữ mọi thứ cần dùng cho cuộc hành-trình xa-xôi và nguy-hiểm. Bởi vậy, trên hải-trình vào vịnh Xiêm-la, Nguyễn-vương và đám tùy-tùng phải dừng lại tại một nơi thuộc hữu-ngạn sông Bãi-háp, ở nhằm vị-tri vàm rạch Cái Nước đổ ra.

Vì gặp phải giông gió bất ngờ, nên Nguyễn-vương phải tạm hoãn cuộc hành-trình đến gần nửa tháng, dừng lại tại nơi đây. Dân chúng quanh vùng có đến yết-kiến Nguyễn-vương, thường gọi là Ngài Ngự.

Đến sau Nguyễn-vương đi rồi, người quanh đó vẫn nhớ tới nơi Ngài ngự đến, nên gọi vùng này là ấp Giá Ngự cho tới ngày nay.

Ấp Giá Ngự hiện thuộc xã Tân-hưng-Đông. Trong thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954), ấp Giá-Ngự là một trong những địa-phương tiếp-tế lương-thực như lúa gạo, dừa khô, cá tôm. Riêng người dân ở Ấp Giá-Ngự luôn luôn có nếp sống cần-cù nỗ-lực để phụng-sự quốc-gia.

Thuyền Chúa Nguyễn



Trên đường bôn tẩu, Nguyễn Vương và đoàn tùy tùng vượt sóng trùng dương chạy ra Phú Quốc lần tránh Tây Sơn.

Ảnh tượng trưng



Bên lề lịch-sử

KINH CẠNH ĐỀN

ÁP CẠNH ĐỀN

*Đâu xa bằng xír Cạnh Đền
Muỗi kêu như sáo thổi,
Đĩa lền như bánh canh.
(Ca-dao)*



downloadsachmienphi.com

Download Sách Hay Đọc Sách Online

Ước hơn một thế-kỷ nay, nhân-dân trong tỉnh Bạc-Liêu đã truyền khẩu từ người nọ sang người kia câu ca-dao trên đây.

Sự thật, câu ca-dao này không phải tự nhiên mà có, cũng không phải người ta thêu dệt ra để nghe chơi, mà nó đã xuất phát từ một huyền-thoại để làm sống mãi cái di-tích lịch-sử này.

Cạnh Đền ở đâu ? Đó là một địa-danh thuộc vùng U-Minh với rừng tràm bao bọc, màu nước đỏ ngầu, ú đọng quanh năm, thuộc xã Ninh-Thạnh-Lợi, quận Phước-Long (Bạc-Liêu).

Ngược dòng lịch-sử để tìm hiểu nguồn gốc của Cạnh-Đền thì chúng ta được biết, vùng đất này trước thế-kỷ 17 thuộc về người Thủy-chân-Lạp. Cho nên mãi tới ngày nay vẫn có một số người Thủy-chân-Lạp sống trong vùng này với tập quán, cổ tục riêng của họ, và họ sanh sống bằng nghề làm ruộng, giăng câu, bứt choại, đốn củi v.v...

Ngay sau cuộc Nam-tiến của người Việt-Nam dừng lại ở thị trấn Hà-Tiên thì người Việt từ miền Tiền-giang đã vượt qua sông Hậu đến khai hoang trong vùng U-minh này.

Vì là vùng rừng rú, nước đọng quanh năm nên muối mòng, đĩa vắt sanh sỏi nảy-nở rất nhiều, hằng-hà sa số, đến đổi người dân quê phải biết sợ. Còn người phương xa mà tới đây thấy muối Bạc-Liêu, thấy đều ngán ngược. Thiên-hạ đã dùng ca-dao để diễn tả «muối kêu như sáo thổi, đĩa lền như bánh canh» thì ta đủ hiểu muối và đĩa ở Cảnh Đền nhiều đến thế nào.

Tại đây, ngoài nghề khai hoang, làm ruộng, người nông-dân còn sống với nghề bắt cá, giăng câu, vô rừng đốn củi, làm than, bứt dây choại dùng làm sản-phẩm để mua bán, trao đổi với nhân-dân vùng phụ cận.

Ai có ở Bạc-liêu đều biết rõ Cảnh Đền, ai ở Hậu-giang cũng đều nghe nói tới Cảnh Đền. Cảnh Đền đã thành một địa-danh nổi tiếng của tỉnh Bạc-liêu.

Trở về nguồn gốc, cái tên Cảnh Đền được khai-sanh vào thế-kỷ 18, nó xuất-hiện trên bước đường bôn-tẩu của vua Gia-long.

Năm 1783, lúc Nguyễn-vương bị quân Tây-sơn truy-nã ráo-riết, ngài phải đem Vương-mẫu và cung-quyển chạy trốn đến vùng U-minh.

Lúc bấy giờ trong đám cung-quyển theo Nguyễn-vương đi tị nạn trong vùng rừng sâu nước độc, có công-chúa Ngọc-Hạnh. Công-chúa là phận liễu yếu đào tơ, không quen với phong sương mưa nắng, vùng U-minh lại lắm muối-mòng, khi độc, nên công-chúa không chịu nổi cảnh sống gian-lao vất-vả, vương nhấm bệnh thương-hàn.

Thầy thuốc của Nguyễn-vương dẫu giỏi, nhưng không có thuốc để trị bệnh thương-hàn, thành ra sau bốn hôm lâm trọng bệnh, công-chúa Ngọc-Hạnh nhắm mắt lìa đời.

Vương-mẫu và Nguyễn-vương vô cùng thương-tiếc, nên sau khi an-táng công-chúa ở giữa rừng, Nguyễn-vương truyền cho quan quân dựng đền thờ công-chúa, tục gọi là Cảnh Đền.

Danh-từ Cảnh Đền, bắt đầu được lưu-truyền từ đó.

Trong thời Pháp-thuộc, thực dân mở cuộc khai hoang ở vùng U-minh có dùng xáng đào một con kinh để nối liền chợ Hộc, thuộc xã Tân-phủ với sông Bà-ai, thuộc xã Ninh-thạnh-lợi

Con kinh này có đoạn băng ngang Cảnh Đền, người dân địa-phương quen gọi là «Kinh Cảnh Đền».

Ngày nay ai đi qua Kinh Cảnh Đền, đều nhìn thấy di-tích ngôi đền thờ công-chúa Ngọc-Hạnh hãy còn đứng vững với phong sương.

Người ta còn tìm thấy xác chiếc ghe hồi Nguyễn-vương dùng để lánh nạn quân Tây-sơn, hãy còn nằm ở kế Cảnh Đền.

Trong 80 năm dưới thời Pháp-thuộc, vùng đất phi-nhiều này đã sản-xuất rất nhiều thổ-sản, như lúa, khoai, cá khóm, choại. Lúc đó, vùng Cảnh Đền trở thành đồn-diên khai-thác lâm-sản của Công-ty Cressier.

Năm 1945, sau ngày miền Nam vùng lên kháng-chiến chống Pháp, vùng Cảnh Đền lọt vào tay dân địa-phương. Họ đã biến nơi này thành căn-cứ vững chắc của chiến khu miền Tây.

Kinh Chắc Băng



*Kinh Chắc Băng trước cảnh lau thưa cỏ mọc, cây cối lơ thơ.
Lúc Nguyễn Ánh bôn tẩu vào Nam, có đi ngang con kinh này
và lâm trọng bệnh tưởng chết, mới than rằng: "Trẫm chắc băng!"
mà sau này lại mang tên con kinh đó.*

Ảnh sưu tầm

KINH CHẮC-BĂNG VỚI NGUYỄN-ÁNH

TINH Bạc-liêu Cà-mau có rất nhiều sông rạch. Bạc-liêu cũng là nơi lưu lại rất nhiều di-tích và huyền-thoại của vua Gia-Long, trong lúc còn bôn-tàu ngược xuôi.

Từ Ao-Ngự, ấp Giá-Ngự đến Cảnh-Đền, chúng ta đã thấy những địa-danh này đều là những nơi đã vang bóng vua Gia-Long. Trong thời-gian tàu-quốc miền tây Nam-Việt nên ngài có cho rằng : *Nam thuận Bắc nghịch* (1).

Miền Nam quả là đất vua Gia-Long dung thân để liên-kết với nước Xiêm-la, và cầu cứu với Pháp-quốc, do sự trung-gian của ông Bá-Đa-Lộc. Lúc bấy giờ ông Bá-Đa-Lộc đang ở tại đất Chân-Bun (Xiêm-La), Nguyễn-vương liền phái người tâm-phúc đến cầu-cứu. Ông Bá-Đa-Lộc bèn giúp ý-kiến là Nguyễn-vương phải cho Hoàng-tử Cảnh đi với ông qua Pháp mới được.

Nguyễn-vương liền giao Hoàng-tử Cảnh và quốc ấn cho ông Bá-Đa-Lộc, lại làm quốc thư xin Pháp giúp cho binh-sĩ, súng đạn để đánh Tây-son (năm 1783).

Ông Bá-Đa-Lộc đem hoàng-tử Cảnh đi Tây rồi, Nguyễn-vương lại cùng cung-quyển và quan quân trở về xã Vĩnh-thuận, quận Phước-long (Bạc-liêu), để nướng-nấu tại đây. Vì nơi đây gần đảo Phú-quốc và vịnh Xiêm-la, nếu quân Tây-son kéo tới đánh bắt, Nguyễn-vương sẽ thuận đường chạy trốn.

Nơi chốn Nguyễn-vương nướng-nấu là một vùng đất còn hoang vắng, thưa-thớt dân-cư, nằm dài trên một con kinh nối liền với sông Trèm-trèm và sông Cái-lớn, thuộc quận Gò-quao (Rạch-giá).

Con kinh này là một thủy-lộ tiện-lợi nhứt giữa hai vùng U-minh Cà-mau và U-minh Rạch-giá (U-minh-thượng và U-minh-hạ) rồi thông thương đến Ô-môn (Cần-thơ).

(1) Trong lúc Nguyễn-vương tàu-quốc chạy ra đất Bắc, gặp Tây-son phủ vây, lương-thực thiếu-thốn, ngài mới tìm đường sanh lộ ở miền Nam, được địa-lợi nhân-hoà, nên ngài mới thốt câu *Nam thuận Bắc nghịch*.

Theo lời truyền-khẩu thì khi nung-nấu trong vùng đất nằm trên con kinh này (lúc đó chưa có tên) để đợi sự cứu viện. Nhưng ngày tháng dần qua, Nguyễn-vương không thấy viện binh nào kéo tới cả. Các tướng của Nguyễn-vương vì thế-lực đang mạnh của Tây-sơn phải tản-mác khắp nơi, không nổi dậy được, cũng không liên-lạc với Nguyễn-vương được.

Vì nóng lòng phục-quốc, nên Nguyễn-vương sai quân-gia sửa-soạn thuyền để theo sông Ông Đốc sang Xiêm cầu viện.

Ghe thuyền sửa-soạn xong-xuôi, Nguyễn-vương xuống thuyền để khởi-hành, bỗng nhiên lâm bệnh nặng. Trong cơn thập-tử nhứt-sanh, Nguyễn-vương sợ khó sống nên có lời trời-trấn với quan quân như vậy :

— Cơn bệnh ngặt-ngheo này không chữa hết. Chắc trăm phải băng rồi. Trăm đau-xót, khi thấy công-việc phục-quốc chưa thành mà phải tuyệt mạng giữa đường. Đáng buồn thay!

Trong lúc Nguyễn-vương chán-nản chắc mình phải băng-hà nên mới trời-trấn như vậy.

Nhưng rồi sau đó, nhờ lương-y tận-tâm điều-trị, Nguyễn vương lần hồi thoát được cơn bệnh ngặt-ngheo. Nhờ đó, Nguyễn-vương và cung-quyển lên đường sang Xiêm mà không còn sợ chết nữa.

Về sau, người ta nhớ đến câu nói « Trăm chắc băng » của Nguyễn-vương trong huyền-thoại này mà đặt tên cho con kinh là « Kinh Chắc-Băng », để ghi lại một ngôn-từ của vua Gia-Long.

Thành ra từ đó trở đi con kinh được dân địa-phương gọi là « Kinh Chắc-Băng » cho tới ngày nay.

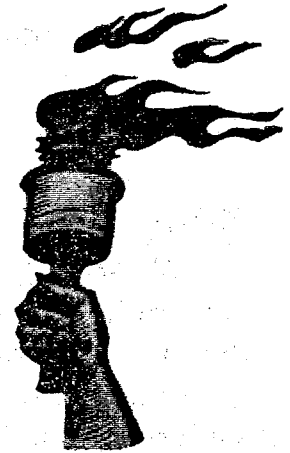
Ngoài ra, trong vùng đất U-minh cũng có một phần được gọi là « Chắc-Băng » ở làng Vĩnh-thuận.

Nhưng phần đất « Chắc-Băng » này, có một truyền thuyết khác với Kinh Chắc-Băng.

Xưa kia nơi phần đất này, người Thủy-Chân-Lạp khai-khân lập nghiệp, hai tiếng « Chắc-Băng » là thổ-ngữ của dân địa phương đặt ra giống như nhiều nơi khác ở Hậu-giang. Tỷ dụ như « Chắc-Cà-Đao » thuộc tỉnh An-giang hiện giờ vẫn còn.

Phần thứ tư :

- DI-TÍCH
- THẮNG-CẢNH
- CỔ-TỤC



DI - TÍCH LỊCH-SỬ



downloadsachmienphi.com



Download Sách Hay | Đọc Sách Online

TỈNH Bạc-liêu, vì tương-dối mới thành-lập sau theo số thứ-tự là tỉnh 20 hồi trào Pháp có một ít di-tích lịch-sử. Tuy nhiên, rải-rác từ thời chúa Nguyễn-Ánh chạy vào đàng trong tức miền Nam, Việt-Nam ngày nay, xuống tận Bạc-liêu, Cà-mau hãy còn lưu nhiều di-tích đáng kể. Rồi về sau, theo gót đoàn người Việt dần dần Nam-tiến, do chính sách tâm-thực của Nguyễn-cư-Trình mở màn từ thời chúa Nguyễn-phúc-Khoát (Võ-vương) và do kế-hoạch đồn-diền, khai hoang lập ấp, của Nguyễn-tri-Phương trong đời vua Tự-Đức (Dục-Tông), mà hình thành miền Nam trù-phủ. Bạc-Liêu cũng như các tỉnh khác vẫn có nhiều di-tích đánh dấu khoảng 200 năm lịch-sử đã qua.

BẠC-LIÊU VỚI VUA GIA-LONG**1) ĐỒN BÍNH TRÊN CỬA SÔNG MỸ-THANH
VÀ NGÔI MỘ CỦA MỘT CÔNG-NƯƠNG
NHÀ NGUYỄN NƠI LÀNG TÂN-KHÁNH.**

NGƯỜC dòng lịch-sử, Bạc-liêu là tỉnh khá nhiều duyên-nợ với chúa Nguyễn-Ánh — người sáng lập triều Nguyễn với bao nhiêu thăng-trầm, công và tội với quốc-gia dân-tộc ?

Bị quân Tây-sơn đánh bại, trên đường bôn-tẩu, Nguyễn Ánh phải một phen tìm sinh lộ ở Bạc-liêu. Do ngã sông Ông Đốc, Nguyễn-Ánh cùng đoàn chiến thuyền bại trận đã chạy vào ẩn náu một thời-gian khá lâu trên bán đảo Cà-mau, (nên lưu-ý rằng Cà-mau ngày trước là một quận của tỉnh Bạc-liêu. Chúng tôi đã phụ-biên ở phần thứ nhất).

Trên cửa sông Mỹ-thanh, một đồn binh được thiết-lập khi chúa Nguyễn-Ánh lánh nạn ở Cồn-Đầm. Đồn binh này ngày nay chỉ còn lại một khuôn thành sập đổ, cây cỏ phủ đầy tại Xâm-pha. Chính lúc đến đây, một vị công-nương của chúa Nguyễn chịu không thấu nỗi gian-lao, đã từ-giã cuộc đời giữa đường bôn-tẩu. Hai-cốt vị công-nương vùi chôn nơi làng Tân-khánh.

Địch quân kéo đến tấn-công. Bị bắt buộc phải bôn-đào nữa, Nguyễn-Ánh giao ngôi mộ vị công-nương lại cho một người Hoa-kiều tên Yết trông nom.

Về sau, hết cơn bĩ-cực tới hồi thống-nhất được giang-san lên ngôi hoàng-đế, Gia-Long nhớ ơn xưa ban thưởng cho chú Yết rất trọng-hậu. Chú Yết được phong làm tri-phủ, được quyền thu hưởng hoa lợi tất cả các sở đánh cá dọc dài theo bờ Nam-hải, giữa khoảng vàm Mỹ-thanh và cửa Hoành-tầu, tên phủ Yết được đặt cho các giống nơi chú Yết ở lúc sinh tiền.

**2) SÔNG ÔNG ĐỐC : ĐỐC BINH HỌ HUỖNH
ĐÃ LIÊU THÂN CỨU NGUY CHO CHÚA NGUYỄN-ÁNH,
NAY CÒN LƯU DANH VÙNG QUẬN SÔNG ÔNG ĐỐC.**

Nơi Tân-khánh hãy còn di-tích một toà thành-lũy cũ Tân-khánh, nguyên là chỗ lánh nạn của chúa Nguyễn-Ánh khi bị Tây-sơn đuổi bức. Nhân-dân vùng Tân-khánh bấy giờ tập hợp nhau lại dưới sự chỉ-huy của một vị lãnh-tụ có tài (trưng truyền là ông Tân-khánh-Huỳnh) ; xét trong chính sử không thấy chép tên họ, nhưng suy-nghiệm theo truyền sử, có lẽ đó là ông họ Huỳnh hoặc tên Hoàng, cư-ngụ vùng Tân-khánh. Dân quân suy-tôn ông làm Đốc-binh, tục gọi Đốc-Huỳnh, sẵn-sàng hy-sinh bảo-vệ cho chúa Nguyễn-Ánh chống Tây-sơn.

Quý Mão 1873, một sáng tinh sương, quân Tây-sơn kéo đến. Chiêng khua trống gióng vang âm một góc trời. Chúa Nguyễn-Ánh và đoàn tùy-tùng đã mau chân lướt dậm băng ngàn, ngay sau khi có tiếng thúc tù-và của quân canh báo động, và sau lời khẩn-thiết của Đốc-Huỳnh :

— Chúa-công hãy kíp lánh thân. Phen này ắt chẳng tránh khỏi một trường xung-sát, vì binh Tây-sơn quyết đốc toàn-lực tấn-công.

Chúa Nguyễn-Ánh khi ấy, ngậm-ngùi bảo Đốc-Huỳnh :

— Nếu thế giặc mạnh tận, tướng-quân liệu khó nhất thời chống nổi, chi bằng hãy tạm lui cả, đem nhau lánh nạn rồi sẽ hay.

Đốc-Huỳnh khẳng-khái :

— Không nên dẫu. Chúa công cần bảo trọng tấm thân, kíp lánh đi cho thoát. Hạ thần nguyện liều mình ngăn giặc cho.

Tây-sơn tấn công dữ dội. Đốc-Huỳnh cố sức chống cự càng lâu càng hay, cố ý cầm chân một số đông binh tướng Tây-sơn, để chúa Nguyễn được cao bay xa chạy.

Trong tình thế bất lợi, Đốc-Huỳnh đành ngã gục trong trận. Nhưng sự hy-sinh của ông không uổng, nhờ đó Nguyễn-Ánh qua khỏi cơn nguy.

Về sau, tên con sông ở vùng ấy mang tên là sông Đốc-Huỳnh (hoặc Đốc-Hoàng). Huỳnh (hay Hoàng) có nghĩa là màu vàng nên nhân dân cũng gọi trại là Đốc Vàng để kiêng húy. Ít lâu, tên sông đổi gọi là Huỳnh giang (sông Huỳnh hay Hoàng). Bên sông có ngôi chợ gọi là chợ Huỳnh-giang, quán xá đông đúc, thuyền buôn tụ tập.

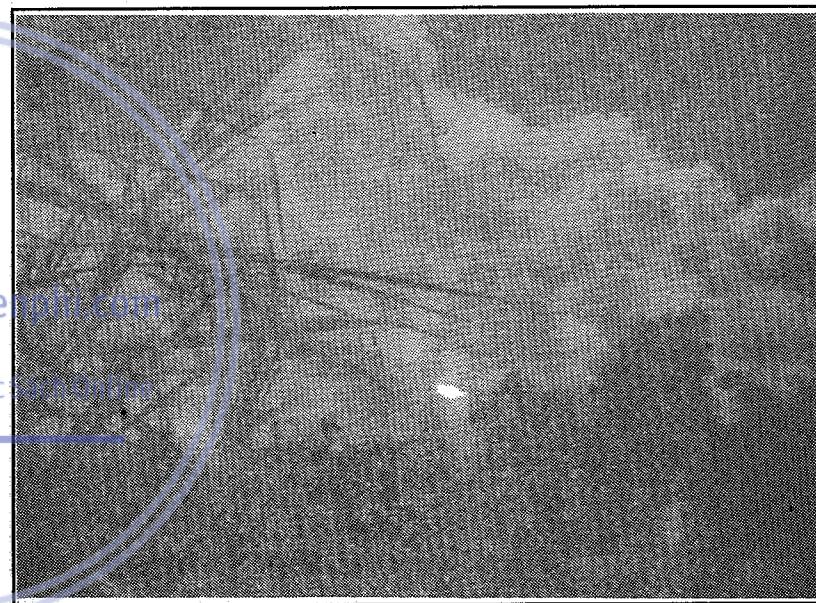
Sông Đốc Vàng hay sông Ông Đốc khi xưa nằm trong ranh tỉnh Bạc-liêu. Vì vùng này khá rộng, nên khoảng năm 1929 được tách ra làm 3 xã : Khánh-an, Khánh-lâm và Khánh-bình. Người ta thường gọi là vùng «Tam-Khánh».

Đến cuối năm 1949, lại tách ra làm 4 xã :

- * 1— An-bình
- 2— Khánh-bình
- 3— Trần-lợi
- 4— Khánh-hưng.

Năm 1954, chính-phủ Việt-nam cộng-hoà lập lại nền hành-chánh nơi đây, đặt lại thành hai xã : Khánh-bình A và Khánh-bình B thuộc phân quận sông Ông Đốc quận Cà-Mau, tỉnh Bạc-liêu. Và qua năm 1955 theo sự phân chia ranh giới các xã trong quận Cà-Mau, xã Phong-lạc trước kia thuộc quận Cái-nước, được ghép vào quận sông Ông Đốc, nên nay quận sông ông Đốc gồm 3 Xã : Khánh-bình đông, Khánh-bình tây và Phong-lạc, thuộc tỉnh An-Xuyên (Cà-Mau cũ đổi tên).

Quang cảnh Cồn Đầm



*Cảnh hoàng hôn bao trùm trên vạn vật,
Mây giăng tứ phía, trời nước bao la.
Nhớ lại chuyện xưa, nơi cồn Đầm này,
Còn phảng phất vong linh một công nương,
Theo cùng phụ vương, lánh nạn Tây Sơn,
Nhưng than ôi! tới đây thì tuyệt mạng!*

Ảnh sưu tầm

3) NHỮNG CƠ-SỞ ĐỒN-ĐIỀN DO KINH- LƯỢC-SỨ NGUYỄN-TRI-PHƯƠNG THIẾT LẬP

Đề chống Tây-sơn, ngoài việc tổ-chức binh-bị, chúa Nguyễn-Ánh còn tổ-chức kinh-tế bằng cách cho thiết-lập những cơ-sở đồn-diền.

Về tổ-chức đồn-diền, trong nguyệt-san « Sinh-lực » số 14, ông Nguyễn-thiệu-Lâu giải-thích :

« Trên một miền hầy còn hoang-vu, ta đem trâu bò tới cày, ta đào ruộng lấy nước vào ruộng. Rồi ta lập làng. Nhưng công-trình khai-thác nầy ta phải phòng giữ cẩn-thận, nhất là những miền ở gần biên-thùy như miền Hậu-giang, dân Miền thường hoành-hành. Vì vậy, người nông-dân Việt một mặt thì cày ruộng, lập làng, một mặt thì đắp đồn lĩnh để phòng-vệ ... »

Bắt đầu từ năm Kỷ-dậu 1789, chúa Nguyễn-Ánh đặt ra chức quan Điền-toán, cử các ông Trịnh-hoài-Đức, Lê-quang-Định, Ngô-tùng-Châu, Hoàng-minh-Khánh v.v... cả thảy 12 người xung vào chức ấy, chia nhau đi khắp các nơi ở miền Nam đốc suất dân-chúng chăm lo vỡ đất làm ruộng, khai hoang lập ấp. Đến tháng 10 năm sau (Canh-tuất 1790), đặt sở đồn-diền, giao cho quân-đội phụ-trách, khiến dân và quân thi đua canh-tác hầu bảo-đảm về mặt lương-thực, và thi đua phòng-vệ để bảo-đảm về mặt an-ninh.

Bốn đội đồn-diền nổi tiếng nhất, do Tả-quân Lê-văn-Duyệt điều-khiển, có công mở-mang miền Nam rất nhiều. Kịp khi cụ Lê-văn-Duyệt mất, 4 đội ấy tan-rã. Nhưng thành tích của họ, khiến đoàn sau noi gương hăng-hái tiến bước trên đường khai-thác đất đai, phát-triển kinh-tế.

Riêng vùng Bạc-liêu, trong năm Tự-Đức thứ tư (Quý-sử 1853), Kinh-lược Nguyễn-tri-Phương đã đến đây tổ chức cuộc thiết-lập đồn-diên với hai mục-dịch : vừa bình-định vừa khai-thác. Những đồn-diên cấp phát cho binh-sĩ. Những người này lúc bình-thường thì lo khăn hoang làm ruộng, khi có việc biến thì bỏ cây bừa mà làm nhiệm-vụ quân-nhân. Ấy là chính sách rất hữu-hiệu về cả hai mặt quân-sự và kinh-tế.

Tại tổng Thanh-hoá, Nguyễn-tri-Phương đã biến đổi 6 làng : Vĩnh-thạnh, Mỹ-thuận (nay là Vĩnh-mỹ), Bình-an, Hoà-thành (nay là Hoà-bình), Phước-thạnh và Tân-long (nay là Long-thạnh) thành 6 đồn-diên. Cũng có nhiều đồn-diên được thành-lập ở Cà-Mau. Ấp Tân-lợi được gọi là Xóm sở, chính là một di-tích còn lại để chứng-minh công nghiệp của Nguyễn-tri-Phương.

Khi binh Pháp chiếm đóng miền Nam để làm bàn đạp tiến ra đánh miền Bắc, họ vẫn chấp thuận cho dân-chúng được lập đồn-diên, do Đô-đốc Charner ký sắc lệnh ngày 19-3-1861. Nhưng sau đó, qua các cuộc giao phong với các lực-lượng dân quân khởi nghĩa chống xâm-lãng, mà đa-số binh-sĩ xuất phát từ các đồn-diên, người Pháp sợ hãi ra ý nghĩa tổ chức đồn-diên của Nguyễn-tri-Phương đã khởi xướng. Do đó, đến ngày 20-9-1867, De Lagrandière ký sắc lệnh giải tán các cơ-sở đồn-diên, không cho dân-chúng tổ chức hệ-thống ấy nữa.

Ngày nay, di tích đồn-diên trong tỉnh Bạc-liêu Cà-mau nói riêng, khắp lãnh thổ miền Nam nói chung, ta không thể quên được công lao của vị Kinh-lược đại-sứ Nguyễn-tri-Phương, cùng viên phụ-tá là Kinh-lược phó-sứ Phan-thanh-Giản, cách đây hơn một trăm năm.

4) CHÙA VĨNH-TRIỀU-MINH TRONG QUẬN VĨNH-LỢI

Trước kia, tại xã Vĩnh-lợi có rất nhiều người Minh-hương đến lập nghiệp. Họ ở từng vùng và đặt tên có chữ Vĩnh đứng đầu, với dụng ý hy-vọng sẽ lập nghiệp vĩnh-viễn tại đây, như các xã : Vĩnh-trạch, Vĩnh-châu, Vĩnh-hưng, Vĩnh-Mỹ v. v...

Khoảng năm 1895, nhóm người Minh-hương trong vùng Vĩnh-lợi đứng ra xây cất một ngôi chùa lớn, mang tên là « Vĩnh-triều-Minh ». Chùa này là một ngôi chùa cổ nhất trong vùng và hiện nay được gọi là chùa Minh.

Tương truyền : Một ngày xa xưa, có người Minh-hương già bơi thuyền trên rạch Giồng-mc, bỗng thấy hai cái lư-hương bằng đồng nổi lềnh-bềnh trên mặt nước ở hai nơi khác nhau. Cho là điềm Trời Phật cảnh tỉnh mình nên hướng thiện tu trì, ông lão Minh-hương hi-hục vớt cặp lư-hương đem lên bờ, cất hai mái tranh che đậy. Nghe đồn, dân chúng quanh vùng kéo đến chiêm-ngưỡng, khẩn nguyện. Hữu-cầu tất ứng, hằng ngày khách thập-phương lễ-bái nườm-nượp, quang cảnh trong vùng trở nên phồn-thạnh, cảnh trí tươi đẹp hẳn lên. Cảm mộ ơn trên gia-hộ, nhóm người Minh-hương bèn đóng góp xây cất chỗ chiêm-bái cho khang-trang, biến hai mái tranh thành hai ngôi chùa tráng-lệ : một ngôi chùa Triều-Châu, một ngôi chùa Minh-hương tức chùa « Vĩnh Triều Minh » tục gọi chùa Minh như đã kể trên.

Nhân đây, tưởng nên nói rõ thêm về người Minh-hương và tinh-thần yêu nước của họ :

Khi nhà Thanh đánh nhà Minh, một số dòng giống Hán nhà Minh bỏ nước ra đi. Trong số kéo sang lánh nạn ở nước ta, có ba đoàn người nay hãy còn ghi nhiều dấu vết oanh-liệt.

1) Nhóm Trương-Cầu, Mạc-Cửu lập nghiệp ở Hà-tiên (chúng tôi sẽ nói rõ trong tập biên khảo về tỉnh Hà-tiên).

2) Nhóm Trần-thượng-Xuyên và tỳ-tướng là Trần-bình-An lập nghiệp ở Biên-hoà (xin xem quyển Biên-hoà xưa và nay sắp xuất-bản).

3) Nhóm Dương-ngạn-Địch và tỳ-tướng là Huỳnh-Tấn định cư ở Gò-công, Mỹ-tho, rồi sau vì Huỳnh-Tấn giết Dương-ngạn-Địch, đoàn người lưu-vong trong nhóm thứ ba này không phục Huỳnh-Tấn, nên lại đem nhau lên vùng gần Sài-gòn, lập nên Chợ-lớn còn dấu vết hiện giờ.

Đời chúa Nguyễn-phúc-Chu, tất cả mấy nhóm người Tàu sang ta định cư, đều được lập riêng hai xã là Thanh-hà-xã và Minh-hương-xã. Gọi là « xã » chỉ là một giả-định về mặt cai trị mà thôi, kỳ thật họ vẫn cư-ngụ ngay trên đất của làng xã Việt-Nam, chớ không có đất đai ranh giới chi riêng biệt. « Xã » của họ bấy giờ, gần như một « bang » của người Tàu ngày nay.

Danh-từ « Thanh-hà-xã » dần dần không được thông-dụng, chỉ còn danh-từ xã Minh-hương là được nhắc đến thường. Vì hai chữ « Minh-hương » nói lên rất rõ tác lòng không quên quê-hương đất-tổ của nhóm người Minh lưu-vong tị-nạn chinh-trị, hằng nuôi chí giải-thoát giống Hán khỏi ách giống Mãn nhà Thanh. Do đó, nơi đâu có người Minh-hương thì có hội kín « Thiên-địa-hội », mà hội-viên đều tuyên-thệ với khẩu-hiệu « phản Thanh phục Minh ».

Biết như thế, chúng ta không lấy làm lạ về tên chùa « Vĩnh-triều-Minh » của người Minh-hương đã thiết-lập nơi xã Vĩnh-lợi trong tỉnh Bạc-liêu xưa. Không bao giờ họ quên lai lịch của họ là con cháu của giống Hán trong đời Minh, phải bỏ nước lạnh nạn Mãn Thanh xâm chiếm !

5) NGÔI CHÙA MIÊN BOUTHALET

Ngôi chùa cổ « Vĩnh-triều-Minh » của người Minh-hương có tiếng bao nhiêu, thì ngôi chùa Miên « Bouthalet » cũng đáng kể vào hàng di tích xưa có giá-trị bấy nhiêu.

Cũng như người Minh-hương, người Miên chẳng quên gốc của họ. Người Việt gốc Miên chiếm 18, 4% dân số trong tỉnh. Họ có mặt ở tất cả các quận trong tỉnh, nhưng ở mỗi nơi họ tập trung lại từng xóm kêu là « Sóc », đa số ở hai quận Vĩnh-lợi và Vĩnh-châu. Họ sống nghề làm ruộng, trồng rẫy, chài lưới. Đời sống giản-dị thu hẹp trong sóc, ít đi xa.

Dẫu mang Việt tịch, người Miên vẫn giữ nguyên phong tục, tập quán, lễ nghi và đạo giáo của họ. Về mặt tín-ngưỡng, ở đâu có người Việt gốc Miên thì đều có chùa Miên, chẳng khác gì người Minh-hương đã làm.

Chùa Bouthalet của người Miên lập từ thời trước, lâu ngày đã sụp đổ. Về sau được viên Phủ-Mẫu (người Miên) tu-bổ lại. Để tỏ lòng biết ơn, người Miên còn giữ tro cốt của Phủ Mẫu sau khi hoả táng, ở tại chùa này.

6) CHÙA VĨNH-PHƯỚC-AN VÀ CHÙA TAM-SƠN QUỐC VƯƠNG HAY CHÙA CÂY ME

Ngoài hai chùa Vĩnh-triều-Minh và Bouthalet đã kể, hãy còn có chùa Vĩnh-phước-An và chùa Tam-sơn quốc-vương hay chùa Cây me cũng có tiếng trong tỉnh.

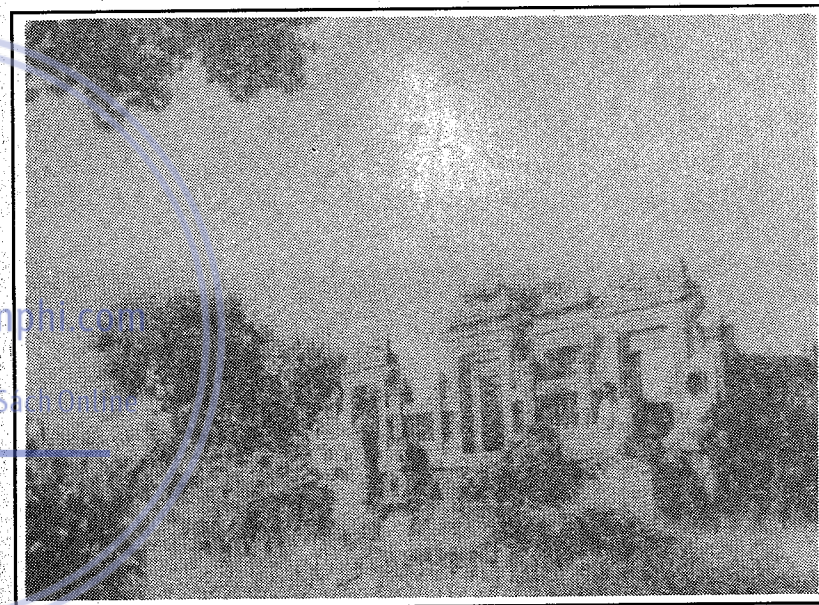
Chùa Vĩnh-phước-An trên đường đi ra biển, xây cất từ trước thời Pháp thuộc. Chùa này được thiện-nam tín-nữ đến lễ bái rất đông, vì bên trong thờ phụng cũng như các chùa khác, chẳng có gì huyền hoặc. Trái lại, chùa Tam-sơn quốc-vương hay chùa Cây me lại có một đoạn sự tích truyền kỳ :

Sau cuộc nổi loạn của hai người Miên tên Tia và Sum tự xưng đại tướng hay đại nguyên-soái (Sana) xách động dân-chúng chống Nam triều, có hai người Hoa-kiều tên Tua và Siêu chẳng rõ từ đâu đến Bạc-liêu để tuyển-mộ người vào Thiên-địa-hội. Chúng tổ-chức ở những đồng ruộng gần con lộ cao, đặt lư-hương đốt nhang trầm xông khói suốt ngày đêm. Mục-dịch là lợi-dụng sự mê-tin của nhân-dân để mưu đồ thực-hiện những mục-tiêu chính trị. Không thể dung-dưỡng những mưu toan gây rối nầy, Nam triều phái một vị lãnh-binh đem quân dẹp loạn. Chúng bị giải tán, bỏ những lư-hương lại giữa đồng trống, gần rạch Giồng-me. Những trẻ chăn trâu nghịch-ngợm khiêng đồ đạc dưới gốc một cây me. Đám người sùng-tin thấy thế, mới cất một cái am tranh, lên nhang đèn cúng vái.

Bỗng có binh dịch-tả hoành-hành trong vùng. Hồi ấy y học còn phối-thai bất-lực ; đối với binh dịch người ta còn tin ở quyền-năng của quan-ôn hơn là nghĩ tới vi-trùng. Rồi thì khur khur lập đàn cầu đảo. Một vị thần nhập xác đồng tự xưng là Tam-sơn quốc-vương, hứa sẽ cứu-chữa những ai có lòng thành cầu-khẩn.

Tin theo xác đồng, người trong vùng đua nhau đến am cây me dâng lễ vật cúng tế suốt ngày đêm. Không rõ thần-linh thật hay sự tình-cờ, binh dịch cũng vừa ngưng sát-hại. Cảm ân ấy, người ta đóng góp xây nên ngôi chùa khả-quan lưu đến ngày nay, mang tên là chùa « Tam-sơn quốc vương ». Tuy nhiên, người ta vẫn quen gọi là chùa Cây me hơn, mặc dầu cây me ở nơi đây lâu ngày đã trốc gốc không còn nữa.

Ngôi mộ kiến trúc theo lối cổ



Ngôi mộ này của ông bá hộ Minh, một địa chủ tên tuổi thời xưa ở Bạc Liêu.

7) NGÔI MỘ CỔ CỦA ÔNG ĐÀO-CHÂU-THÁI VÀ NGHĨA-ĐỊA BINH-SĨ THỜI GIA-LONG TÁU-QUỐC

Tại làng Vĩnh-lợi có một ngôi mộ cổ : mộ ông Tổng-Việc Đào-châu-Thái dưới thời Nam-triều cai-trị hai tổng Thanh-an và Thanh-hưng nhập một.

Mặt khác, năm 1929 khi người ta đào đất tại làng Tân-đuyệt (Cà-mau) để đúc nền xây cất quận đường, có tìm thấy một nghĩa địa dự đoán là của binh-sĩ chúa Nguyễn-Ánh bị Tây-Sơn đuổi ngặt chạy đến vùng này. Quật những ngôi mộ lên, thấy có những nữ-trang, nút áo bằng mã-não, và những vật-dụng chỉ có trong hoàng triều tại Huế.

8) DI TÍCH MỘT CHIẾC THUYỀN NGỰ CỦA CHÚA NGUYỄN-ÁNH TẠI RỪNG NĂM CĂN

Tại rừng Năm-căn thuộc U-minh-hạ, hãy còn di-tích một chiếc thuyền ngự của chúa Nguyễn-Ánh đã vùi lấp nơi đây. Căn cứ vào di-tích này, người ta nhận thấy chỗ ấy trước kia là bãi biển mà nay đất đã bồi thành rừng.

Nguyên khi bôn tẩu vào Nam, chúa Nguyễn-Ánh đã lần theo vùng châu-thỏ Cửu-long-giang để lẩn tránh Tây-Sơn. Trong sự di-chuyển, chúa Nguyễn khi thì đi đường bộ, lúc thì dùng đường thủy, đặc biệt khi theo đường thủy xuống tận vùng U-minh-hạ bây giờ, chúa ngồi thuyền ngự dong ruổi. Gặp cơn Tây-sơn đuổi bức, chúa phải bỏ thuyền, lên bộ lướt dậm băng ngàn tị nạn.

Chiếc thuyền ngự bỏ hoang, lâu ngày chầy tháng dất phủ-sa lấp bồi hết cả thân thuyền. chỉ còn trơ mũi thuyền nổi lên cao. Chung quanh là rừng đước, trăm vệt mọc lên bao phủ.

downloadsachmienphi.com

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

Những nhà làm củi về sau đến đấy, trông thấy mũi thuyền còn lở dang, họ bèn hi-hục đào bới lên xem thử. Tìm gặp trong lòng thuyền hãy còn những đồ vật đáng giá, động lòng tham họ lấy đem về. Nhưng họ không giữ được lâu. Vì lạ thay lấy những đồ vật ấy về nhà thì y như rằng có chuyện lục-đục xảy ra cho họ mãi. Cho là của thiêng có thần linh coi sóc, họ đâm hoảng đem lại trả chỗ cũ, rồi mới được an-toàn.

Lại một truyền thuyết khác : Nơi ấy, vào những ngày lành tháng tốt, khoảng nửa đêm người quanh vùng thường nghe có tiếng quân binh hò hét vang rền, tiếng chân bước rầm rập theo nhịp quân hành, ước chừng như có cả một tiểu đoàn đang xông pha trên bãi chiến trường.

Do những điều kinh-dị mà người quanh vùng từng chứng kiến, tiếng đồn lan xa, thiên-hạ biết đến ngày một nhiều. Cho tới nay, dân-chúng vùng U-minh-hạ không mấy người chẳng biết chuyện chiếc thuyền chúa Nguyễn còn lưu dấu vết.

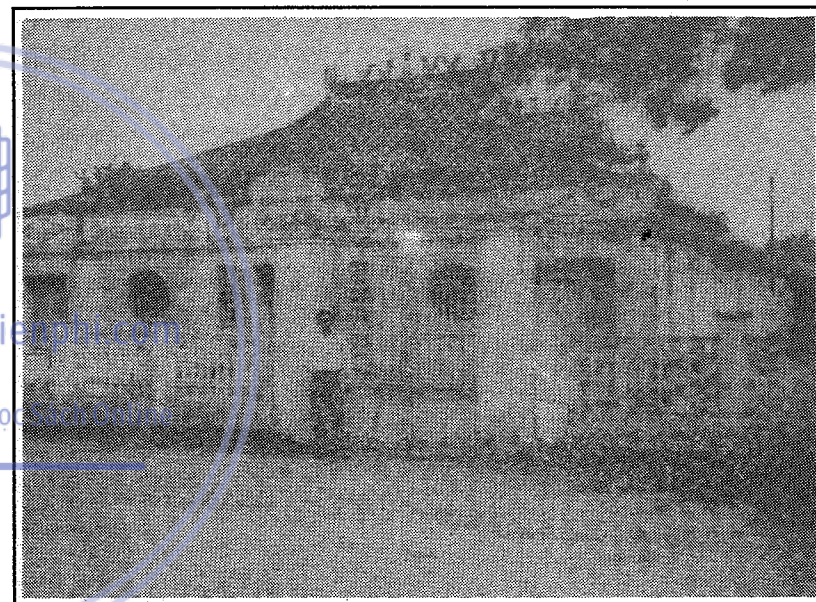
9) MIẾU HỘI-ĐỒNG VÀ MIẾU HẢI-LINH

Về các ngôi miếu xưa, ở Cà-mau có miếu Hội-đồng thờ các vị linh-thần tam-giới. Và miếu Hải-linh, thờ linh-thần giang-hải.

Hai toà miếu cũ này, trải qua các triều vua nhà Nguyễn đều được chăm sóc đến. Vì rất linh-ứng.

Tương truyền : lúc lánh nạn ở Cà-mau, bao nhiêu lần thoát-hiềm của chúa Nguyễn-Ánh, phần lớn nhờ nơi oai-linh huyền-bí, ở nơi rừng đất linh-thiêng này. Bởi thế, chính chúa Nguyễn đã truyền thiết-lập miếu Hội-đồng và miếu Hải-linh, trước đáp ơn sau đánh dấu cuộc đời luân-lạc đã nhờ âm-phù mặc-trợ mà về sau gây nên nghiệp lớn.

Đình thần Tân Hưng



*ạn Huỳnh Minh đứng trước một ngôi đình cổ kính trên một thế kỷ,
tại thị xã Vĩnh Lợi (Bạc Liêu ngày nay).
Kỷ niệm ngày 15-3-65.*

Ảnh Viễn Đông
(Bạc Liêu)

10) ĐÌNH-THẦN TÂN-HƯNG, VỊ BỒN-CẢNH THÀNH-HOÀNG ĐƯỢC NHÂN-DÂN SÙNG-PHỤNG, VUA TỰ-ĐỨC BAN SẮC PHONG-THẦN.

Khoảng trên một thế-kỷ, nhân-dân vùng Vĩnh-lợi đã họp nhau đóng góp xây-cất một ngôi đình thờ vị thành-hoàng trong vùng mình. Cổ nhiên, lúc ban-sơ ngôi đình chỉ lợp bằng lá, đâu đã được kang-trang mỹ-lệ như bây giờ. Nhưng chùa rách phật vàng, vị thành-hoàng bồn-cảnh rất linh-thiên, hữu-cầu tất-ứng, khiến dân-chúng không ngớt tới lui chiêm-ngưỡng, khói hương phụng cúng.

Kịp khi cụ Phan-thanh-Giản ngồi chức Kinh-lược phó-sứ ở miền Nam (phụ-tá cụ Kinh-lược đại-sứ là Nguyễn-tri-Phương), cụ Phan rất siêng-cần việc nước, việc dân, thường đi quan-sát tình-hình sinh-hoạt của dân-chúng khắp nơi, đặt đại bản dinh tại Long-hồ (Vĩnh-long ngày nay).

Một ngày kia, đi kinh-lý huyện Long-xuyên (Cà-mau), ngang qua vùng này, trông thấy ngôi đình tuy xơ-xác song không thiếu vẻ tôn nghiêm-trang trọng, cụ Phan dừng chân cảm-niệm, hỏi các quan chức địa-phương :

— Đình này thờ ai ?

Các bò-lão thưa :

— Chúng tôi thờ vị Thành-hoàng bồn-cảnh.

Cụ Phan chạnh lòng bảo :

— Được, để ta lo cho, hầu thêm rang vẻ phần nào. Các ông nhớ tháng sau thì lên bản dinh của ta, ta sẽ viết sớ tâu vua, xin phong sắc Thần cho đầy đủ uy-tín.

Các quan chức địa-phương đều mừng. Gần đến ngày hẹn, hương chức trong vùng phái năm ba vị bò-lão đại-diện yết-kiến cụ Phan. Phái đoàn ngồi thuyền đến Vĩnh-long, dọc đường chẳng khỏi bức mình ít nhiều với đám quân tuần còn quen thói hoạch hoẹ hạch sách để đòi tiền hối-lộ. Dẫn lòng nuốt giận, chịu cực đủ thứ các vị bò-lão mới vào được tư-dinh cụ Phan, dâng diều thỉnh nguyện.

Cụ Phan nhớ lời và cảm tấm lòng thành của các vị bô-lão, bèn làm sớ trao cho. Đã chẳng quản ngại gian-lao, từ Bạc-liêu lên Vĩnh-long, chỉ vì một tấm tinh thành, sùng mộ vị Thành-hoàng bồn cảnh, các bô-lão lại vui-mừng nhận sớ lên đường thẳng ra đẽ-đò. Vất-vả bao nhiêu trên đường ngàn dặm (đi bộ ròng rã suốt tám chín tháng), phái-đoàn càng kiên trì tâm chí bấy nhiêu.

Ơn trên chẳng phụ, phái đoàn vào chầu vua (Tự-đức) được ban sắc thần cho.

Nguyên-văn bản sắc thần :

«Sắc bồn cảnh Thành-hoàng chi Thần, nguyên tặng quản hậu chi thần,

«Hộ quốc tì dân nẫm trừ, linh ứng chi kim phi ửng, địch mạng niên niệm thần hựu.

«Khả gia tặng Quản-hậu chính-trực hựu thiện đôn ngưng chi thần

«Nhưng chuẩn Phong-thạnh huyện, Tân-hưng thôn, y cựu phụng-sự.

«Thần kỳ tương hựu, bảo ngã lệ dân. Khâm sai.

Tự-Đức ngũ-niên, thập nhất nguyệt,
trấp cửu nhật

Nghĩa :

«Lệnh triều-đình phong sắc cho vị Thành hoàng bồn cảnh, chức cũ là vị thần Quản-hậu.

«Giúp dân giữ nước sáng tỏ công-lao, linh ứng đến ngày nay, nhân dân bồn địa đều nhìn nhận.

«Lòng trăm cũng tin-tưởng là Thần giúp nên dân mới được bình an. Vậy hôm nay trăm gia phong thêm là Quản hậu chính-trực, hựu-thiện đôn ngưng chi thần.

«Sắc này chỉ phong vị Thành hoàng tại thôn Tân-hưng huyện Phong-thạnh, nhân-dân sở tại hãy y theo lối cũ mà phụng thờ.

«Thần sẽ giúp cho, và Thần phải hết bồn-phận gìn-giữ lệ-dân của Trăm. Hãy vâng theo sắc lệnh.

Tự-Đức năm thứ 5 (Nhâm-Tý 1852)
tháng 11 ngày 29

Phái đoàn thỉnh sắc thần về. Các vị bô-lão đứng ra cất ngôi đình lại rộng lớn hơn, lợp ngói, vách ván.

Người đầu tiên dày công đôn đốc cất ngôi đình, chính là ông Triệu-Vạn-An — một địa-chủ thời ấy.

Thời gian qua, khi ông Triệu-vạn-Tượng làm Hương cả, một ngày kia xem lại, phát giác sắc thần đã bị ai lấy mất, truy nguyên mãi không ra mối. Ông Cả Tượng và các vị hương chức đành phải hương đăng trà quả khẩn cáo trước linh vị Thần.

Trong giờ phút thiêng-liêng, tôn-nghiêm kính cẩn, thần linh bỗng nhập xác ông Triệu-vạn-Tượng mà mách bảo :

— Tên ăn trộm là người trong làng, lấy bản sắc đem bán cho làng khác. Hãy đến làng Hoà-Tú, Vàm Xẻo Cồ cò, sẽ tìm lại được.

Quả đúng như lời. Tiếng đồn thần thiêng ngày một vang xa. Nhân dân trong làng làm ăn càng ngày càng thịnh phát.

Sau, ông Triệu-vạn-Tượng đắc cử hội-đồng, và ít lâu lên cai-tổng Thạnh-hoà, kiêm Chánh-bái tiền-biên. Lần-lượt các vị sau đây kế tiếp làm Chánh-bái :

Chúng tôi không rõ các bậc tiền-hiền thời xa xưa, vậy xin liệt-kê những vị sau này :

- 1) Triệu-vạn-An
- 2) Triệu-vạn-Tượng
- 3) Nguyễn-đức-Phượng
- 4) Lâm-đắc-Thọ
- 5) Nguyễn-ngọc-Chỉnh
- 6) Nguyễn-văn-Thành
- 7) Lâm-hữu-Tổ
- 8) Lê-văn-Tượng. (Ông này hiện đang giữ chức vị Chánh-bái, tuổi đã trên 60).

Ngôi đình-thần, ngày nay nguy-nga tráng-lệ hơn xưa, mái ngói, vách tường cao-ráo.

Hằng năm đảo lệ kỳ yên cúng tế 2 lần : đại lễ cầu an nhằm ngày 20 tháng giêng, long-trọng hành-lễ suốt 3 ngày và ngày 12 tháng 7, lễ cầu siêu bố-thí.

Chúng tôi đến Bạc-liêu, sưu-tầm tài-liệu lịch-sử, hân-hạnh gặp bà Ngô-minh-Hôn, phó Hội-trưởng Hội Phật-Học tại đây, hướng dẫn qua các ngôi chùa và đình-thần, đồng thời bà cũng giới-thiệu cho biết nhà ông chánh-bái đương kiêm đình Tân-hung, nghe ông kể qua sự-tích ngôi đình đã có trên một thế-kỷ, được đồng-bào dân-chúng ở đây hết lòng sùng-kính, chung lo kiến-thiết nhiều đợt. Ngày nay rộng lớn đồ-sộ để bảo-tồn di-tích lịch-sử do công các bậc tiền-hiền đã kể trên.

11) MIẾU CÔNG-THẦN

Ngoài những di-tích trên bước đường lưu-vong của chúa Nguyễn-Ánh, còn có một di-tích đặc-biệt do chính chúa Nguyễn đã đốc-suất nhân-dân xây-dựng nên. Ấy là miếu công-thần tại Cà-mau.

Lúc từ Phú-quốc về, chúa Nguyễn ghé lại bãi Cửa Lớn tại vàm sông Bãi-háp. Miên-man nhớ lại những ngày qua đầy hải-hùng lo âu, rồi tưởng niệm công ơn những người đã tử trận trong cơn hộ-giá quanh vùng Cà-mau, chúa Nguyễn bèn truyền lập một toà miếu công-thần, để hằng năm khói hương truy-diệu.

Toà miếu này đầu tiên xây cất ở một nơi mà về sau chánh-quyền Pháp đã lập bót cò (Gendarmerie). Sau dời về phía bên kia sông gần chùa ông Tô-Xuân (Quan-âm cổ tự) và đình làng An-Xuyên.

Miếu công-thần được thiết lập tại Cà-Mau là một minh chứng hùng hồn về cuộc đời ba chìm bảy nổi của chúa Nguyễn-Ánh khi ẩn thân vào chốn rừng sâu nước độc, nói lên nợ duyên khắng-khit giữa chúa Nguyễn với nhân-dân Bạc-liêu Cà-Mau (huyện Trấn-di và huyện Long-xuyên) thuở xa xưa. Huống chi, chính chúa Định-vương (Tức Duệ-tông Nguyễn-phúc-Thuần, chú của Nguyễn-Ánh) đã bị Tây-sơn vây bắt được tại Cà-Mau vào năm Đinh-dậu 1777 và đem về Sài-còn (tức Sài-gòn bây giờ) hành quyết. Đây là mối huyết-hải thâm-thù mà Nguyễn-Ánh không sao quên được, khi thoát khỏi cơn nguy-biến đó. Bởi thế, lập miếu công-thần, dành rằng để ghi-ơn những ai đã có công hộ-vệ, mà kỳ thật thân tâm Nguyễn-Ánh muốn lấy đó đánh dấu nỗi bi thảm nhất tại Cà-Mau độ nào.



ĐIỀU ĐÌNH SÂN CHIM LỚN NHẤT VÀO THỜI XƯA MỘT NGUỒN LỢI THIÊN-NHIÊN ĐÁNG KỂ Ở CÀ-MAU

NÓI đến thắng-cảnh địa-danh ở Bạc-Liêu Cà-Mau mà không đề cập đến sân chim nổi tiếng của vùng này, thật là một điều thiếu sót cho việc sưu-tầm. Ngày xưa, tại đây có một sân chim quan trọng, khắp nơi đều nghe tiếng.

Chỗ sân chim ở là một vùng đất phù-sa, hoang vắng còn sinh lầy, ẩm thấp, cây cối um-tùm. Nào là vẹt, đước, ráng, choại. Các loài chim chóc thường chọn chốn này để tụ-tập cư trú và sinh sống. Thời xưa ông-bà chúng ta theo nho học quen gọi là «Điều-đình» (điều là chim, đình là sân), nôm na gọi là sân chim.

Đồng-bào miền Nam nước Việt từ Nam-Quan tới mũi Cà-Mau rất vinh hạnh được lộc trời ban cho nhiều sân chim như : Rạch Thử Nhứt, Kinh Dải, Thầy quơn, Chắc bằng, Đầm dơi, Cỏ cò v.v... Sân chim lớn nhất tại Cái nước, rộng hơn 7 mẫu tây, ở Bà-Hình, dọc trại là ấp Nhà Thính, chạy dài theo sông Bãi-háp ngày nay là quận Cái-nước thuộc vùng Cà-mau.

Cách xa khu vực này một ngàn thước, dân cư vẫn thấy hơi chim từ mặt đất xông lên như bốc khói, ngạt mùi phân chim tanh hơi nồng-nặc. Thường ngày, vào khoảng bốn, năm giờ chiều, chim từng đoàn bay về tổ, quây-quần trên không như đám mây to, che phủ một góc trời. Chim chóc quần tụ nơi đây đông vô số. Đủ các loài chim lớn nhỏ như : cò, sáo, diệc (vạc) le le, vịt nước, cồng-cộc, lông ồ, già dầy, bồ nông, chó đồng, v.v... Có nhiều loại chim to lớn như thẳng bè (chàng bè) đôi cánh dài hơn hai thước. Cũng có loại chim như già sói cao tới một thước ba mươi phân, cánh dài tới 5 tấc. Khi chim ngóng cổ, đưa đầu sói sọ như sọ dừa, xa trông chim già sói giống như một nhà nông mặc áo tơi.

Bộ Đại-Nam nhứt thống chí và tập Nam-kỳ lục-tĩnh, có ghi một đoạn về «Điều-đình» (sân chim) như sau :

«Những chim ở ngoài biển đến đậu từng bầy không biết muôn ngàn nào mà kể. Thường năm, đến kỳ đẻ trứng có trà-hộ-ngạch bao lãnh nạp thuế ấy, gọi là thuế Điều-đình và lấy cánh lông bán cho lái buôn Trung-Hoa.»

(Bản dịch của Tu-Trai Nguyễn-Tạo, do Nha Văn-Hoá Bộ Quốc-Gia Giáo-Dục xuất-bản).

Theo tài-liệu đáng tin, thì vào tháng mười âm-lịch, chim bắt đầu làm ổ. Qua tháng mười một, chim đẻ trứng mỗi ổ chừng đôi ba trứng. Chim trống và chim mái thay phiên nhau ấp. Trứng nở, chim mẹ và chim cha thay phiên đi tìm mồi ở miệt Hậu-giang và Tiền-giang, có khi tìm mồi xa tận Biển-hồ (Nam-vang) đem về nuôi con.

Chủ sân bắt đầu chuẩn-bị giết chim ngay từ lúc trứng chim vừa nở. Họ mượn bạn, cắt chòi ở giữ sân thường-trực và bắt nhơn-công chặt tràm, đốn tre làm hai vòng rào vuông vức, mỗi bề chừng năm, sáu trăm thước, cao hai thước. Vòng rào bên ngoài cắm cây khít nhau và đóng sâu xuống đất, phòng ngừa chim phá rào chạy thoát.

Cuối tháng giêng, chủ sân lo mượn người chuyên-môn giết chim. Giờ ra tay, thường vào đêm không trăng, vì họ lo-ngại lúc trăng sáng, chim con đủ lông cánh sẽ bay mất.

Trong quyển «Tìm hiểu đất Hậu-giang» của nhà văn Sơn-Nam mô-tả sự bắt chim một đoạn trang VII như sau :

Vào nửa đêm, có tới hai ba mươi người, chuyên-môn giết chim, nai-nịt hần-hồi, xông vào sân, tay quơ đuốc lửa, tay cầm cây «xơ-quất» để đập mòng, bò-chét hút máu chim bay ào-ào. Họ la hét, rồi dùng đuốc đập nhàu trên các ổ chim. Chim hoảng-sợ, chạy vào vòng rào thử nhứt, rồi tuôn qua vòng rào thử nhì. Lúc này thì các tay giết chim bỏ đuốc, dùng hai tay gân-guốc mà bẻ cổ chim, hết con này đến con khác, cứ như vậy mãi, từ nửa đêm cho đến rạng đông mới thôi.

Trời rạng sáng, xác chim nằm la-liệt khắp sân. Bầy

giờ, đến lượt các bạn chuyên-môn nhổ lông ra tay. Những người này nhổ lông chim rất nhanh và bó thành nhiều bó, mỗi bó 30 lông lớn, hoặc 35 lông nhỏ, đủ kết một chiếc quạt. Họ trao cho chủ sân, đổi lấy thẻ để sau này căn-cứ vào sổ thẻ mà lãnh tiền công. Chót hết đến phiên người đi hời. Họ được quyền nhổ một những lông chim còn sót, với điều-kiện là phải hốt hết các xác chim, đem bỏ tận ngoài sông cái, vì nếu để vậy thì xác chim sinh thúi, chim sẽ hoảng sợ bỏ sân bay mất.

Mỗi năm chim bị giết ba lần : Lần đầu cuối tháng giêng, hai lần sau vào cuối tháng ba âm-lịch.

Mỗi kỳ số chim bị sát hại từ 1.000 đến 5.000 con. Tính trung-bình mỗi con 10 ký lò thịt, thành thử có 10 tới 5.000 bồ trôi sông. Ở miệt này thịt cá thừa thãi, nên dân-cư không ăn thịt chim, thỉnh thoảng có vài người nướng một đôi con chim ra ràng để nhậu nhẹt thôi.

Cũng vì sự sát hại chim chóc quá mức, thiếu phương-pháp dung-dưỡng chim, họ hủy hoại luôn cả trứng chim, cho nên vào khoảng 1910 thì chim bỏ đi nơi khác ba chục năm sau, chim chóc mới lần lần qui tụ lại.

Đến năm 1950, người ta khai-thác triệt để nguồn lợi thiên-nhiên tại vùng này. Quanh khu-vực chim ở, phân chim ngập cao 4, 5 tấc tây. Số cá bị chim tha về tổ làm rơi rớt mỗi ngày có thể lượm tới 5, 7 gạ.

Mỗi kỳ, người ta bắt chim ra ràng bán có trên năm, mười ngàn đồng. Mỗi lần hốt trứng chim, phải dùng ghe lưỡng mới chở hết. Đó là kể chuyện năm xưa.

Hiện nay, vì thời cuộc chiến-tranh, sân chim bị tàn phá, chim chóc đã di-cư nơi khác cũng trong Cà-Mau miệt U-minh Thượng, giữa cánh rừng hoang-vu ít người lui tới.

Tỉnh Cà-Mau, Bạc-liêu có rất nhiều nguồn-lợi thiên-nhiên đáng kể, mật ong, sáp, cá đồng, tôm khô, cua biển, than được, mốp một tài-nguyên đem lại cho tỉnh với con số năng suất hằng năm, trong thời bình hằng mấy tỷ bạc.

Gốc kiếng cổ thụ trên 120 năm



Ông Trương Văn Yên, một nghiệp chủ ở Bạc Liêu, (đứng mé trái), là chủ nhon gốc kiếng thụ. Ông đang trình bày qua sự tích gốc kiếng với nhà sưu khảo Huỳnh Minh, tại tư gia ngày 10-3-1966.

Ảnh Viễn Đông
(Bạc Liêu)

MỘT GỐC KIỀNG THỤ SỐNG TRÊN THẾ-KỶ TẠI BẠC-LIÊU

Xử Bạc-liêu, từ trước tới nay nổi tiếng là một tỉnh giàu có, ruộng đất cò bay thẳng cánh. Tài-nguyên ở đây là một vựa lúa dồi-dào, một vũ sũra cung-cấp cho toàn cõi Việt-Nam và xuất-cảng ra ngoại-quốc, còn có thêm những nguồn lợi khác đáng kể như : muối, hải-sản, súc-vật v.v...

Bạc-liêu thời xưa, đã nổi tiếng lắm nhà triệu-phủ, như bá-hộ Minh, ông huyện Sĩa, ông huyện Kê, ông huyện Sồn và những kiềng họ tên tuổi, Trần-Trinh, Cao-Triều, Chung-Bá v. v...

Các nhà giàu ở đây, sống với cuộc đời trưởng-giả, tất nhiên có những biệt-thự lộng-lẫy, nào là huê-viên rộng lớn, trồng đủ loại hoa thơm cỏ lạ, với những chậu kiềng lâu đời, như-mai chiến-thủy, kim-quít, tắng-thắng, có gốc thâm-niên, năm bảy chục năm, cả trăm năm chẳng hạn.

Bạc-liêu đã vang bóng một thời, gấm vóc non sông. Đến nay tỉnh Bạc-liêu, hầy còn những tàn tích kỳ huê-phong nguyệt. Đáng kể nhất là một gốc kiềng thụ nơi nhà ông Trương-văn-Yên đã sống trên 120 năm, tức hơn một thế-kỷ.

Đến tỉnh Bạc-Liêu, nhắc tên Trương-văn-Yên, du-khách sẽ nhận thức sự quan trọng của địa chủ này đối với những người bản-xứ. Họ rất chú-trọng đến nơi đã từng nổi tiếng phong lưu đài các trong giới hào hoa... và cũng là một nơi xuất chúng anh tài vinh dự cho xứ sở.

Ông Trương-văn-Yên là người nho học, có óc hiếu-kỳ trong các lạc thú huê-viên... Ông cũng là người có tánh khiêm-tốn và làm sui gia với nhà bác vật nổi tiếng miền Nam thời bấy giờ là ông Lưu-văn-Lang.

Trước kia, ông có xuất-dương qua Pháp một thời-gian. Sau khi về nước, những sự thăng trầm thế cuộc, làm ông chán ngán nào-nề như nhà nho Nguyễn-công-Trứ thuở nào:

*Chen chúc lợi danh đã chán ngắt,
Cúc, tùng, phong, nguyệt mới vui sao !
Đám phồn hoa trót bước chân vào,
Sực nghĩ lại giật mình bao xiết kè !*

Vì thế ông tìm thú vui phong nhã ! Cuộc cờ kiềng vật tiêu khiển điền-viên, gởi chí bình sanh bốn bề. Do đó, mà nơi nhà ông có trồng biết bao nhiêu kiềng lạ, hoa thơm. Mọi đến nay có đến hằng bao nhiêu gốc còn lại. Trong đàn kiềng của ông, đáng chú ý nhất là một gốc kiềng ⁽¹⁾ ngoài 120 năm.

Kề gốc kiềng này cũng trải qua mấy đời người. Người trồng gốc kiềng này đầu tiên là ông Lư-văn-Ngọc. Ông trồng vào khoảng ông trên 30 tuổi. Đến lúc chết, là 95 tuổi. Ông Lư-văn-Ngọc để lại cho ông Lư-hữu-Thành (tức cụ thân sinh của ông Lư-hoà-Nghĩa, cố Giám-đốc đoàn ca kịch Thanh-Minh, bây giờ là Thanh-Minh Thanh-Nga).

Gốc kiềng truyền lưu đến nay đã mấy đời người và thay chậu tới 5 lần. Hiện nay, gốc kiềng vẫn còn sống và cành lá vẫn xanh tươi.

Sự đặc-biệt nhất của gốc kiềng này là trồng trong chậu mà sống được lâu đời, quả là một việc ít có. Còn loại cây rừng sống dưới đất đến 2 hay 3 thế kỷ là sự thường.

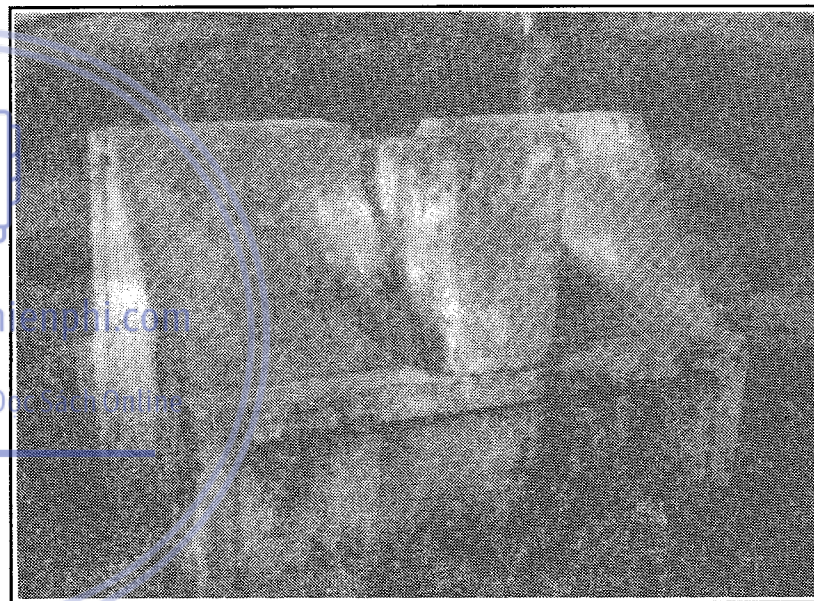
Trước khi viết loạt bài này, tác-giả có đến tận nơi quan sát và chụp ảnh làm kỷ-niệm với ông Trương-văn-Yên.

Trước sự trường-tồn của kiềng vật đã làm cho người đời một niềm vui thiên-nhiên khó tả...

Nơi nào còn tồn lưu những kiềng vật, huê viên, thì còn phảng-phất nét oai-hùng cao đẹp của non sông.

(1) Gốc kiềng này bằng cây sọp.

Chiếc đồng hồ gần một thế kỷ



Chiếc đồng hồ xây bằng gạch tàu, bề cao 1 thước, bề ngang 8 tấc, do nhà kỹ sư Việt Nam đầu tiên sáng chế, không có máy, kim khắc số La Mã, chỉ giờ bằng bóng mặt trời, rất đúng, xây mặt về hướng Đông.

Di tích này hiện nay vẫn còn tại Bạc Liêu.

Ảnh do Thiếu Tá Đ.V. Hiến tặng

CHIẾC ĐỒNG-HỒ XƯA KHÔNG MÁY XÂY BẰNG GẠCH, HIỆN CÒN DI-TÍCH Ở BẠC-LIÊU

Dễ đo-lường thời-gian, ngày nay ai cũng biết đến công-dụng của cái đồng-hồ, nhất là vào thời-dại khoa-học phát-triển cực-độ, người đời càng ngày càng có thêm lắm kiểu đồng-hồ xinh-đẹp và giản-tiện vô cùng.

Nhưng ngược dòng thời-gian, về thuở xa xưa, vấn-đề đo-lường thời-gian vẫn là vấn-đề làm nhọc lòng người xưa không ít. Trong dân-gian, Âu-Á Đông-Tây gì cũng thế, lúc chưa sáng chế được đồng-hồ, người ta chỉ có mấy phương pháp thông-dụng nhất, đại-khái là nghe gà gáy, trống canh, xem mắt mèo, lá khế, hay là ban đêm trông sao, ban ngày cặm sào đo bóng là cùng.

Đến đời Đường, đời Tống ở Trung-Hoa (thế-kỷ thứ X, thứ XI) người ta mới bắt đầu có đồng-hồ. Gọi là đồng-hồ, vì khí-cụ này rất đơn-giản, chỉ gồm có ba cái hồ nhỏ làm bằng đồng, hình vuông, đề cao thấp chênh nhau ; hồ trên hết đựng nước, rĩ lần hồi từng giọt xuống hai hồ dưới, chuyển đến một hồ tròn kê thấp nhất, trong ấy cắm thẻ ghi số giờ khắc, nước dâng lên đến độ nào tức là giờ đó. Hết đồng-hồ nước, (lậu hồ clepsydre), lại đến đồng-hồ cát (sa lậu sablier) xuất hiện. Kịp đến thế-kỷ thứ XV, Tây-phương mới sáng chế ra đồng-hồ máy (horloge mécanique) chia làm nhiều loại : đồng-hồ lò-xo có dây cốt (horloge à ressort), đồng-hồ quả lắc (horloge à pendule) v.v... Từ ấy,

cái danh-từ đồng-hồ vẫn là danh-từ chung để gọi tất cả các thứ khi-cụ dùng để đo-lường thời-gian ấy.

Ở nước ta, vào cuối thế-kỷ XVI sang đầu thế-kỷ XVII, dân ta đã biết đến đồng-hồ máy của Tây-phương rồi. Và người Việt-nam đầu tiên là Nguyễn-văn-Tú đã bắt chước được kỹ-thuật chế thành đồng-hồ của Tây-phương, mà chế ra một thứ đồng hồ chuông gọi là « Tự minh chung ».

Nhưng, ai có ngờ đâu vào thế-kỷ XIX, một vị Bác vật đầu tiên ở Việt-Nam thấu thái khoa-học Tây-phương, lại đã sáng chế ra một thứ đồng-hồ, khác hẳn các thứ đồng-hồ đã có. Ấy là đồng-hồ của bác vật Lưu-văn-Lang, chế tạo sau khi tỉnh Bạc-liêu thành lập.

Ông chế tạo một cái đồng-hồ đặc-biệt, xây bằng gạch, dựng ở trước sân đình Tỉnh-trưởng trong thời Pháp-thuộc, nay là đình của vị Chuẩn-tướng Tư-lệnh sư-đoàn 21 bộ-binh.

Di-tích đồng-hồ này hãy còn, xây đối chiều đứng về hướng đông. Mấy chữ số La-Mã chỉ giờ khắc gắn bằng gạch tàu.

Sáng sớm, mặt trời vừa mọc, thì bóng rọi ngay số 7 ; mặt trời dần dần lên cao đến độ nào thì bóng cứ rọi lần lên các số chỉ giờ, cho đến khi đứng bóng thì chỉ đúng số 12. Trời xế chiều, bóng dần nghiêng vẫn rọi đúng theo thứ tự thời khắc. Đến khi bóng hạ lần xuống mức tam-cấp thấp nhất thì mặt trời đã lặn, đồng-hồ này chỉ công-dụng khi có ánh-sáng mặt trời, còn mưa trời sầm, thì không coi được.

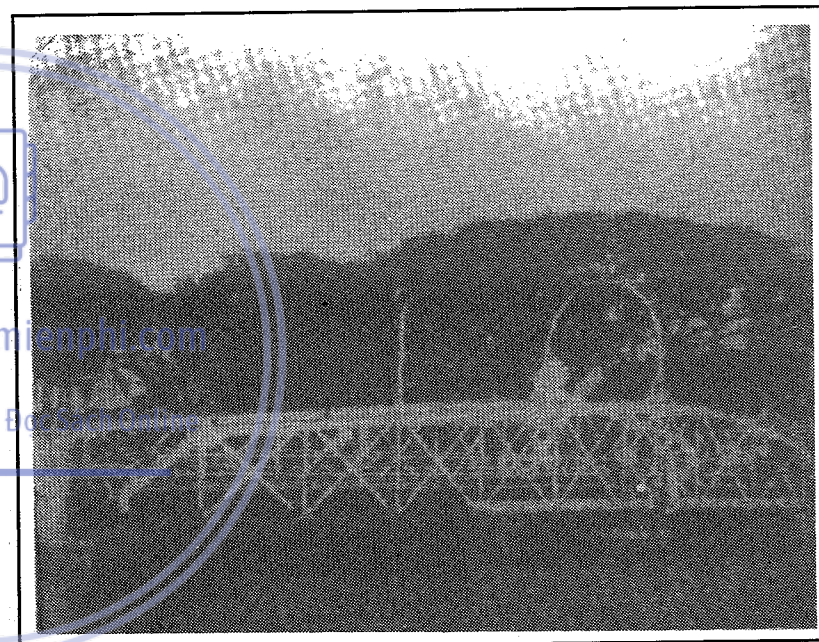
Đồng hồ hoàn-toàn không có máy móc chi cả. Ngày nay, quý khách đến viếng tỉnh Bạc-liêu, nhìn di-tích đồng-hồ ấy, ắt chẳng khỏi liên-tưởng đến thứ đồng-hồ Thái-dương (horloge solaire). Loại đồng-hồ Thái-dương xuất-

hiện từ thuở xa xưa, khi loài người chưa có cơ-khí, chỉ áp-dụng những dụng-cụ thô-sơ mà cấu tạo nên. Đồng-hồ này gồm có một cái trụ đứng thẳng giữa một cái khung bán-nguyệt bằng-phẳng, gọi là nhật-quỹ (cadran solaire), có chia từng gạch, mỗi gạch là một giờ. Bóng cái trụ rọi xuống nhật-quỹ, đúng vào gạch nào, thì là giờ ấy.

Phải chăng ông bác-vật Lang, đã theo thề-thức đồng-hồ Thái-dương mà biến chế ra. Dầu ngày nay, còn dùng đến cái đồng-hồ của ông đi nữa, thiết-tưởng vẫn như là bảo-tàng một kỷ-vật có nhiều điểm đặc-biệt đáng gìn-giữ lại. Ngay như bên Âu-châu, người ta đã tiến đến mức tuyệt xảo trong nền văn-minh cơ-khí, thế mà tại trước sân, lâu đài Windsor ở vùng ngoại-ô Luân-Đôn (nước Anh), vẫn còn lưu để một cái đồng-hồ Thái-dương, danh tiếng nhất của họ. Xem thế, lẽ nào ta không nhắc đến cái đồng-hồ bằng gạch — có một không hai — của ta ? Di-tích còn đó, chúng tôi ghi chép lại ít nhiều cảm nghĩ của chúng tôi trong bài này, khi chúng tôi đã đến Bạc-liêu sưu-tầm tài-liệu, hầu cống-hiến bạn đọc bốn phương tập biên khảo về Bạc-liêu, tưởng chẳng đến nổi vô bổ.



Chiếc cầu quây ngày xưa



*Chiếc cầu quây làm vào thời Pháp thuộc, bắc ngang sông
chợ Bạc Liêu đã bị chiến tranh tàn phá, nay đã thay cầu sắt khác.*

Ảnh sưu tầm

CỔ - TỤC

CỦA NGƯỜI MIÊN TẠI BẠC-LIÊU



TỈNH Bạc-Liêu, Sóc-Trăng, Trà-Vinh, Châu-Độc là một trong những tỉnh ở miền Tây có người Miên sống nhiều nhất.

Tìm hiểu đại-cương xứ sở qua nhân chủng, chúng ta không thể thấu đáo nổi những sự cao đẹp cá biệt của địa phương... Và cũng không nhận thức được những cổ-tục truyền thống từ xưa của người bản-xứ.

Tại Bạc-Liêu, ngoài những cảnh xa xưa cổ kính ; những lăng miếu đình chùa bên đồng áng bao-la, bát-ngát, còn có những tục lệ cổ truyền của người bản xứ, nhất là người Miên... Những ngày hội hè lễ tết, các tục-lệ này được diễn lại một cách linh động, khiến người chúng kiến như mơ thấy lạc bước xứ người vậy.

Khác với tục-lệ Việt-Nam, người Miên ăn Tết vào tháng ba âm-lịch, sau lễ Thanh-minh 7 ngày.

Trong những ngày lễ Tết của họ tung-bừng và náo-nhiệt tuy nhiên vẫn giữ được vẻ du-dương trầm bổng lâng-lâng trong âm điệu Đông-phương. Ngoài những ngày lễ Tết, người Miên còn có những cổ-tục lễ bái có tính cách tín-ngưỡng. Họ lễ Phật (visa chochea) vào tháng tư âm-lịch, lễ Cấm phòng sư vải (cholvasa) vào tháng 6 âm-lịch, và lễ sư

vãi xuất phòng (chenhsava). Vấn đề tin-nguỡng và sùng bái đối với người Miên là một vấn đề hệ-trọng trong các cuộc hội hè. Vì thế nên họ đặt ra rất nhiều cuộc lễ bái.

Những lễ chính thức như ngày Tết, ngày lễ Phật có tính cách tin-nguỡng. Người Miên còn có tục-lệ của các lễ khác, như lễ Ông Bà (Bonta) vào tháng 3 âm-lịch, lễ Đưa nước (Oromkho) vào tháng 10 âm-lịch, lễ Dâng áo cho các chùa (Bonh-cà-Thanh) vào tháng 11 âm-lịch.

Đối với người chết, họ theo phong-tục hoả-táng. Việc hôn-nhân của người Miên khác với tục-lệ của người Việt-Nam, như khi cưới hỏi chàng trai phải lo liệu tất cả nhưt là việc đãi ăn. Đàng trai phải đem đồ nấu nướng sang đàng gái để lo tiệc tùng v.v... Mỗi năm, người Miên còn có tục-lệ hào hứng và lý-thú nhưt là ĐUA GHE NGO giữa các chùa. Lễ này thường được tổ chức trong dịp lễ Đưa nước.

Về phương-diện kịch nghệ, họ có hai loại hát :

- Dù kê (như cải-lương của ta).
- Lô bằm (lối hát cổ như hát bộ).

Về bộ môn vũ, họ có những vũ điệu LÂM THOL và nhạc ngũ âm, gọi nôm-na là «đập bồn, đập bát», không kém kích động nhạc ngày nay.

Tóm lại, tỉnh Bạc-Liêu có đủ trăm thức phong-lưu, tao-nhã từ dân bản xứ đến những chủng tộc thiểu số đều lịch-lãm trên địa hạt phong-lưu.

Chùa Khôsetaran



*Một ngôi chùa cổ của người Miên tại Sóc Đồn
quận Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu.*

Ảnh Viễn Đông
(Bạc)



MỘT VÀI CỔ-TỤC CỦA ĐỒNG-BÀO ĐỊA-PHƯƠNG



HỒI XƯA, đất Bạc-liêu còn hoang-vu, nhà thừa người ít, đồng-bào dân-chúng bản-xứ không được đông, phần nhiều là dân khắp miền đến sanh cơ lập nghiệp, nhưt là người Triều-châu, nơi chân trời góc bể nào cũng có mặt họ đến để khai-thác công-việc làm ăn sống chung với người địa-phương.

Thời ấy, sự giao-thông trong vùng không có đường bộ như ngày nay, mỗi lần trong thôn-ấp muốn di-chuyển từ làng này qua làng kia, thì phải đi bằng xuồng ghe, hoặc cỡi ngựa bằng đồng, chớ không có xe cộ, sự di-chuyển thời ấy là cả một vấn-đề khó-khăn, mỗi khi trong gia-đình có người bịnh-hoạn, hoặc quan, hôn, tang, tế, đến cho thân-nhân hay phải mất đôi ba ngày mới tới chỗ, nhưng người dân địa-phương, họ vẫn sống nếp sống cần-cù chất-phác, dầu cực-khổ cho thế mấy họ cũng kiên-gan nhẫn-nại, để thực-thi cho được việc, chớ không thối chí ngã lòng trước những việc khó-khăn.

Quý bạn đọc hãy nghe một giai-thoại ở thời xưa, ông già Batri, từ Kiến-Hoà đi bộ ra tận Triều-đình Huế, để dâng sớ kêu oan một vụ kiện, phải mất cả năm trời gian-nan vất-vả mới tới Huế gặp được nhà vua. Câu chuyện ấy, đủ chứng-minh việc làm của ông bà ta thời ấy. Dầu đường xá xa-xôi, ngăn sông cách núi, qua trướng lên đèo, gian-lao nguy-hiêm cho thế mấy, cũng toàn là đi bộ, hoặc chèo ghe, cỡi ngựa, đi vòng mà thôi, chớ đâu có phương-tiện như ngày nay.

Trở lại vấn-đề cổ-tục, đồng bào sanh-trưởng đất Bạc-liêu đời sống dân-cư ở đây rất hiền-hoà chất-phác, siêng cần mẫn-cáng, tận-tụy làm việc, phần nhiều đều hấp thụ nền đạo giáo Khổng-Mạnh, ăn ở theo xưa, trai gái không vượt qua bức tường lễ giáo gia-phong, đây chúng tôi xin kể sơ một đôi tập tục cưới gả.

Mỗi khi chàng trai muốn nói vợ cho con phải cây mai dong đến nhà chàng gái khấn đèn áo dài dâng-hoàng, và nếu được bên chàng gái chấp thuận cho đến coi, nếu có dâu và cha mẹ 2 bên bằng lòng thì phải chọn ngày tốt làm lễ sơ-vấn đầu tiên, nào là đi rượu, trà, bánh ngọt gì đó để cho biết chàng gái nhận hứa gả con cho chàng trai, kể từ đó tình sui gia được thông-cảm hiểu biết với nhau mà đi tới.

Đến giai đoạn đám hỏi, chàng trai phải đi cho cô dâu một món duy nhất là đôi bông đeo tai, đó là cái hoa con gái đầu tiên, kể đó cặp đèn sáp, với đôi món nữ-trang khác, nào là cây kiềng, nhẫn, dây chuyền hoặc một số bạc mặt tùy theo sự đòi hỏi của chàng gái và gia-cảnh của chàng trai.

Thời xưa khi làm lễ hỏi rồi phải ba năm mới cưới vợ, trong thời gian chưa cưới, nếu trong gia-đình hai bên cha mẹ có chết, thì cô dâu, chú rể phải đến lo việc ma chay tế lễ rồi dợi cho mãn tang mới cưới.

Ngày giờ cưới, hai bên phải coi cẩn-thận, lựa ngày tốt, tránh ngày tam-nương, hoặc tuổi Thiên-Cang, sát mạng v.v.

Thời xưa, lễ cưới được diễn ra rất trọng thể, nào là có dâu đội nón cụ quai tơ, mặc áo rộng xanh, chú rể khăn be cũng áo rộng xanh, có lọng che, có rệu phụ, những lễ vật đi cho chàng gái trong ngày cưới rước dâu, một đôi đèn sáp, hai ché rượu, hai mâm trà cau trà bánh, và một con heo sống đỏ mũi khiêng đến trình diện cả hai họ, kể ông sui trai sui gái lên đèn cho cô dâu chàng rể làm lễ lạy ông bà, cha mẹ cô bác chàng gái, rồi chọn giờ kiết rước dâu.

Đàng trai cũng như đàng gái, thỉnh người đưa dâu, rước dâu, đều chọn các vị cao-niên có đức, đủ vợ đủ chồng và những thiếu-nữ thật-thà chất-phác, các thanh-niên ưu-tú phụ-sự trong việc bùng mâm, che lọng, khiêng đồ v. v. . . Thời xưa có nhiều đám cưới rước dâu đi bộ 5, 7 cây số.

Rước dâu về nhà chàng trai, tới ngày thứ ba, bên sui trai đi với dâu con và một vài người thân-quyến đến nhà sui gái làm lễ gỡ mâm trầu. Lễ này đi một con heo quay, rượu, trà, nếu giàu có, còn nghèo thì cặp vịt đôi lít rượu trắng cũng xong, gọi là lễ phản-bái, để cho đôi tân-hôn động phòng huê-chúc trong đêm đó, người xưa rất kỹ về vấn đề này, cho việc hôn-nhơn là trọng-đại trong đời người⁽¹⁾. Với tinh-thần hiếu cổ, cần nhắc lại một đôi cổ-tục của đồng-bào miền Nam, chẳng riêng gì ở Bạc-liêu, thiết-tưởng dâu rể cũng đều tôn-trọng và áp-dụng luật-lệ ấy, để duy-trì nền đạo-nghĩa của Thánh-hiền.

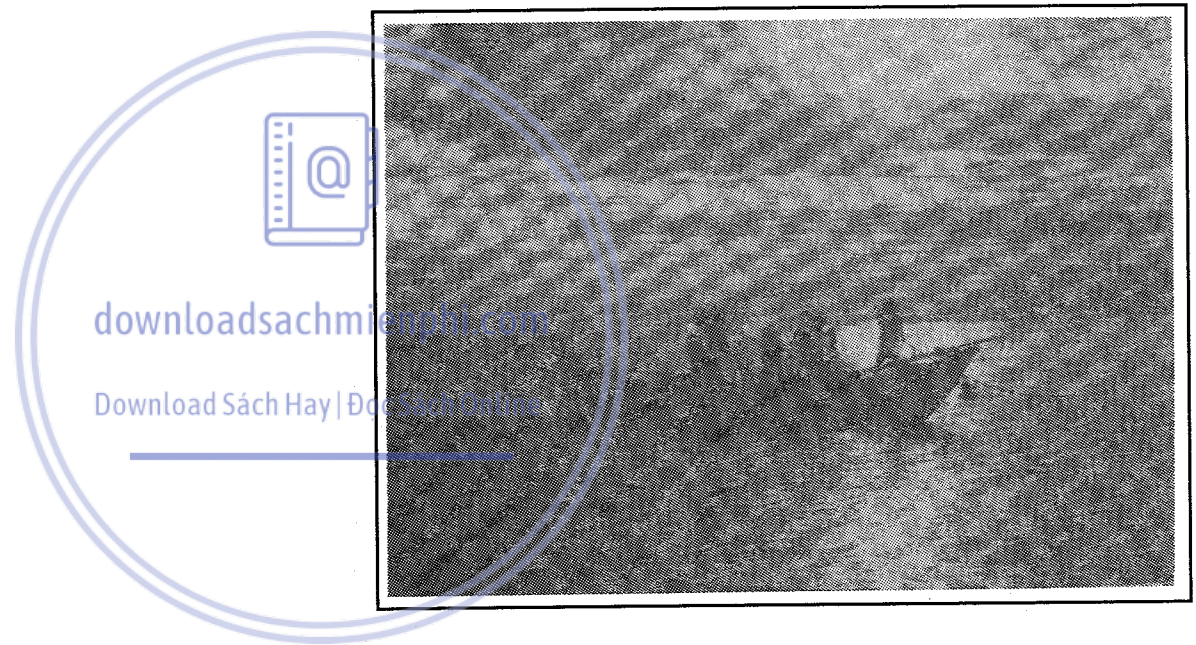
Ngày nay tình thế đổi thay hơn tâm lý tán, trai thì hư thân mất nết, gái thì bán rẻ tiết trinh, luân-thường đạo-lý đảo ngược, tự do yêu đương kết hôn, bất chấp câu môn-đăng hộ-đối, tam cang ngũ thường, tam tòng tứ đức, cũng vì hai chữ văn-minh, khinh thường sự cưới gả, giản-dị hoá không còn giữ được theo lễ-lối của người xưa.

Hỡi ai là người mang dòng máu dân Việt thấy vậy chẳng khỏi đau lòng, vì lẽ đó mà chúng tôi cần soạn lại một đôi tập tục của tiền-nhân để làm sáng tỏ nền luân-thường đạo lý cho những ai đang đắm mình trong sự tự-do quá trớn, mà hồi tưởng lại nguồn gốc xa xưa của tổ-tiên ta đã có từ bao thế-kỷ.

Bài này chúng tôi chỉ trình bày sơ-lược để nhắc lại một vài cổ-tục, mong bạn đọc thông-cảm cho.

(1) Theo cổ-tục của ông bà, trong sự gả cưới phải là sáu lễ.

Cửa biển Mỹ Thanh



Giữa cảnh trời nước bao la, người dân bản xứ đem sức lực ra vật lộn với biển cả mà tìm sự sống một cách hào hùng bằng nghề chài lưới của ông cha truyền lại từ ngàn xưa.

Ảnh sưu tầm

Sa-Đéc, Aug 12, 2015

Thắng cảnh Bạc-Liêu

BÃI BIỂN VĨNH-CHÂU VÀ CỬA BIỂN MỸ-THANH



T

RONG thời bình, du khách có dịp đến xứ Muối, không thể bỏ qua hai thắng-cảnh của tỉnh này, mặc dầu nó không được mỹ-quan hơn các nơi khác, nhưng hai bãi biển này lại có những đặc biệt mà các bãi biển khác không có. Đọc theo trên những giồng cát đồng-bào có lập vườn làm rẫy, trồng các loại cây ăn trái măng cầu ta, táo, mía, dưa hấu và những loại hoa màu, rau cải hành họ v. v ...

Bãi biển này có thể nói lớn nhất ở miền Tây Nam-Việt, dài độ 30 cây số ngàn từ Bạc-Liêu đến Vĩnh-Châu. Quang cảnh thiên-nhiên hùng vĩ, đêm ngày đều có gió thoảng lại rai như mơn-man ve-vuốt khách du, mát thân-thể mà cũng êm dịu tâm-hồn khi đối cảnh sanh tình lãng-lãng thoải mái. Đã thế, dọc theo bãi, sóng biển nhấp-nhò, khi gợn lăn-tăn khi thì ào-ạt bủa vôi khoả đùa cát trắng, giục lòng du-khách hăng say dẫn bước, gợi niềm lưu-luyến để có dịp so-sánh, xem có kém gì đâu những bãi biển miền đông, hay tận ngoài Trung, ngoài Bắc. Hơn nữa, du-khách là người sành ăn thích được món ngon vật bổ trong khi no lòng, mắt ngắm cảnh trời nước bao-la. Thì đây, bãi Vĩnh-Châu vẫn là chỗ sản-xuất lắm thức ăn ở biển : hàu, sò huyết, tôm cua v.v... há có kém chi bãi biển miền nào khác.

Lại nữa, trong đời bạn, ít ra cũng có một đời lần nghe nói đến nhãn ngon danh tiếng của xứ Muối ? Bạn nếu có dịp về chơi xứ Muối, xin hãy ra ngoạn cảnh ở vườn Nhãn Bạc-Liêu, sẽ được thích ý ngắm những vườn nhãn nơi đây giăng giăng san sát dọc theo bãi biển 9-10 cây số. Lúc trước cậu hai Trần-trình-Đình con nhà tỷ phú Trần-trình-Trạch có cất nhà mát tại bãi biển này, dành khi nhàn rỗi rủ nhau ra đây thưởng-thức cảnh trăng thanh gió mát.

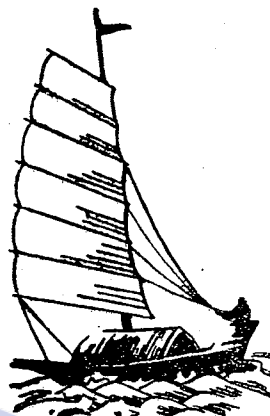
Ngày tại bãi biển này lại còn thêm cái bãi biển Mỹ-Thanh đi ra cách 20 cây số ngàn, cũng là một thắng-cảnh đầy thơ mộng khiến cho du-khách say mê, lúc trước người Pháp có cất một cái nhà mát công cộng cho đồng-bào du khách đến ngoạn cảnh có chỗ tránh nắng đụt mưa, điều đáng lưu ý bãi biển này trồng rất nhiều dừa-hầu ngon có tiếng.

Thời bình người ta thường đến chơi ở bãi Mỹ-Thanh nhiều hơn ở Vĩnh-Châu.

Ngày nay đất nước không yên hai nơi thắng-cảnh trên đây chịu cảnh hoang phế ít người lui tới.

Một mai chiến tranh chấm dứt, đất nước trở lại thanh bình, hai bãi biển này được kiến-thiết tốt đẹp, cảnh trí nhân tạo, hoà với thắng-cảnh thiên-nhiên, để cho du-khách đến ngoạn cảnh thưởng-thức hương vị hải sản, có thể nói đây là một địa-danh đặc-biệt của tỉnh Bạc-Liêu nói riêng, miền Tây nói chung.

Chừng ấy, đây là nơi quyến rũ biết bao tao nhân mặc khách.



VĨNH BÃI CÁT VĨNH-CHÂU

Cảnh thiên-nhiên xây lâu dài tráng-lệ
Của dã-tràng, chiến-bại với thủy-triều
Bề cười-cợt, đùa gom bao cát đẹp,
Giúp thể-nhân vui hứng cảnh xinh tươi.
Hiển du-khách chân đời êm-ả bước,
Cát trắng vàng, nước xanh biếc trong veo,
Cảnh thiên tạo dẹt tranh đời tuyệt-mỹ
Gió trắng về đơm ngọc lộ bãi-bàng,
Cảnh thêm nhớ, người mơ trong lý-tưởng
Càng trông qua, như lạc động Đào-nguyên
Lá ngoắt trắng, gởi bao niềm thương-mến
Nước vênh mây nhắc núi sông xưa.
Gió đại-dương, như gọi hồn Do-Thái
Chờ bàn tay số kiếp vịn theo về !
Ôm quá - khứ, thả trôi bề cả
Nhìn tương-lai, trong sáng đẹp huy-hoàng.
Cảnh xinh đẹp như vắn thơ tuyệt-mỹ
Lại mang tên, hào-hứng bề Vĩnh-Châu
Đáng tạo - hoá, dẹt bức tranh vô giá.
Cho thể-nhân, đem gởi nỗi đau sâu !!!



Thắng cảnh Cà-Mau

HÒN CHUỐI VÀ HÒN ĐÁ BẠC

 RONG quận Sông Ông-Đốc có hai thắng-cảnh thiên-nhiên : Hòn-Chuối và hòn Đá-Bạc, nằm trong phạm-vi kiểm-soát của xã Khánh-bình-Tây.

Hòn-Chuối cách xã Khánh-bình-Tây độ 60 cây-số, diện tích phỏng định 40 mẫu. Hòn này còn hoang-vu, không có dân-cư sinh sống. Trên hòn mọc toàn chuối sủ và các loại cây tạp. Tuy nhiên, hình thắng vẫn quyến-rũ được khách du ngoạn cảnh, có đôi phút đắm hồn trong thú què đầy phong vị thanh bần, vì cảnh mộc-mạc cũng như tâm-hồn chất-phác của cư dân nơi rừng xa thăm-thẳm, chót dãy giang-san gấm vóc.

Nếu phong cảnh Hòn Chuối, kém nên thơ và vì đường xa xuôi nên ít được người dễ bước thưởng-ngoạn, thì hòn Đá bạc rất được du-khách tán-thưởng, nghiêm-nhiên là một thắng cảnh danh tiếng của Cà-mau.

Cũng nằm trong phạm-vi kiểm-soát của xã Khánh-bình-tây, hòn Đá bạc cách xa xã này độ 18 cây số, diện-tích phỏng-định 10 mẫu, vất-vẻo ngoài khơi ngang vàm sông Ông Đốc, vịnh Thái-Lan.

Hòn chia ra làm 4 ngọn : 2 cao, 2 thấp, de ra ngoài biển, ba bề sóng biển bủa lao-xao, giữa trời nước minh-

mòng. Chung quanh có nhiều tảng đá nổi liền, tảng cây rậm-rạp bao phủ.

Bởi có nhiều tảng đá trắng chồng-chất từ 100 năm về trước, nên người ta gọi là hòn Đá bạc. Nơi hòn có một đồi cao, có sân rộng độ 50 thước vuông, tục gọi «sân tiên», và có một tảng đá hình vuông dài, mặt bào phẳng, nằm dài ra bờ biển, được gọi là «cầu tiên». Vì thuở xa xưa, đây là nơi dành riêng cho đạo-sĩ tu tâm dưỡng tánh. Người ta đồn, nơi đây đã có những vị tu tiên đắc đạo, hiển-linh giúp thế.

Khoảng năm 1956, do Tịnh-độ cư-sĩ Phật-hội Việt-Nam đề-xướng, thiện-nam tín-nữ kẻ công người của, đứng ra xây-cất chùa «Hưng-Huệ» trên đỉnh hòn, vách ván, lợp thiếc Cao-bằng. Chùa giao cho hai đạo-hữu coi sóc, lo việc cúng-kiến và phát thuốc Nam cho dân chài ở vùng ấp Đá bạc. Mỗi kỳ cúng-tế, tín-dồ các nơi kéo đến lễ-bái khá đông.

Cây cối trên hòn, phần nhiều là xoài, chuối, ổi và các loại cây tạp, không có cây quý giá. Chung quanh hòn bao-bọc những tảng đá lớn nhỏ, phong cảnh trông rất hùng-vĩ thơ-mộng. Mỗi năm có hằng ngàn du-khách vãng cảnh, chụp hình, cắm trại. Một thú nữa cho du-khách, là đi tìm cào ở kẹt đá các loại hàu, ăn sống rất bổ. Về mùa gió chướng, lúc trời êm bẽ lặng, từ xã Khánh-bình-tây ra hòn Đá bạc bằng tàu buồm, hoặc ghe biển có gắn máy phải mất hai tiếng đồng-hồ.

Những khi sóng to gió lớn, thuyền bè sắp bị đắm, chạy vào đây ẩn trú sẽ được bình-yên, một chỗ thuận-tiện cho ngư-phủ đi lại làm ăn sinh sống.

Nơi đây có thể nói là một thắng cảnh đặc-biệt của tỉnh chót miền Tây được nhiều du khách luyến mến và không tiếc lời ca-ngợi khi đặt chân viếng qua cảnh này.

VỊNH ĐÁ-BẠC CHƠN-QUI

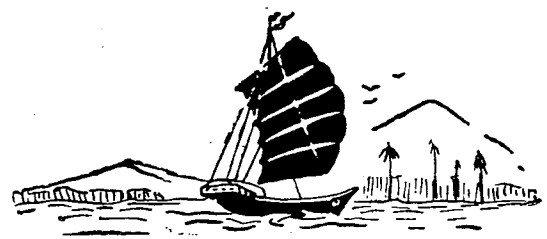
*Khi bề về đêm trăng đơm ngọc lộ
Khi bóng về chiều nắng hoạ trần lao
Khi con thuyền lênh-đênh chở mộng
Khi hải điều về dệt đẹp khung trời !*

*Trăng nhen lửa, giỡn cùng màu đá bạc,
Đẹp thế này, hình dung bóng kỳ quan.
Màu đá bạc, nước xanh xanh pha trắng
Đáy bề sâu, như cung điện huy-hoàng.*

*Đáy những chỗ, muốn hồn thơ hò-hẹn
Đáy những nơi, tiêu biểu cuộc dẫu cồn.
Khiến du-khách, hồn lâng lâng mơ mộng
Qua phù kiều, êm thắm lối ngân-giang.*

*Như lạc lối, đến non Bồng, nước Nhược
Vui gặp người, lý tưởng ở non Tiên,
Ôm dĩ-vãng, gởi cho non nước hừng
Thuyền tương-lai, êm đẹp thả xuôi dòng !*

*Nơi triền-lãm, tâm-hồn trời bề rộng
Nơi êm-đềm, thần tri nghĩ suy nhiều
Bề Nam-Hải, là một trong thắng-cảnh
Của nghìn đời, trang-diễm bề thêm xinh.*





Phần thứ năm

downloadsachmienphi.com

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

VỀ ĐẸP BẠC-LIÊU – CÀ-MAU QUA THI-CA

NƠI SẢN-XUẤT NHẠC-SĨ, NGHỆ-SĨ LỪNG DANH

BẠC-LIÊU QUA BỘ MÔN SÂN-KHẤU KỊCH-TRƯỜNG QUÊ-HƯƠNG SẢN-XUẤT CỦA BẢN VỌNG-CỔ



NHỮNG lúc du nhàn, ngồi lại bên máy vô-tuyến truyền thanh mà vận nghe âm-nhạc nước nhà, hoặc vào hi-viện xem qua một vở tuồng giải-trí, hồ nghe các tài danh sân khấu ca bản Vọng-cổ, qui bạn có cảm nghĩ gì ? Đến ngày nay, phần đông hẳn đều đã rõ biết bản Vọng cổ từ đâu mà ra. Danh-từ vọng-cổ Bạc-Liêu đã nói nhiều đến xuất xứ của bản ca này.

Nhạc sư Cao-văn-Lầu

Người sáng-tác bản vọng cổ đầu tiên tại Bạc-liêu.

Người sáng tác bản vọng cổ chính là ông Cao-văn-Lầu tự Sáu-Lầu, quê ở Hoà-Bình thuộc tỉnh Bạc-Liêu. Đầu tiên, theo nghệ-sĩ Bảy-Nhiều khúc nhạc Vọng-cổ do ông Cao-văn Lầu chế biến, chỉ có mang tên là « *Dạ cổ hoài lang* » với ý nghĩa diễn tả tâm trạng người đàn bà xưa vô võ trông chồng đi xa vắng, đêm nghe trống canh mà bàng-hoàng tưởng nhớ chồng.

Rồi từ Vọng-cổ nhịp tư, dần dần các nhạc-sĩ khác phỏng theo mà chế biến ra nhịp 8, nhịp 16, cho đến nhịp 32, và 64 như bây giờ. Và người đầu tiên mở đầu cho giai đoạn phổ biến bản « *Vọng-cổ* » Bạc-Liêu từ thời đại chiến

thứ hai chính là nghệ-sĩ *Lư-hoà-Nghĩa* tức *Năm-Nghĩa*, cũng là người tỉnh Bạc-Liêu vang danh với bản «*Văng-vẳng tiếng chuông chùa*». Đến nghệ-sĩ *Nguyễn-thành-Út* tức *Út-trà-Ôn*, với làn hơi thiên phú và kỹ-thuật độc đáo, bản *Vọng cổ* vượt tiến sang thời hương-thịnh và cực-thịnh ở ngày nay.

Ông *Cao-văn-Lầu* tục gọi *Sáu-Lầu* nay hãy còn sống ở tỉnh Bạc-Liêu, tuổi đã trên 75. *Lư-hoà-Nghĩa* tức *Năm-Nghĩa* thì đã ra người thiên-cổ.

Lại đã có một đạo hầu như theo sáng kiến của thi-sĩ *Hà-huy-Hà* tự *Kiên-Giang*, người ta bầu ông *Sáu-Lầu* ra sân khấu tại rạp hát Quốc-Thanh làm chủ tọa cuộc thi tuyển lựa ca-sĩ vọng-cổ cùng khán-giả mộ điệu ca cầm, để người người biết qua lai lịch. Thậm chí báo chí hăm mộ còn đề xướng việc kêu gọi các nghệ-sĩ đã nổi danh nhờ bản *vọng cổ*, hãy giúp đỡ ông *Sáu-Lầu*, gọi là «*uống nước nhớ nguồn*» kể ra cũng vinh hạnh cho ông *Sáu*.

Chỉ cần sáng tác được một bản *vọng-cổ* tên tuổi đủ ghi vào lịch-sử sân-khấu kịch-trường, thơm riêng một người, mà cũng thơm lây một tỉnh. Vì hai chữ «*vọng-cổ*» thường đi kèm với hai tiếng «*Bạc-liêu*» mới nói lên được đủ ý-nghĩa. Khác nào thi-sĩ *Félix d'Arvers* bắt-tử với mỗi một bài thơ «*Sonnet*».

Trên đây chúng tôi đã đặc-biệt nhấn mạnh về nhạc-sư *Sáu-Lầu* với bản *Vọng-cổ* đã đề tiếng trong lịch-sử cầm ca, làm cho tỉnh Bạc-liêu được nổi bật trên vòm trời âm-nhạc nước nhà, qua các ca, nhạc-sĩ hữu-danh khai-thác thêm về sắc thái đẹp-đẽ du-dương của bản nhạc ấy.

Bản nhạc «*Vọng-cổ*» đầu-tiên, sáng-tác khoảng 1919-1920 đây bắc nhịp tư, xuất xứ từ Bạc-liêu đã đi vào lịch-sử, thiết-tưởng cũng nên ghi nhạc ký và lời ca lại đây, để qui bạn đọc được hiểu rõ hơn. Toàn bài 20 câu nhịp tư như sau :

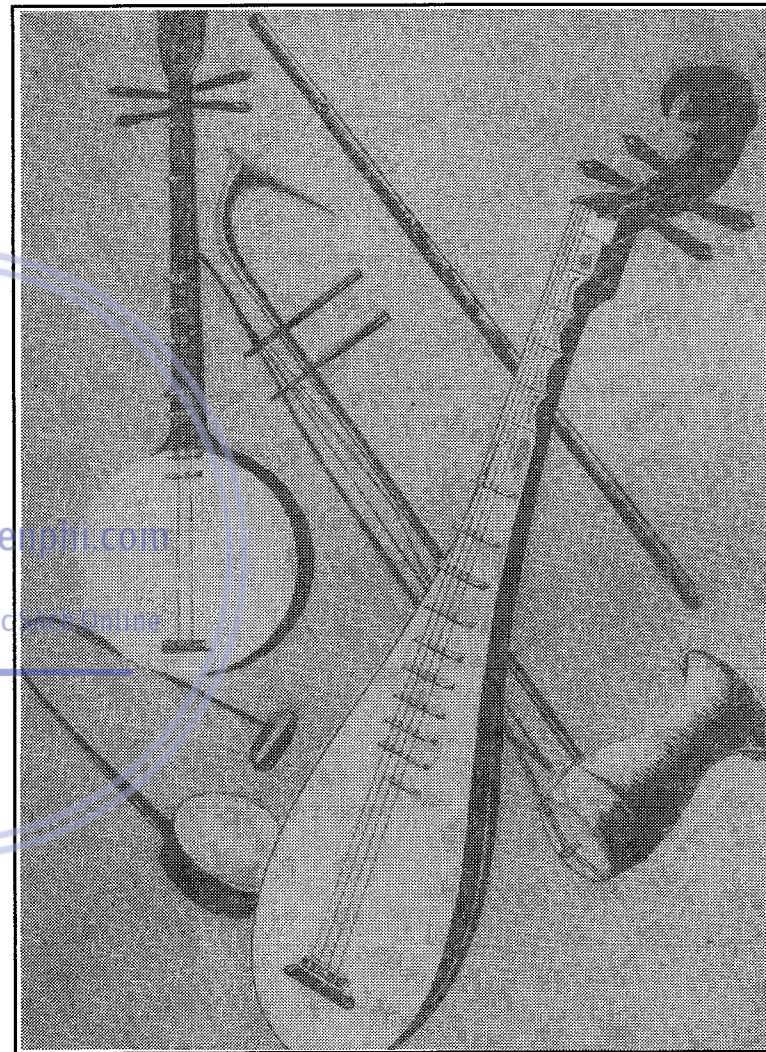
1. Hò là — xang xê cồng,
2. Ú liu cồng liu cồng xê xang,
3. Hò xê liu cồng xê xang là hò,
4. Xê xang xê xang là hò.
5. Liu xang u liu xang,
6. Liu xang xang xê liu ú liu,
7. Hò là xang xê cồng,
8. Xê liu xư cồng xê liu xư xang,
9. Hò xê cồng xê xang xư,
10. Xê liu xư cồng xê xư xang
11. Xư — xang xư cồng xê xang là hò,
12. Xê xang xê là hò xê la hò,
13. Cồng xê xang hò — xang cồng xê,
14. Xê liu xư cồng xê liu xư xang,
15. Ú liu cộng liu — cộng xê xang,
16. Liu xang xang xê phan liu ú liu,
17. Là xư cồng xê xang là hò,
18. Xê liu xư cồng xê liu xư xang,
19. Ú liu cộng liu cộng xê xang,
20. Liu xang xang xê phan liu ú liu. (1)

(1) Theo nhiều nhạc-sĩ, bài *Dạ-cổ hoài-lang* chịu ảnh-hưởng về nét nhạc của bài *Hành-Vân*.

Nhạc khí cổ điển Việt Nam

Lời ca :

Từ là — từ phu tướng
 Báu kiếm sắc phong lên dăng
 Vào ra luống trông tin chàng
 Và năm canh — mơ-màng,
 Em luống trông tin chàng.
 Ôi ! gan vàng thêm đau !
 Đường dầu xa ong bướm,
 Xin đó đừng phụ nghĩa tào-khang :
 Còn đêm luống trông tin bạn,
 Ngày mỗi-mòn như đá Vọng-phu.
 Vọng — phu vọng luống trông tin chàng,
 Lòng xin chờ phụ-phàng
 Chàng là chàng có hay :
 Đêm thiếp nằm luống những sầu tấy.
 Biết bao thuở đó — đây xum-vầy ?
 Duyên sắt cầm đừng lợt phai —
 Là nguyện — cho chàng :
 Hai chữ bình-an — bình-an
 Trở lại — gia-đàng,
 Cho én nhận hiệp đôi.



Tiêu, Tỳ Bà, đàn Nguyệt hay đàn Kim, đàn Cò, Song lang.

CÁC NHẠC-SƯ TÊN TUỔI

Về nhạc-sĩ cổ-nhạc có danh ở Bạc-liêu, ngoài một Sáu-Lầu nhờ sáng tác bản Vọng-cổ mà tên tuổi trở nên bất-hủ, hãy còn có Hai-Hứa, Sáu-Tửng, Mười-Khỏi, Hai-Nhuận, Sanh-Sía (người Tiều) v.v... với lắm bản sáng-tác khác.

Đặc-biệt là nhạc-sư Hai-Khị tục gọi Nhạc-Khị, rất mực tài-hoa.

Một mình *Nhạc-Khị* xử-dụng 4 món nhạc-khí Đâu, Bạc, Kèn, Phách tấu lên cùng một lúc, rất mực điêu-luyện, ai cũng khen-phục. Nhưng tiếc cho tài hoa mạng bạc, vì vương bệnh cùi mà *Nhạc-Khị* phải lui dần vào bóng tối. Chính ông đã sáng-tác bản nhạc « *Ngự giá đăng lâu* » và bản « *Ái tử kê* » ⁽¹⁾. Cái danh hiệu « hậu tổ » mà đời đã ban cho ông, tưởng đã đủ nói nhiều về tài danh ông lừng-lẫy thế nào.

Đồng thời với *Nhạc-Khị*, nhạc-sư *Bảy-Kiên* cũng được xưng tụng là hậu-tổ. Nếu *Nhạc-Khị* đã vì bệnh phong-đơn mà phải sớm lui, để ngậm-ngùi cho khách mộ-điệu không ít, thì *Bảy-Kiên* cũng khiến giới cầm-ca cảm-mộ vô cùng vì đoạn đời khá ly-kỳ của ông. Thuở thanh-xuân, ông vẫn khét tiếng là trang tài-hoa phong-nhã. Hềm vì cảnh ngộ lắm nỗi đau-thương sâu-hận, bao nhiêu tâm-sự ôm-ấp bên lòng, ông gởi thân nơi cửa thiền, rắp toan :

« Cửa thuyền một đóng duyên trần dứt,
Quên hết người quen chốn bụi hồng ».

(1) Các nhạc-sĩ còn chưa hẳn đồng-ý nhau về chữ *Ái-tử-kê* hay *Ai-tử-kê*. Thâm nghĩa bài này có ý tiếc thương số-phận đàn gà con mất mẹ, mà thương mến hay buồn-bã. Bài này được sáng-tác vào dịp vua Thành-Thái vào « Nam-kỳ », lúc xứ này đã mất vào tay người Pháp.

Nhưng lòng người muốn vậy, mà hoàn-cảnh có chiều dẫu. Trót đã vương mang nghiệp tài-hoa, thì «*nghệ-sĩ trót sinh giàu cảm lụy*» dẫu tàn thân-thể chưa dễ Bầy-Kiên quên được những tiếng nhạc lời ca đầy sức truyền cảm ru hồn hơn là câu kinh tiếng mõ. Chầy ngày vẫn không sao giữ sạch trần-duyên được, *Bầy-Kiên* lại bỏ lớp tu-sĩ, trở về khoác bộ cánh phong sương của kiếp tài-tử cầm-ca như cũ. Cố nhiên càng đa-tài đa-tình, càng dễ lụy thân. Nhưng dường như đã sẵn-sàng chịu trả quả nghiệp trót vương mang, lần trở lại cuộc đời tục lụy này, *Bầy-Kiên* hoàn-toàn say-đắm với nghiệp cầm-ca, không còn nhớ gì đến những ngày khoác áo cà-sa nơi cửa Phật nữa. Cung đàn, nhịp phách êm tai, lời ca giọng hát du-dương mê-mẩn, đêm ngày *Bầy-Kiên* say-sưa nấn tiếng tơ-dồng, cống-hiến khách mộ-diệu bốn phương nghe biết đến. Tận dụng công-phu và tâm-tinh chuyên nhất trau chuốt ngón nghề như thế, cho nên *Bầy-Kiên* được khen-ngợi, liệt vào hàng xuất-sắc kẻ cũng là xứng-đáng. Cho đến năm 1949, *Bầy-Kiên* mang bệnh chết tại nhà thương Chợ-Rẫy (Chợ-lớn), giới nghệ-sĩ đều bàng-khuàng luyến-tiếc.

Sau Nhạc-Khị, *Bầy-Kiên*, người xuất sắc đáng liệt vào hàng thứ ba trong giới nhạc-sư Bạc-Liêu, hẳn phải kể *Ba-Chột*. Mà nhạc-sĩ *Ba-Chột* lại chính là con *Nhạc-Khị*, thật là hổ phụ sinh hổ tử. *Ba-Chột* sáng tác nhiều bài bản mới như các bản «*Thuần-hoa, Liễu-giang, Mẫu-đơn, Huỳnh-ba, Vạn-thọ, Hoà-duyên, Cảnh-xuân, Tam-quan-nguyệt, Nhật-nguyệt*» được hầu hết nghệ-sĩ tán thưởng biệt tài của *Ba-Chột* là dờn đoản và dờn sến, ngón đàn khó có ai hơn.

Kể đó, phải kể *Ngô-mộc-Thái, Phú-Quới, Bùi-hữu-Tri, Tư-Biện, Tư-Nho, Tư-Bình, Năm-Nhỏ* đều là các nhạc-sĩ ưu tú của Bạc-Liêu. *Tư-Bình* điều luyện nhị hồ, có sáng-tác bản «*Hứng trung thịnh*» khá thâm trầm réo rắt. *Năm-Nhỏ* thì sở trường lục huyền cầm, ai ai cũng đều biết tiếng tài tình.

SOẠN-GIẢ NỔI TIẾNG

VỀ mặt soạn tuồng, Bạc-Liêu khét tiếng với một cố soạn-giả *Mộng-Vân* ⁽¹⁾. Ngày nay nói đến *Mộng-Vân*, giới soạn-giả không ai không tỏ niềm kính mộ chân thành cây bút lỗi lạc từng đào tạo cho đoàn Hậu-Tấn có căn bản vững-vàng về nghệ-thuật ca cầm.

Mộng-Vân mất sớm là một sự thiệt thòi chẳng ít cho Bạc-Liêu nói riêng, nền ca kịch nước nhà nói chung. Tài hoa và tư cách của *Mộng-Vân* chinh phục được cảm tình của khắp các giới, nhất là anh em văn nghệ sĩ ai cũng chẳng tiếc lời tán tụng *Mộng-Vân* qua các công trình của *Mộng-Vân* đã bồi đắp và xây dựng cho nền kịch nghệ nước nhà. Để thúc đẩy anh em văn nghệ-sĩ hăng say phục-vụ nghệ-thuật cầm ca — một bộ môn văn hoá dễ kích động tâm lý đại-chúng nhất — *Mộng-Vân* hằng khích lệ anh em ca nhạc-sĩ luôn luôn có óc cầu tiến, nhận chân sứ-mạng mình trên đường phụng-sự văn-hoá dân tộc. Sân-khẩu cải lương mấy mươi năm trước từng đã hấp dẫn lời cuốn được đông-đảo khách mộ điệu, chính do *Mộng-Vân* đã đóng góp phần nào về những tuồng tích đặc sắc, dàn cảnh linh động, thay đổi sân-khẩu có vẻ mỹ-thuật, tiến-bộ hơn xưa cho đúng với nghĩa tầm nguyên của hai tiếng «*cải-lương*». Về các bài bản cổ-nhạc canh tân, *Mộng-Vân* đã sáng-tác hay phóng-tác *Tân-xá-phỉ, Phong nguyệt, Sơn đông hướng mã, Tấn-phong, Bá-hoa, Quý-Phi tùy tửu*.

(1) Cố Soạn-giả *Mộng-Vân* còn người con kế nghiệp, lấy biệt hiệu là *Mộng-Vân-Tử*, hiện cộng-tác soạn tuồng với đoàn «*Trăng-Mùa-Thu*» và các đoàn hát lớn, được nổi tiếng lắm người biết.

Cùng một chí hướng với *Mộng-Vân*, còn có soạn-giả *Trịnh-thiên-Tư*. Nhiệt-thành yêu nhạc Việt, *Trịnh-thiên-Tư* rất tận-tâm xây-dựng nền âm-nhạc dân-tộc. Nào soạn tuồng hát, nào đặt lời ca cho các bài bản theo đường hướng phổ-biến lịch-sử nước nhà, *Trịnh-thiên-Tư* lúc nào cũng tỏ ra hăng say tô điểm sân-khấu cải-lương, phô-bày ý-chí toan thức tỉnh đồng-bào bằng sóng nhạc, lời ca chan-chứa tình-yêu đất nước, lay-động hồn thiêng dân-tộc.

Khoảng năm 1962, *Trịnh-thiên-Tư* cho xuất-bản quyển «*Ca-nhạc cổ-điển điệu Bạc-liêu*», nội-dung trình-bày gồm đủ các bài bản đã có từ xưa, thêm các bài canh-tân cổ-nhạc do nhóm nhạc-sĩ Bạc-liêu hợp-tác soạn thành (1). Đặc biệt, *Trịnh-thiên-Tư* sáng chế nhạc-ký mới, một thứ nhạc-ký mà *Trịnh-thiên-Tư* đã tha-thiết ngổ lòng: «... tuy hình-thức không giống nhạc-ký Âu-Mỹ, song có đủ các yếu-tố công-dụng dễ-dàng như tân-nhạc. Chúng tôi có nhĩ-ý hiến cho bạn đồng điệu dùng nó để vừa xem, vừa dờn, cũng như vừa xem, vừa ca, cho đỡ phải nhớ nằm lòng».

(CA-NHẠC CỔ-ĐIỂN ĐIỆU BẠC-LIÊU trang 14)

Ngoài việc sáng chế nhạc-ký mới, *Trịnh-thiên-Tư* còn sáng-tác một bản cổ-nhạc canh-tân, đề là «*Hận-tình*» (đây bắc 12 câu nhịp tư lời), và bốn bản *Đông-mai*, *Thu-cúc*, *Xuân-lan*, *Hạ-liên*, tiết-tấu du-dương thanh-thoát.

(1) Rất nhiều chi-tiết trong bài này đã rút trong cuốn sách của ông *Trịnh-thiên-Tư*.

NAM NỮ CA-KỊCH-SĨ LỪNG DANH

Đã là nơi xuất phát bản *Vọng-cổ đầu-tiên*, có nhiều nhạc-sur, nhạc sĩ tài hoa, có soạn-giả hữu-hạng so với các soạn-giả toàn-quốc, lẽ cố nhiên Bạc-liêu cũng là nơi có nhiều nam nữ ca-kịch-sĩ tài danh.

Kể về nữ ca-sĩ, ngoài một cô ba *Vàm-Lẻ* đã nhắc ở đoạn trên, Bạc-Liêu còn có cô *Hai-The* mà giọng oanh vàng từng làm say mê lòng thính-giả, mặc dầu nhan sắc cô kém sút hơn các nữ ca-sĩ khác. Đặc biệt cô *Thanh-Nga* cũng là một cây ca tốt giọng, khả ái đoạt giải Thanh-Tâm (1961). Em *Ngọc-Cầm*, một mầm non rất nhiều triển vọng với giọng ca ấm đúng điệu nhịp.

Nam ca-sĩ đáng kể có *Kim-Thanh*, *Ngọc-Vĩnh*, *Ngọc-Dương*, *Sanh-Lợi*, *Văn-Chương*, *Đỗ-Lộc-Châu*. Ấy là những hạt gạo cội trong giới cầm ca tỉnh Muối, làm cho ca nhạc cổ điển Bạc-Liêu vang truyền tầm tiếng xa gần.



Nghệ-sĩ Lư-hoà-Nghĩa

cố Giám-đốc đoàn Thanh-Minh Thanh-Nga
Xuất sắc trong bản vọng cổ Bạc-Liêu nhịp 32

Riêng về kịch sĩ, những ai hằng quan tâm đến kịch nghệ nước nhà, theo dõi hoạt-động của sân-khấu cải-lương, hẳn không lạ gì tên tuổi *Ba-Khuê*, *Năm-Nghĩa*, *Bảy-Cao* với các đại ban «Hữu-Tâm» — «Thanh-Minh» — «Hoa-Sen». Ba kịch-sĩ ưu-tú của nền ca kịch nước nhà, đều là người tỉnh Bạc-Liêu.

Ai cũng biết *Năm-Nghĩa* (*Lư-hoà-Nghĩa*) đã xuất sắc trong bản ca *Vọng-cổ Bạc-Liêu* nhịp 32 «*Văng-vẳng tiếng chuông chùa*» và *Bảy-Cao* với bài «*Viếng mồ bạn*» (thu-thanh vào đĩa Asia) làm cho người người bắt đầu có cảm tình với giới cổ nhạc ở Bạc-Liêu. Tên tuổi *Năm-Nghĩa*, *Bảy-Cao*, *Ba-Khuê* bắt đầu vang xa từ ấy. Bảng hiệu đoàn hát nào có tên ba người này nêu lên, thu hút khán-giả khá đông. Kịp khi *Năm-Nghĩa* chủ trương lập gánh «*Thanh-Minh*» (nay là Thanh-Minh Thanh-Nga), *Ba-Khuê* làm bầu gánh «*Hữu-Tâm*», *Bảy-Cao* điều khiển đoàn «*Hoa-Sen*», khách mộ điệu bốn phương càng hoan-nghinh nhiệt-liệt.

Ngoài ra, còn có đoàn *Phong-Sắc*, và *Ưu-Tiến* cũng là những kịch-sĩ có danh của Bạc-Liêu.

Thế là trên phương-diện nghệ-thuật cầm ca, sân-khấu cải-lương Bạc-liêu đã nghiêm-nhiên tiến xa hơn nhiều tỉnh khác. So với Định-tường và Vĩnh-long là hai nơi đã phát động trước hơn hết về nghệ-thuật «*ca ra bộ*» tức sân-khấu cải-lương ngày nay, Bạc-liêu chẳng kém sút gì cho lắm. Từ gánh cải-lương đầu-tiên, có rạp nhà là gánh «*Thầy Năm Tú*» thành lập ở Mỹ-tho, tiến dần cho đến ngày góp mặt của các đoàn Thanh-minh, Hữu-tâm, Hoa-sen của nhân-vật ưu-tú trong làng ca-kịch Bạc-liêu chủ-trương, sự tiến-bộ vượt bậc hẳn ai cũng công nhận.

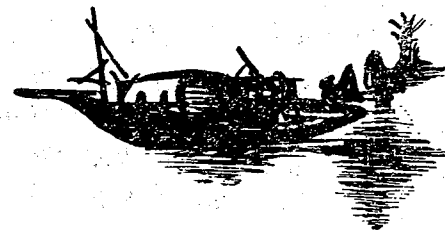
Lại luận riêng về mặt tường tích, dầu ngày nay giới soạn-giả đã có lắm cây bút tài hoa son trẻ không nhường

chỉ các bậc đàn anh, nhưng hẳn không ai có thể phủ nhận giá-trị của cổ soạn-giả *Mộng-Vân*. Xem thế, bao giờ người ta còn xem văn-đề chấn-hưng nền ca-kịch nước nhà là quan trọng về văn-hoá dân-tộc, chắc-chắn mỗi khi bàn đến bộ môn ca-kịch là phải nhắc đến tỉnh Bạc-liêu, nơi sản-xuất bản *Vọng-cổ đầu-tiên*, nơi cổ soạn-giả *Mộng-Vân*, và những kịch sĩ ưu-tú *Năm-Nghĩa*, *Bảy-Cao*, *Ba-Khuê* v.v... đáng mến.

Các nghệ-sĩ tài danh trên đây đều xuất thân tại Bạc-liêu, đem chuông đi đánh xứ người, với tài-hoa nghệ-thuật lưu-diễn khắp cả ba kỳ, từ Nam-Quan chi mũi Cà-Mau, làm sáng chói cho giới ca-sĩ nước nhà nói riêng, và cả các nước láng-giềng nói chung, thật là một điều vinh-hạnh cho nền Tân Cổ Nhạc Việt-Nam, ngày nay đã tiến-bộ rất nhiều trên mọi mặt, ngành này cũng đóng góp một phần quan trọng là phục-vụ Quốc-gia và đại-chúng.

Bài này, chúng tôi nói qua đại-cương của giới ca cầm và bộ-môn sân-khấu một phần nhỏ đó thôi, không thể đi sâu vào chi-tiết.

Loại sách sưu-khảo, phải cần tìm hiểu qua nhiều cốt chuyện khác của tỉnh này, vì lẽ đó mà chúng tôi phải trình bày sơ-lược, xin bạn đọc thứ lỗi cho.



VỀ ĐẸP BẠC-LIÊU CÀ-MAU QUA THI CA

Dưới mắt văn-nhân, thi-sĩ.

TRONG số các nhà văn nhà thơ của miền Hậu-giang kể ra có tình có nghĩa, có thủy có chung nồng mặn với Hậu-giang, hẳn không ai không biết đó là nhà thơ Kiên Giang Hà-huy-Hà, một nhà thơ ở miền Nam được nhiều cảm tình với độc-giả bốn phương. Anh đã sáng tác rất nhiều thi văn đăng trong báo chí và sách vở, nói lên cái hay cái đẹp của quê-hương để tặng người biết yêu Hậu-Giang. Kiên Giang ca ngợi «*Đẹp Hậu-Giang*» qua sắc thái từng vùng từng xứ, mặc dầu anh là người ở Kiên-Giang (Rạch-Giá), đặc biệt (Bạc-Liêu và Cà-Mau) được nhà thơ nhắc nhở «*mặn nồng*» đúng với tánh chất của xứ Muối và xứ Than được có danh :

*Đáy Hậu - Giang, đáy Hậu - Giang,
Nhánh sông gần bó Cừu-long-Giang,
Phù sa cuộn chảy trong dòng nước,
Khói sóng hoà hơi thở xóm làng.*

*Nơi đây đời sống thanh - bình lắm,
Với đất phì nhiêu nước Hậu-Giang.
Vú sữa Cần - Thơ căng ý mộng,
Sầu riêng Long-Mỹ nhớ mang mang ...*

*Muối Bạc - Liêu mặn tình biển cả,
Tiêu Hà - Tiên nồng ý quê hương.
Thơm tho khói thuốc mùi Cao-Lãnh,
Cá cháy bùi ngon vị Sóc - Trăng.*

*Gạo móng chim thơm mùi rạ ngọt,
Nấu nôi Hòn Đất, lò Hòn-Me.
Chum than đượm lửa lòng cây đước,
Ồi lửa Cà - Mau đẹp ý quê.*

Hồn thơ đã lay-động sóng tâm-tình, yêu quê-hương bao nhiêu, thi-sĩ càng nung-nấu lòng yêu người đẹp của quê-hương tha-thiết bấy nhiêu qua hình bóng dân quê chất-phác :

*Tàu mạt cột em chằm nón lá,
Anh đội đầu, che nắng chang-chang.
Sáng cây, khuya cấy, chiều phăng lưới,
Anh nhớ tâm tình gái Hậu-Giang.*

*Năm nao thiếu áo không mừng ngủ,
Sao nhớ bàn tay gái Thất-Sơn...
Đêm tối ... nhờ bâng đương đêm nóp,
Mặc cho tiếng súng vọng bên đồn.*

*Qua mùa nước nổi ... vùng Châu-Đốc,
Nhớ là Cà-Mau, với lóng tre,
Cộng choai U-minh thương nước lác...
— Đền khuya mới sáng giữa nhà bè.*

Tình càng thấm-thiết, ý càng nung-nấu niềm ấp-ủ sống chết với quê-hương, sẵn-sàng hoà hồn mình vào hồn quê, chặt máu tim mình làm sinh động-mạch đất khắp vùng Hậu giang trong cảnh trạng đau-thương thầm lặng :

*Hòn - Tre, Phú - Quốc dù xa bãi,
Vẫn nổi tình thương mảnh đất liền.
Nước biển phù sa trào máu đất,
— Đắp bồi cho máu trở về tim.*

*Nếu thiếu lá dừa soi bóng nước,
Thiếu bóng lúa trổ, búp măng tre,
Cánh diều không vút trên lưng gió,
Thì chết trong lòng những ý quê !*

*Nếu có thôn - nữ ngừng câu hát,
Nếu bạn thương hồ bật tiếng ca.
Nước bạc trường giang không chảy nữa,
Hoa bần thôi rụng xuống phù-sa !*

Nhớ lại năm nao, ngày chạy loạn,
 Hậu-Giang trầm mặc giữa niềm kinh.
 Mùi diêm thuốc súng mờ hương khói,
 Chuông vọng niềm đau khóc thái-bình.
 Trở lại xóm dừa, mùa lửa loạn,
 Ngồi trên bến cũ lắng không gian...
 Vô tình tôi vớt trong dòng nước,
 Giọt lệ miền Nam, máu Hậu-Giang.

Nước chảy một dòng ra biển cả,
 Vẫn mang tình nước Cửu-long-Giang.
 Sông ơi ! dù nước ra khơi biển,
 Vẫn nhớ chan hoà nước Hậu-Giang.

Ngâm xong toàn bài «*Đẹp Hậu-giang*», nếu quý bạn đã cảm thấy yêu Bạc-liêu «*mặn*» (muối), Cà-mau «*nồng*» (than) nói riêng, và toàn-thể Hậu-giang nói chung, bạn sẽ càng cảm thấy yêu Cà-mau chan-chứa hơn nữa, với bài thơ «*Đốn củi*» :

ĐỐN**CỦI**

Rừng nho chen chúc đã từng qua,
 Đốn củi không quen mặt sức ta.
 Búa nguyệt sẵn dành vanh cội đước,
 Gươm linh chi sá chém cây dẻ.
 Đoạn ngay chi dốc hăng kinh chín,
 Khúc vạy phòng toan để chặt ba.
 Vẫn vô bao nhiêu ta để đó,
 Phòng khi có nước sẽ đem ra.

Bài thơ của ai làm không rõ. Nhận xét kỹ, hẳn ai cũng thấy ẩn ý của tác-giả muốn nói gì. Rõ ra tác-giả là một nhà nho xưa, một chí-sĩ, chưa gặp thời thế nên đành phải giấu tâm-tư mình dưới lối gả tiếu. Câu thúc kết «*Vẫn vô bao nhiêu ta để đó*», phải hiểu theo nghĩa chữ «*Văng*» (có g), và chữ «*Vô*» (dấu hỏi thay vì dấu ngã), nghĩa là đập cho vỏ cây văng ra mà để dành đó, rồi lại hàm nghĩa tài

Cảnh đẹp trên sông Bạc Liêu



ĐÊM THU NHỚ BẠN

Nhìn đây trường giang luống ngậm ngùi,
 Đêm Thu thơ thần thả thuyền chơi.
 Trời treo màn rách sương rơi lụy,
 Nước cống trắng leo sóng bật cười.
 Văng vẳng Hồ và cao thấp giọng,
 Véo von Đỗ Vũ mới mồn hơi.
 Ngược giòng nên phải neo thuyền lại,
 Để đợi chờ ai nhắn những lời.

Sa-Đéc, Aug 12, 2015

gồm văn võ mà còn phải «*để đó*» mà chờ lúc dùng đến, thâm-thủy biết bao. Mà chờ đến bao giờ ? Chờ khi «*có nước sẽ đem ra*». «*Có nước*» ần ý chờ lúc nước nhà thoát cảnh lầm than nô-lệ. «*Đem ra*» là đem tài văn võ ra phục vụ đất nước đồng-bào. Mà «*dem ra*» theo nghĩa trắng trong thơ, là đem đám vỏ cây ra... nhúm lửa nấu nước khi có nước, ý-từ cao-diệu cực-kỳ.

Ai chẳng biết Cà-mau là vùng rừng sát quan-trọng nhất của Việt-Nam. Đốn củi trong rừng sát, dẫn thân nơi Cà-mau thuở xưa đầy khổ-ải, nuôi chí, đợi thời, thật là hình ảnh bậc trượng-phu lỗi-lạc, khắc-khổ, kiêu-hùng. Đẹp cho người đã sáng tạo áng thơ, thật chí hiên-ngang, mà cũng thơm lây cho Cà-mau đã ấp-ủ linh-hồn ấy — linh-hồn của con dân nói được tinh-thần bất-khuất của dân-tộc, lấy nơi đất hiểm làm cái thế đứng, sẵn-sàng chống bất-công bất-cử từ đâu đến.

Giờ đây hẳn bạn đã yêu Cà-mau thêm lên qua bài thơ «*Đốn củi*», đầy ý-chí quật-cường của người xưa ! Bạn sẽ ~~tăng thêm~~ niềm yêu-mến và không thể không xót-xa đến cùng cực vì hình ảnh Cà-mau thân yêu kia có lắm nỗi đau thương tê-tái. Vì... bạn ơi ! thật ra, Cà-mau ngày trước đã mang bộ mặt âm-u thảm-não thấy mà chạnh lòng, dưới ngòi bút vẽ-vời của học-giả lỗi-lạc Phan-Khôi.

Vào khoảng mùa thu năm 1927, đau nỗi đất nước chìm đắm, Phan-Khôi ôm lòng u-uất vào ở chơi tận... trong rừng Cà-mau với một bạn thân. Khu rừng này thuộc xóm Tân-bình, mặt trước rừng là con sông Tân-bình, không có đường sá gì cả. Bên cạnh khu đồn-diên của người bạn Phan-Khôi có một cái rạch gọi là «*Rạch Tân-trào*», nơi thuở trước chúa Nguyễn-Ánh lần tránh Tây-sơn.

Sau một buổi bơi thuyền trên sông Tân-bình, xúc cảnh sanh tình, lâng-lâng cảm-khái động hồn thơ.

Khéo diễn-tả những cảnh ghê-rợn quanh vùng đề bộc
lộ nỗi buồn man-mác của mình, hồn thơ của Phan-Khôi
cực-kỳ linh-động :

Eo đất vắt rừng già ra nước,
Thành con sông xanh biếc dài ghê.
Khỉ ho cò gáy tư bề,
Ai đem ta đến chốn này mà chi ?
Kể từ thuở gian nguy từng trải,
Bước giang-hồ bước mãi không thôi !
Mảnh thân còn chọi với đời,
Hiềm nghèo là bạn, boi vui là nhà.
Cảnh hiu-quạnh, có ta, có chủ,
Bằng không ta, nào phụ hoá-công,
Vẽ ra cái cảnh lạ-lùng,
Mà cho cọp bề, cá đồng hay sao !
Xuồng ba lá đầu nào chàng Thồ.
Rượu để đem theo mở lưng bầu.
Mũi chàng trước, lái ta sau,
Mái chèo khoan nhứt con trào ngược xuôi.
Kìa xa thăm ngùi ngùi trông ngút,
Bực thuyền câu vùn-vụt ngang dòng.
Nguồn Đào có phải đây không ?
Vùng Lương-sơn phưởng-phất cùng là đây.
Lổ túp lá chùm cây đen sạm,
Vào càng sâu càng lắm vẻ u.
Cảnh dứa lá thối hu-hu,
Chim về ở hót, vượn ru con chuyền.
Bỗng cái sạt bên triền, hùm vọt,
Bực sáng loà ngọn đuốc ma trôi.
Ó vùng đây, khỉ reo cười,
Trăm yêu ngàn quái đề người mà trêu.
Thoáng trước mũi giá chèo toan đánh,
Lái bát ngay phòng tránh cơn nản.

Thấy kia con rắn hổ mang,
Vượt sông nổi sóng băng ngàn như tén.
Thoạt dưới nước trồng lên cây trụ,
Hắn đây rồi cá sấu nguýt đuôi.
Trăm cái sợ cướp cái vui,
Tôi đã chẳng tiên, muốn lùi chổ e...

Dưới ngọn bút tả cảnh tuyệt-diệu của Phan-Khôi, Cà-
mau thuở trước là chốn khỉ ho cò gáy, vào càng sâu càng
lắm vẻ u-tịch. Rồi nào cọp, nào đuốc ma trôi, rắn hổ-mang,
sấu, «trăm yêu ngàn quái, đề người mà trêu».

Xót-xa cảnh chừng nào, càng nghĩ thương thân-thế
người đã dẫn thân chốn hiểm vì phần chi :

Tâm u bước đã quá xa,
Canh khuya, sương nặng, liệu mà về đi.
Xoàng hơi lúc khi cười mãi,
Tóc phất-phơ đường trải bóng trắng.
Giữa dòng chiếc lá tung-tăng,
Lăn dò lối cũ băng-khuàng chạnh niềm.
Gầm thân-thể ba chìm bảy nổi,
Lại phen này lạc lối tới đây,
Một đêm cảnh vội đổi thay,
Rời ra sao nữa sau này trăm năm ?
Ngâm mảy vận tạm làm du-ký,
Chép gửi người tri-kỷ đường xa.
Người như rõ biết ý ta,
Thì nắng chén rượu mà ca khúc này.

Cảnh nhờ khách tài-hoa, đề thơ kiệt-tác mà cảnh được
lưu bóng muôn đời. Người nhờ cảnh thể-lương thâm-não
mà nung-đúc thêm chí-khi cang-cường, nuôi lòng thương
nước yêu quê. Ba bài thơ trên đây, nếu qui bạn nhận là
hay, muốn ghi muốn nhớ, hẳn là qui bạn cũng sẽ không
quên Bạc-liêu Cà-mau với những hình ảnh trung-thực đã
diễn-tả trong thơ nhĩ.

NHỮNG THỒ-SẢN ĐỊA-PHƯƠNG DANH TIẾNG QUA CA-DAO

BẤT-CỬ địa-phương nào, cũng đều có ít ra là một đôi món ngon vật lạ của vùng mình, để giới-thiệu với thiên hạ bốn phương. Cần-thơ hãnh-diện với quit, Biên-hoà nổi tiếng với bưởi, Bến-tre mang danh xứ dừa v.v... đến nỗi người dân địa-phương đã có những lời ngắn, gọn, dễ truyền tụng, gần như là tục-ngữ ca-dao : quit Cần-thơ, bưởi Tân-triều (hay Biên-hoà), cam Cái-bè, mận hồng đào Trung-lương, nhãn Bạc-liêu, tôm cá ở Long-xuyên v.v...

*« Ghe phen qua nói với diều,
Cù - lao ông Chưởng có nhiều cá tôm ».*

Cá tôm ở cù-lao Ông Chưởng có nhiều đến đôi quạ với diều nhủ cho nhau biết để tìm tới đó, hình-thức truyền-tụng khéo biết bao.

Hay đàm binh-dân khích-lệ nhau :

*« Tháng giêng com nước ra hòn,
Muốn ăn trứng nhận, phải lòn hang mai ».*

Hang mai, chữ « mai » ở đây không phải là chỉ đoá hoa nở lúc Đông về Xuân tới, và hang mai chẳng phải hang có những giống hoa thần đáng mê say. Mà « mai » chỉ là nói về đám con cháu... loài hàu, muốn ăn trứng nhận thì phải chịu khó chui lòn qua những hang đầy-dẫy loài khỉ ần náu đấy thôi.

Bạc-liêu Cà-mau, kể ra có biết bao điều đáng ngợi. Ngoài sự nổi danh xứ muối, hay đặc-diểm trào lộng « dưới sông cá chớt, trên bờ Triều-châu », thồ-sản Bạc-liêu vẫn hằng được truyền tụng qua những câu ý-vị. Trong quận Vĩnh-châu, nức tiếng với nhãn, và dưa hấu :

Đây là hình ảnh một cô gái năm xưa ở xứ muối. Trên gương mặt lộ vẻ ngây-thơ duyên-dáng, đôi mắt long-lanh hiền-hoà đầy tình-cảm.

Cô đã nói lên tấm lòng yêu-đương chung-thủy qua tiếng nói quê mùa chất-phác.

Cô không ngần-ngại giới-thiệu cho người trai xứ khác biết qua những thồ-vật của quê-hương, từ sắc-thái, dệt nên những vần thơ êm-địu tình-tứ xuất-phát tự đáy lòng...

CÔ GÁI BẠC-LIÊU NĂM XƯA



GÁI CÀ-MAU MONG TRAI HAI HUYỆN

*Nghĩa mặn mà lòng em đà đậm,
Xứ Bạc-Liêu Ba-Thắc muối ngon,
Tình thơm - tho trăm năm vẹn giữ,
Như Vĩnh-Châu mùi Nhãn ngon lành.*

*Nguyện gần bó lòng em son đỏ,
Như mĩa Trà-Nho dưa hấu Rạch-Đình.
Tình đượm nồng Năm-Căn than đước,
Da mỡ màu như lúa Ngã-Năm.*

*Em yêu anh, người trai hai Huyện (1)
Em mong anh bước tới gia-đình.
Tiệc tân-hôn em dọn đồ hải-sản,
Hào, mực, sò, tôm lụi, rùa, cua.*

*Nào cua kinh Già - Rai gạch béo,
Nào yến sào Đá - Bạc chọn quí.*

(1) Người xưa ở Huyện Long-Xuyên (Cà-Mau) gọi người xứ khác đến là trai hai Huyện.

Đền tân-hôn sắp U-Minh sẵn có,
Em hồi môn bằng chiếu đẹp Cà-Mau.

Dón ⁽²⁾ U-Minh tiết đồng sưởi ấm,
Đất Tân-Bằng củi đượm than nồng.
Trăm năm em giữ chữ đồng,
Bố kinh vẹn phận chỉ hồng se sẵn.

Gái Bạc-Liêu hiền hoà chất phác,
Gìn một lòng son sắt không phai.
Vẽ rồng thêu phượng mặc ai,
Thề không mặt một dạ hai với chồng.

Phần thứ sáu



ĐỊA-PHƯƠNG QUA CA-ĐAO

Đất Bạc-Liêu muối tên Ba-Thắc,
Nhân cơm dầy dễ lột thơm ngon,
Dưa-Hấu cát nhiều mỏng vỏ,
Mía Trà-Nho ngọt gắt có đầu bằng,
Miền Giá-Rai con rắn hồ lội dày,
Cua kinh, Chim, chuột, tôm tươi, lụi đều,
Nơi Phước-Long cá đồng, đĩa đặt,
Lúa ngập đồng thơm rục khắp nông thôn,
Than Năm-Căn, chiếu miền Tân-Duyệt.
Mật U-Minh, khoai ngọt chốn Trà-Bang,
Dưa Bà Cai, nổi tiếng khắp làng,
Ba khía Rạch gốc có đầu dăm sánh,
Đầm Bà Tường là nơi sấu lách,
U-Minh-Hạ sân chim tràn ngập đất,
Mổp U-Minh là nguồn lợi nhất,
Choại Cà-Mau dọt mặt cật dặt ngào,
Cá Thác-lác sông Cái-Tàu đục nước,
Đất Tân-Bằng là đất than đun nước,
Xứ Cái-Keo khoai, sắn, cải, rau, hành,
Nơi Mũi-Đước, Mũi-Tràm cua rùa khi.

downloadsachmienphi.com

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

BẠC-LIÊU NGÀY NAY
TRÊN ĐƯỜNG PHỤC-HƯNG

(2) Dón là những lá cây rụng xuống đất sinh lây lâu ngày trở thành một thứ khoáng-sản than đất đốt cháy, loại than này chưa được khai-thác.

ĐƯỜNG XUÔI HẬU-GIANG VỀ TỈNH MUỐI

BẠC-LIÊU, Cà-mau nằm ở dãy chót đất miền Nam trong dư đồ nước Việt, và cũng là tỉnh sau rốt của vùng Hậu-giang. Thậm chí khi xưa có người đã lần-thần ghép tên tắt của hai mươi tỉnh miền Nam sao cho dễ đọc dễ nhớ, cũng đã khéo ghép Bạc-liêu, Cà-mau ở sau rốt cho đúng thể : **G**ia (định), **C**hâu (đốc), **H**à (tiên), **R**ạch (giá), **T**rà (vinh), **S**a (đéc), **B**ến (tre), **L**ong (xuyên), **T**ân (an), **S**óc (trắng), **T**hủ (dầu một), **T**ây (ninh), **B**iên (hoà), **M**ỹ (tho), **C**hợ (lớn), **B**à (rĩa), **V**ĩnh (long), **G**ò (công), **C**ần (thơ), **B**ạc (liêu), **C**à (mau).

Bạc-Liêu tuy đứng sau rốt, mà giá-trị đáng liệt ở hàng đầu. Vì nguồn lợi của tỉnh này, ngoài những ruộng lúa có bay thẳng cánh, ruộng muối, vườn nhãn v.v... mà ai cũng biết tiếng, còn có hải-sản, lâm-sản toàn đem lại cho quốc-gia những con số lợi-tức lớn-lao, thu-hoạch đáng kể về mặt kinh-tế.

Bạn đã viếng tỉnh Bạc-liêu lần nào chưa ? Xin mời bạn.

Con đường từ thủ-đô xuống Cần-thơ hẳn bạn đã biết rành. Hoặc bạn đi xe suốt từ thủ-đô xuống thẳng An-xuyên, (Cà-mau) hoặc bạn đi xe chuyền, từ thủ-đô xuống Cần-thơ rồi sang xe khác, từ Cần-thơ xuống thẳng Bạc-liêu, bạn sẽ lần lần cảm thấy mến Hậu-giang vì những cánh đồng bằng, những ruộng lúa, những thửa vườn giăng giăng mùt mắt, nói lên sự trù-phú thịnh-vượng trong thuở thanh-bình.

Theo quốc-lộ số IV đến Bạc-liêu, hai bên đồng ruộng mênh-mông, nếu bạn đi vào vụ mùa lúa chín, bạn sẽ thấy bâng-khuâng, một mối thương quê cha đất tổ, vốn là mảnh đất của dân-tộc chuyên nghiệp, qua hình ảnh đám nông-dân cần lao nhẩn-nại, mà Hậu-giang là tượng-trưng. Rồi từ bâng khuâng cảm-khải, bạn sẽ yêu-mến người nông-dân sông Hậu và tất-cả đồng-bào miền tây, vì hình-thức quê mùa mộc-mạc, mà bạn hẳn có lúc chế diễu là đồng « Phèn », nhưng tâm-tư thì chân-thành chất-phác biết bao.

Thỉnh-thoảng theo bờ kinh, bạn mục-kích những thửa vườn nhỏ ẩn hiện, hoặc phía trước, hoặc phía sau, hay hai bên hông của từng ngôi nhà cất rải-rác, kang-trang, khoảng khoát, bạn mới thật sự cảm thấy thêm yêu thú-vị đồng quê, hoa ngàn cỏ nội mơn-man duyên gió ruộng đồng.

Gần tới tỉnh Bạc-liêu, về phía hữu, có phi-trường quân sự. Phi-trường quân-sự, thì chẳng có gì lạ với bạn, vì hẳn bạn đã từng thấy nhiều nơi ngày nay đều có. Nhưng một phi-trường ở vào vị-trí một tỉnh ruộng đất bao-la bát-ngát, lại có sắc-thái đặc-biệt đáng ngắm nhìn hơn cả. Vì giữa khoảng trời đất mênh-mông, đột-ngột công-trình nhân-tạo xây-dựng lên rất mực độ-sộ, hùng-vĩ, thể mới nổi bật cơ-cấu phòng-thủ, bảo-vệ non sông khi biển trắc. Từng đoàn chim sắt bay lên đáp xuống, đi đi về về rộn-rịp một góc trời, bạn sẽ phải hồi tưởng đến khu điều-đỉnh, tức khu vực sân chim của Bạc-liêu, Cà-mau xưa, mà bạn chắc cũng có lúc nghe nói đến. Và ngay trong quyển « *Bạc-liêu xưa và nay* » của chúng tôi trình-bày dưới mắt bạn đây, nơi phần di-tích thắng-cảnh, chúng tôi đã có nói nhiều về sân chim, một nguồn lợi thiên-nhiên của Bạc-liêu xưa, rất tiếc không còn nữa ! Cơ-khí trong đời văn-minh khoa-học đã vô-tình xua lẩn hăng đám chim khổng-lồ kia đi mất. Chỉ còn qua đàn chim sắt trong khoảng sân cát sỏi, gợi nhớ cho chúng

Đại lộ Độc Lập



Một con đường lớn nhất ở Bạc Liêu, nối liền Quốc lộ số 4, chạy thẳng xuống trung tâm thành phố. Mỗi khi trong tỉnh có làm lễ, chọn đại lộ này làm nơi khánh tiết.

Ảnh Viễn Đông
(Bạc Liêu)

ta chút hình ảnh xa xưa ấy. Buồn vui lẫn-lộn xáo-trộn tâm tư, ngồi trên xe miên-mãn nghĩ-ngợi, để sống phút giây hoài-cổ, nghiện-kim, âu cũng là một điều thích-thú, giết được thì giờ trong khoảng đường xa.

Từ phi-trường, xuống tỉnh độ 2 cây số ngàn, hai bên nhà cửa dân-cư thưa-thớt. Điều ấy cố nhiên phải chẳng bạn. Khu vực cần bảo-đảm an-ninh, nhà cửa dân-sự đành phải dời xa khoảng cách. Có như thế, mới tăng thêm vẻ nghiêm-trọng của khu quân-sự ở vào thời-đại chiến-tranh bằng cơ-khí tối-tân, điển-hình là đàn chim sắt nhân-tạo với sản chim khoa-học.

Xuống tới ngã ba, quẹo qua tay mặt là đường đi Cà-mau. Nơi góc ngã ba này, tọa-lạc ngôi cổ miếu Tiên-sư thờ các vị anh-hùng liệt-sĩ vị-quốc vong-thân.

Khéo thật. Sắp vào châu-thành, đã thấy ngay nơi tưởng niệm những bậc người cứu nước, dựng nước, có công ơn với đất nước đồng-bào, hình ảnh ấy cũng khiến cho du-khách thêm cảm thấy yêu-mến Bạc-liêu lẫn nhân-vật cổ, kim, đã đang và sẽ nối tiếp nhau xây-dựng một phần đất của non sông dân-tộc hơn bốn ngàn năm văn-hiến.

Xuôi theo đại-lộ Độc-Lập, thẳng xuống trung-tâm tỉnh-ly. Kia bên mặt là Tổng-hành-dinh Tư-lệnh sư-đoàn 21 bộ-binh đóng, đối-diện là Ty Bưu-diện, Toà Hành-chánh, và Ty Ngân-khố, kể tới bến xe đò, bên tay mặt là khu thương mại, chợ búa bên tay trái. Nếu bạn muốn đi ra biển, vùng ruộng muối và vườn nhãn thì phải đi thẳng thêm 5, 6 cây số ngàn bằng xe lỏi. Còn đi Vĩnh-châu thì quá giang xe đò thêm 30 cây số ngàn nữa.

Đến cả hai nơi nói trên, đều phải đi qua cây cầu sắt, bắt ngang sông Bạc-liêu cách bến xe đò độ non trăm thước, mà hằng ngày ghe tàu tấp-nập vận chuyển hành-khách và hàng-hoá đến tận các xã xa-xôi trong tỉnh.

Xe dừng tại bến. Hình ảnh châu thành Bạc-Liêu đã pho bày, tha hồ bạn thâu vào ống ảnh nếu bạn có máy ảnh đem theo. Nhưng chắc rằng bạn sẽ thâu được rất nhiều hình ảnh đẹp vào ống ảnh thiên-nhiên, đôi mắt quan-sát tinh-tế của bạn đề rồi ghi nhớ mãi, lưu-luyến mãi với bao cảm tình mà bạn sẵn có, đối với Bạc-Liêu là xứ quê mùa, nhưng quê mùa bởi chất-phác, quê mùa mà nổi tiếng giàu có, vì đồng-bào hầu hết cần-cù siêng-năng với công việc đồng áng «*Bao nhiêu tấc đất tấc vàng bấy nhiêu*» không gì đúng bằng, dân tỉnh muối đáng được đề cao, quý mến.

TRÊN ĐƯỜNG PHỤC-HƯNG KIẾN-THIỆT

DÙNG danh-từ «*Phục-hưng*» để nói lên các tỉnh nào khác thì e rằng không đúng. Nhưng bảo rằng Bạc-liêu đang trên đà phục-hưng thì chẳng phải nói ngoa. Thật thế, suốt 9 năm bị «*phế*» xuống hàng quận ly, thua cả Cà-mau, hình ảnh Bạc-Liêu đã ủ-rũ không kém gì hàng phi-tần phai lợt sắc hương đã bị đấng quân vương ghẻ lạnh. Nay được phục hồi phong độ cũ, lại theo đợt kiến-thiết khắp các tỉnh đang làm, Bạc-Liêu hưng vượng chẳng mấy hồi.

Giá sinh hoạt trong tỉnh lại không mấy đắt-đỏ như các tỉnh khác, đời sống dân chúng nhờ thế được dễ chịu. Người người đều có vẻ hân-hoan.

Khắp nơi trong tỉnh, hàng ngàn nhân công hoạt-động rộn-riếp. Qua sự chỉnh-trang thị-xã quận-ly, cả về ngoại-ô cũng náo-nức tu bổ lại nhà cửa ; lại qua ánh mắt nụ cười dân chúng đủ các giới, Bạc-Liêu nói lên một cách hùng biện về sự ấm no của nhân-dân toàn tỉnh, sự trù-mật của đất-đai được khai thác triệt để, tăng năng xuất hoa mầu, tăng vẻ mỹ-quang tân tạo.

KINH-TẾ

NGUỒN LỢI KINH-TẾ ĐẦY HỨA HẸN

CHỢP búa phổ phường buôn bán tấp-nập. Từ tiệm tạp-hoá nhỏ đến hăng, xưởng lớn, trưng bày đủ các mặt hàng, sản phẩm, chẳng thiếu thứ gì. Công, kỹ-nghệ phát-triển đúng mức, thanh hành vượt bậc.

Đặc biệt ở chợ Bạc-Liêu bán đủ thức ăn miền biển, bong bóng cá, cua, sò, hào, hến, tôm-khô v. v... Du-khách sành ăn, nếm hương vị thức ăn miền biển của tỉnh này trăm người như một đều cảm thấy thích khẩu. Đã thế bãi cát Vĩnh-Châu dầu chưa được mở-mang nhưng các vườn nhãn ở dài theo dẫy, và bao cảnh trí hấp-dẫn đã quyến-rũ khá nhiều du-khách khiến cuộc thương-mại được bành trướng, nguồn lợi gia tăng.

Phần đông dân-cư sống về nghề nông và ngư-nghiệp thành phần liệt kê như sau :

Có khả-năng về nông-nghiệp	68 %
Có khả-năng về ngư-nghiệp	12 %
Có khả-năng về tiểu công-nghiệp	10 %
Có khả-năng về các nghề khác	10 %

Về ngư-nghiệp, ngư-phủ toàn tỉnh có đến 14.920 người, hải-ngư 1.900 người. Công cụ để xúc tiến nghề-nghiệp gồm có 482 người có ngư-thuyền có động-cơ, 2.530 chiếc ngư-thuyền không động-cơ.

Về nông-nghiệp, với tỷ-lệ 68 % dân chuyên về nghề nông với khả-năng canh-tác, đưa đến năng suất lúa mỗi mẫu được 1 tấn 600, trong toàn-thể diện-tích ruộng cày cấy trên 400 ngàn mẫu, cộng với diện-tích hoa màu phụ như : bắp, khoai, rau cải ; cây ăn trái gồm non 600 mẫu nữa, đủ chứng-minh Bạc-liêu quả là vừa thóc miền Nam.

Còn thêm diện-tích ruộng muối :

Quận Vĩnh-lợi có 1.382 mẫu. Quận Giá-rai có 544 mẫu.

Tóm lại nguồn lợi nông-sản, hải-sản, lâm-sản rất mực dồi-dào như thế, một mai thanh-bình trở lại trên đất nước, dân-chúng thêm phần-khởi dốc toàn-lực đẩy mạnh cuộc thi đua làm cho dân giàu, để nước nhà được hùng-cường, Bạc-liêu chắc chiếm đầu công.

VÀI NÉT ĐẠI-CƯƠNG VỀ BẠC-LIÊU TRÊN ĐƯỜNG PHỤC-HƯNG KIẾN-THIẾT

NỀN kinh-tế vững-chãi nhân-dân ấm-no sung-túc ấy là điều đem lại cuộc trị bình, chính-quyền sẽ được thanh-thản trong sự điều-khiển guồng máy hành-chánh, mưu hạnh-phúc an-ninh cho đại-chúng.

Toà hành-chánh, là cơ-quan đầu não của chánh-quyền tỉnh, là mái nhà chung của nhân-dân tới lui mỗi khi có việc chi cần đến thủ-tục giấy tờ. Toà hành-chánh, nay đã xây cất lại, ở mé sau rộng-rãi hơn, tuy không đẹp, nhưng so với toà hành-chánh các tỉnh khác, có thể tương-đối với bộ mặt khiêm-tốn dễ coi. Về sự điều-hành công-vụ cũng có vẻ khả-quan, vì các cấp nhân-viên thừa-hành hầu hết đã tận-tâm phục-vụ dân-chúng.

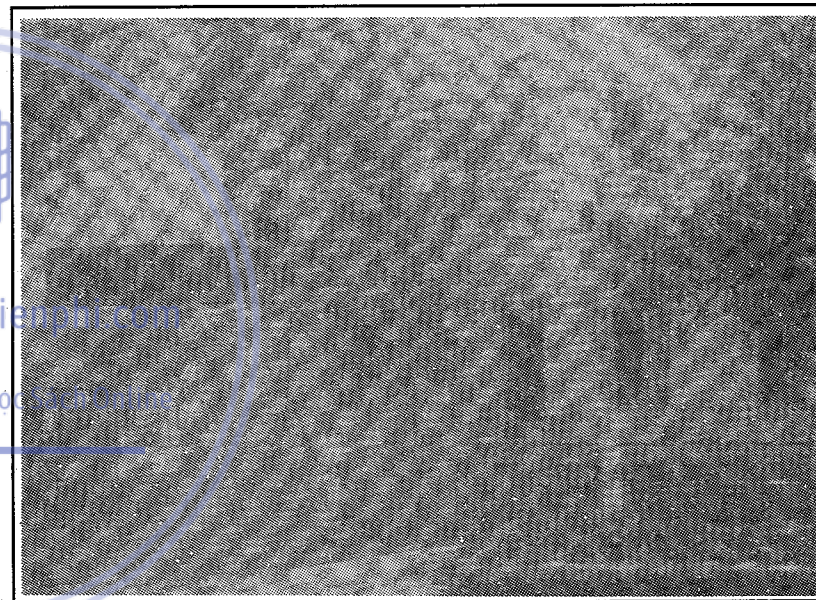
Ai cũng biết tình cảnh dân quê ở giai đoạn này rất thương hại mỗi khi có việc phải cực lòng đến cơ-quan hành-pháp !

Lại nữa người dân thấp cổ bé miệng, có điều oan khổ hay có việc chi thắc-mắc, thì có Hội-Đồng hàng tỉnh sốt-sắng can-thiệp cho, các vị là Đại-Diện của nhân-dân, nhiệt thành lo điều công-ích trên mọi công-tác xã-hội, nhìn thấy sự thống khổ của dân, hoà mình đi sát với dân để tìm hiểu nguyện vọng của dân. Với tinh-thần phục-vụ quần-chúng, các vị thật xứng-đáng với câu « vì dân, vì nước ».

Bao nhiêu ước-vọng của người dân đến khi cầm lá phiếu chọn người tài-đức thay mặt cho họ, đề đạt lên cấp trên với những nhu-cầu chánh đáng.

Việc làm của quý vị sẽ nêu gương sáng cho thế hệ mai sau, đã hi-sinh đặt quyền lợi tổ-quốc trên hết, thể-nhân sẽ phê phán ca-ngợi tài-đức của quý-vị với những trang sử lưu danh hậu thế.

Tòa Hành Chánh Bạc Liêu



Tòa Hành Chánh nằm ngay mặt ra Đại lộ Độc Lập.

GIÁO-DỤC

NỀN TẢNG GIÁO-DỤC ĐƯỢC QUAN TÂM ĐẶC BIỆT

DÀN ăm no, nước trị bình, nhưng chênh mảng về sự giáo-dục, liệu dân khôn nước mạnh được không ? Hẳn là không một dân tộc nào nói chung, một địa-phương nào nói riêng, dám xao lãng việc lo-lắng học tập của con dân trong nước, trong tỉnh.

Điều kiện căn-bản là phải có đủ trường sở các cấp để cho con em có chỗ trau dồi trí đức rèn luyện tài năng. Còn gì xót xa bằng cái cảnh thấy con em mình phải học dồn lớp, hoặc chia nhau tốp học sáng, tốp học trưa, tốp học chiều. Như thế trình độ văn-hoá của con em có được là bao, khi học chẳng đủ giờ đủ khoá. Bằng như cứ học thúc học dồn, trí hoá con trẻ càng chóng sinh mệt mỏi, thêm có hại tinh-thần !

Vì thế điều đáng mừng hơn cả cho phụ-huynh học-sinh là thấy được con em mình có đủ trường sở, đủ thầy hay hầu được đào luyện nên người hữu-dụng cho quốc-gia xã-hội mai sau.

Tính đến nay tình hình giáo-dục tỉnh Bạc-Liêu tiến-triển khả quan :

Bạc Tiểu-học, gồm cả công-lập và tư-thực toàn tỉnh, đã có 28 trường, sĩ số nam nữ tổng cộng trên 15.000 em.

Bạc sơ học gồm có tất cả 56 trường, sĩ số nam nữ gần 10.000.

Bạc Trung-học, đệ nhất cấp, kể gồm công-lập, bán công và tư-thực được tất cả 5 trường, sĩ số nam nữ hơn 1.500. Đệ nhị cấp thì chỉ mới có một trường công-lập tại tỉnh-lỵ, sĩ số nam nữ là 1.034.

Theo đà tiến-triển của nền giáo-dục quốc-gia, sự giáo-dục con em trong tỉnh cũng trên đà phát-triển. Bằng có là mỗi năm trường ọc được mở thêm.

Số cung ứng với số cầu, học-sinh mừng rỡ tránh được sự học tập thất thường, học sinh thêm niềm hy-vọng ở tương-lai con em nói riêng, xứ sở nói chung.

Đáng mừng hơn nữa, với sắc-luật của Trung-trương chủ-tịch ủy-ban lãnh-đạo quốc-gia, cho phép xây-dựng Viện đại-học miền tây ở tỉnh-lỵ Cần-thơ (Phong-dinh), rồi đây hàng ngàn học-sinh, khi đã học xong ban trung-học, chuyển sang đại-học chỉ cần lên Phong-dinh đào-luyện thêm, khỏi phải lên tận thủ-đô hay lên Đà-lạt ra Huế. Trình-độ văn-hoá của thanh-thiếu-niên miền tây sẽ được nâng cao, tốt đẹp biết bao.

Sa-Đéc, Aug 12, 2015

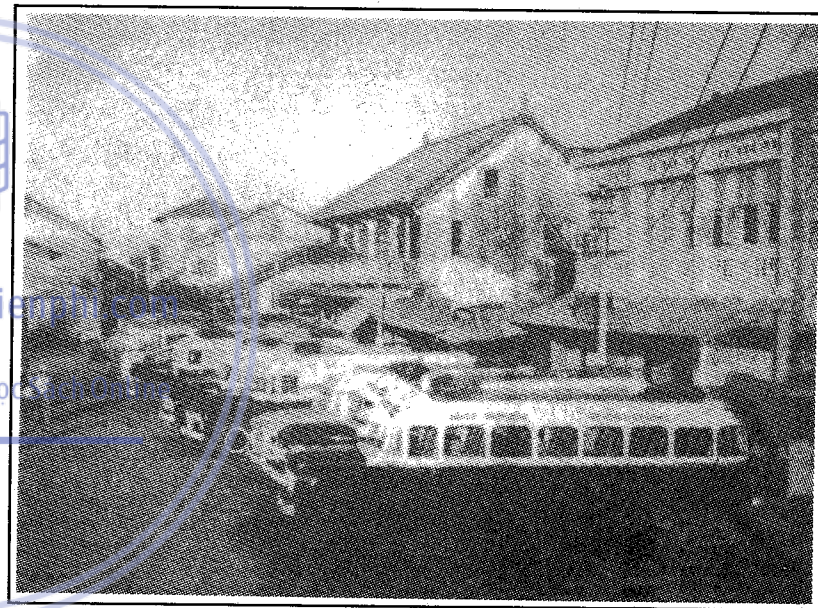
NÔNG-LÂM-SÚC : TIẾN-TRIỂN ĐỒNG ĐỀU

MỘT tỉnh năng về nông-nghiệp như Bạc-liêu, cố nhiên chánh-quyền sáng-suốt đôn-đốc phát-triển về mặt canh nông. Công-cuộc dẫn thủy nhập điền được tiến-hành mỹ-mãn. Hiện nay thêm xáng mức con kinh bề ngang 22 thước, cách tỉnh-lỵ 2 cây số, để lấy đất mở rộng thêm thành-phố.

Các Ấp Tân-sinh toàn tỉnh, nơi nào cũng được chánh quyền săn-sóc chu-đáo, các cán-bộ nỗ-lực tiến về nông-thôn mà phục vụ đắc lực. Mức sinh-hoạt của nhân-dân ấp xã khá ổn định chứng-minh tình-trạng nông-thôn Bạc-liêu nay khá an-toàn.

Việc chăn nuôi của dân quê, cũng được chính-quyền ghé mắt, phải cán-bộ về tận thôn-ấp xa-xôi, sống gần-gũi với dân quê mà thân-mật chỉ bảo những điều cần-thiết. Do đó số heo, gà, vịt sản-xuất tăng-gia gấp đôi, gấp ba mấy năm trước, phải xuất tỉnh chở lên thủ-đô tiêu-thụ. Lợi tức chăn nuôi đem lại cho dân nông-thôn những nguồn lợi đáng kể, thêm phương-tiện đảm-bảo đời sống sung-túc ở tương-lai.

Bến xe đò Bạc Liêu



Từ Tỉnh lỵ xuyên qua các Quận và chạy thông suốt thủ đô với những kiểu xe lộng lẫy.

Ảnh Viễn Đông
(Bạc Liêu)

GIAO-THÔNG : MỞ RỘNG ĐƯỜNG SÁ

TRỤC giao-thông càng tiện-lợi chừng nào thì nền kinh-tế càng vững mạnh chừng nấy. Ở châu-thành, các con đường đều đã được mở rộng hơn trước. Chánh-quyền lại phóng thêm nhiều con lộ mới, nối liền xã này sang xã khác rất thuận-tiện. Từ quận lỵ xa-xôi cũng được Ty Công Chánh giúp đỡ mọi mặt, đào giếng, bắt cầu, xẻ cống với những dụng-cụ tối-tân nhanh chóng, nhờ đó đời sống dân quê như gắn liền với đồng-bào thị-thành, được hưởng mọi nhu cầu tốt đẹp. Đồng thời, bến xe đò cũng được chấn-chỉnh mở rộng, xếp đặt vén khéo. Giao-thông đường thủy, đường bộ từ tỉnh-lỵ vận-tải hàng hoá về thủ-đô cũng được duy-trì.



downloadsachmienphi.com

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

QUÂN-SỰ : XÂY CẤT PHI TRƯỜNG

PHI-TRƯỜNG quân-sự thiết-lập cách tỉnh-lỵ Bạc Liêu 2 cây số ngàn, từ trước vẫn đã hoàn bị mà nay hãy còn chấn chỉnh thêm, nói lên sự hùng mạnh của quân-đội tăng cường bảo vệ an-ninh cho đồng-bào.

Một khi đất nước thanh-bình, phi-trường quân sự này đổi ra thành phi cảng hàng không dân sự chắc-chắn Bạc-Lieu chiếm được ưu thế hơn các tỉnh. Nhất là tu bổ mọi phương-diện cho khang trang.

Y-TẾ : SỨC KHOẺ DÂN-CHÚNG ĐƯỢC BẢO-VỆ

BAO nhiều việc kiến-thiết tốt đẹp về mọi ngành nghề trên đều phải hoá ra hoài của hoài công, nếu sức khoẻ đại chúng không được chăm sóc thường xuyên. Bởi thế, ngành Y-tế lại quan-trọng hơn tất cả.

Đề xứng danh, là tỉnh có tiếng giàu có nhất nhì ở miền Tây, trong tương-lai gần đây, Bạc-liêu tỏ ra rất ưu-ái chăm lo dưỡng bệnh cho đồng-bào toàn tỉnh. Bệnh viện tăng cường số bác-sĩ chuyên-khoa, bổ sung nhân-viên y-tá. Đồng thời, thêm nhiều giường cho bệnh nhân, cũng như dụng-cụ Y-khoa và thuốc men đủ loại thường luôn luôn có đủ chớ chẳng dễ cho thiếu sót.

Bảo-sanh-viện cũng được lưu tâm chỉnh-dốn, khiến các sản-phụ càng được nhẹ lòng, trẻ sơ-sinh thêm được bảo-vệ sinh-mạng an-toàn. Theo bảng thống-kê gần đây của y-tế tỉnh, số trẻ tử-vong chỉ có 2, 3% đối với số hài-nhi chào đời khoẻ mạnh.

Khắp vùng hương thôn, nơi nào cũng đã thiết lập ty y tế hoàn-hảo, dụng-cụ thuốc men đầy-đủ chẳng kém gì nơi tỉnh-ly, nhân-viên tận-tâm phục-vụ đồng-bào nông-thôn rất đặc-lực, từng khiến đồng-bào cảm-khích hoan-nginh ca-ngợi.

Trong tương-lai, Bạc-liêu đầy hứa hẹn dẫn đầu các tỉnh về đủ phương-diện... Chờ xem.

*
*

Chúng ta đã xem xét Bạc-liêu qua nhiều khía cạnh, nhưng nếu không nhấn mạnh về sự phát-triển tông-giáo của tỉnh này e là điều sơ-sót đáng phàn-nản. Vì là điểm đặc-biệt hơn cả của tỉnh này, chính là vấn-đề đạo-giáo. Thật không có dấu dung nạp đủ các sắc-thái về đạo-giáo như Bạc-liêu, ấy là điều đáng nói. Huống chi vấn-đề đạo-giáo vẫn là tối đại quan-hệ đến nhân-sinh thiết-tưởng xét lại Bạc-liêu với sự tin-ngưỡng của nhân-dân ắt chẳng đến nổi vô bổ-ích.

Chợ Bạc Liêu



*Quang cảnh buổi nhóm chợ dựa bờ sông Bạc Liêu.
Sự mua bán trông qua rất phồn thịnh.
Chợ này bán đồ hải sản nhiều hơn hết.*

Ảnh Viễn Đông
(Bạc Liêu)

ĐẠO-GIÁO

BẠC-LIÊU XUYÊN QUA CÁC GIÁO-PHÁI

LOÀI người dẫu tiến-bộ đến mực độ nào, tri-hoá dẫu có tinh-tiến siêu-việt đến đâu. Ngay trong thời nguyên tử vệ-tinh này cũng còn cảm thấy lăm điều huyền-bi trong vũ-trụ, mà thân-phận nhỏ bé của loài người, so với vũ-trụ bao-la lấy tri độ mà xét cho cùng tột lẽ huyền-vi, chẳng khác nào mò kim đáy bể. Nhưng khi dùng đến tâm linh để thông-thần, tiếp nhận diên-linh từ cõi hư-vô truyền cho, có được trực-giác sắc bén, tri-tuệ viên-thông, con người mới thấy mình hoàn-toàn được siêu phàm thoát tục. Chớ còn đeo đuổi theo khoa-học, đánh rằng có được nhiều tiện ích cho đời sống vật-chất thật đấy, nhưng tâm-linh thiếu ánh đạo soi-sáng cho con người, càng dễ bị sa-đọa đắm chìm trong biển vật-dục. Thời-dại khoa-học dù cực thịnh, cơ-khí dù phát-triển đến mức nào, đã khai-thác triệt-đề tinh năng nguyên-tử, rồi đi đến sự khám-phá không-gian bằng hoả-tiên, phi-thuyền, nhưng con người đầy tục lụy vẫn là con người trần-tục ! Do đó, khoa-học càng xướng-minh, tông-giáo vẫn song song triền-khai, có nghĩa là thần huyền chẳng nhượng gì khoa-học. Bởi có tông-giáo, con người mới có được sự diệu-mầu về tâm-linh, không thiên lệch lăm với thể chất dễ nhiễm đầy vật-dục của đời khoa-học.

Hiều như thế, chúng ta không lấy làm lạ về con số hàng triệu người trên thế-giới vẫn còn mang nặng tín-ngưỡng sùng-phụng tôn-giáo mặc dù vẫn chuộng khoa-học.

Ngay trên nước ta, vấn-đề tông-giáo cũng rất là trọng hệ mà các nhà tri-thức, không thể không quan-tâm nghĩ-đến. Khắp các tỉnh miền Nam, ngày nay nơi nào cũng có một số đông dân-chúng sùng đạo. Đặc biệt là tỉnh Bạc-liêu, nghiêm-nhiên như một tỉnh thần-huyền ! đồng-bào người Việt chính-tông, hay người Việt gốc Hoa, hoặc gốc Miên, phần nhiều đều nặng về tín-ngưỡng, tôn thờ đạo-giáo.

CÁC GIÁO PHÁI HIỆN-HỮU

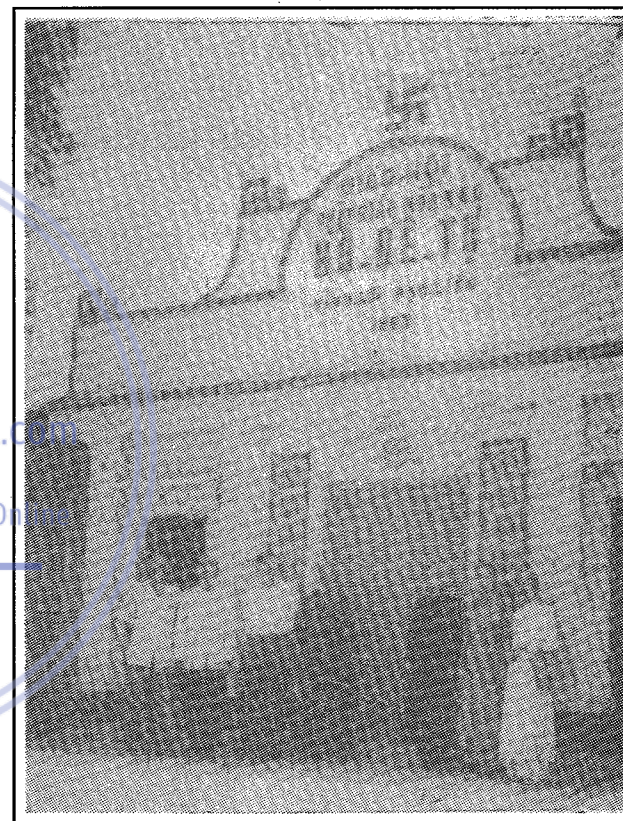
CÁC giáo-phái trong toàn tỉnh Bạc-liêu, hiện nay gồm có như sau :

1. Tỉnh-hội Phật-học Việt-Nam.
2. Tỉnh-hội Phật-giáo Thống-nhất.
3. Thiên-Chúa.
4. Tin-Lành.
5. Cao-đài lưỡng phái Tiền-Giang và Hậu-Giang.
6. Phật-giáo Hoà-hảo.
7. Du-tăng Khất-sĩ.
8. Cư-sĩ Lâm (của người hoa-kiều).

Mỗi giáo phái có trụ sở hoặc cơ sở thờ phượng thiết-lập rải rác nơi bốn quận trong tỉnh, và giáo phái nào cũng có đông đảo tín-đồ.

Ngoài các nhà thờ của đạo Thiên-chúa, Tin-lành và các chùa chiền của Phật-giáo mà ai cũng biết qua về hình thức, điều đáng chú ý là giáo phái Du-tăng Khất-sĩ thì có thiết-lập tịnh-xá, Cao-Đài thì có Cao-thượng bửu-toà ; Phật-giáo Hoà-hảo thì có ban trị-sự tỉnh, quận, phòng đọc giảng và chùa Bồ-đề.

Chùa Bồ Đề



Chùa này của Phật Giáo Hòa Hảo, xây cất vào năm 1963 tại Thị Xã Vĩnh Lợi.

GIÁO PHÁI DU-TĂNG KHẮT-SĨ

Từ khi sư-trưởng Minh-dăng-Quang khai sáng giáo phái Du-Tăng Khất-Sĩ đến nay, dần dần được dân chúng chú ý ngưỡng mộ. Rải rác khắp các tỉnh miền Đông và miền Tây nơi nào cũng có Tịnh-xá của Du Tăng Khất-Sĩ.

Riêng trong tỉnh Bạc-Liêu, giáo phái Du-Tăng Khất-sĩ do pháp-sư Giác-Huệ chăm nom việc tu trì hành đạo, có hai tịnh-xá :

1. Tịnh-xá Ngọc-lợi.
2. Tịnh-xá sư nữ Ngọc-Liên.

Tuy mới phát hiện gần đây, song phái Du-Tăng Khất-sĩ vẫn đã được thiện nam tín nữ dành cho lắm cảm tình tốt đẹp. Dưới sự chăm nom săn-sóc của pháp-sư Giác-Huệ tại tỉnh Bạc-Liêu, Giáo-Hội Tăng Già Khất-Sĩ thịnh thế nhiều qua bước đường tu tập. Hai tịnh-xá Ngọc-Lợi và Ngọc-Liên, một dành cho tăng sĩ, một dành cho sư nữ, được dân-chúng quan chiêm ngưỡng mộ chẳng ít. Nếu những người có đạo tâm mến chuộng cảnh trí u nhàn thanh tịnh của chùa Hưng-Huệ, do Tịnh-Độ cư-sĩ Phật hội Nam-Việt xây cất trên hòn Đá-Bạc, thì đối với hai tịnh-xá của Du-Tăng Khất-sĩ hẳn người có lòng mộ đạo ai mà chẳng luyến cảnh lảng lảng sạch bụi trần mà băng-khuâng cảm mộ.

TỊNH-ĐỘ CƯ-SĨ PHẬT HỌC NAM-VIỆT VÀ CƯ-SĨ LÂM CỦA NGƯỜI HOA-KIỀU

NGƯỜI Việt chúng ta có phái Tịnh-độ cư-sĩ họp nhau làm một học hội, để các đạo-hữu có nơi lui tới trao đổi tâm tình và các điều tu tập, thì người Hoa-Kiều ở Bạc

Liêu cũng tổ-chức với nhau trong «Cư-sĩ Lâm» cũng mục-đích như nhau.

Tỉnh-Độ Cư-Sĩ Phật-Học Nam-Việt của người Việt và Cư-sĩ Lâm của người Hoa-Kiều rất khả-quan với số đạo-hữu càng ngày càng đông. Vì trên đường Tu Phật bao giờ số người tu tại gia cũng đông hơn số tăng ni Phật-tử. Càng có nhiều cư-sĩ càng chứng tỏ lòng sùng đạo của phần đông dân chúng có đạo tâm, chuộng nhân nghĩa, rắp trì chí tu-hành, noi gương đức Từ Phụ mà học đòi phong-thái từ-bi hi-xả, hầu trí-huệ càng ngày càng được viên-minh. Có như thế thì bậc cư-sĩ mới sống được vẹn-về cả hai phần bên đời bên đạo : Bên đời thì bao giờ cũng nhiệt-thành làm những công-tác xã-hội phước thiện, bên đạo thì luôn luôn phát Bồ-đề tâm, nguyện xả thân cầu đạo, xả phú cầu bần, dâng công quả của mình lên dâng cao cả mà hồi hướng độ trì nhân sinh đồng loại.

CÔNG-GIÁO TIN-LÀNH

DẠO Thiên-Chúa, Tin-Lành từ lâu nay vẫn đã có hằng ngàn con chiên ngoan đạo. Mỗi chủ nhật, người người tấp-nập đổ xô về hướng các nhà thờ làm lễ, đủ nói lên tấm lòng tín-đồ sùng kính Chúa dưng-mãnh tinh tiến chẳng khác nào bên Phật-giáo đã thành tâm đánh lễ ngôi tam-bảo.

Dưới sự chăm nom của quý-vị linh-mục, các tín-đồ Thiên-Chúa đều cảm thấy hài lòng. Những bài giảng hàng tuần vang ngân trong cảnh uy nghiêm trang trọng, gieo hoan-lạc vô biên và rọi ánh-sáng đạo-lý vào tâm-hồn của người sùng đạo sống đời sống thánh thiện.

Nhà Thờ Công Giáo



*Một ngôi nhà Thờ kiến trúc theo lối xưa
cách nay 60 năm, nay đã phá và cất theo lối mới.*

Ảnh Viễn Đông
(Bạc Liêu)

CAO-ĐÀI LƯƠNG PHÁI TIỀN-GIANG VÀ HẬU-GIANG

CAO-ĐÀI vốn đã có uy-tin đối với đồng-bào Bạc-Liêu từ khoảng năm 1936. Nền đạo này có thể coi như dung hoà tổ hợp các mối đạo, cứ xem qua việc thờ-phượng đủ các bậc Thánh, Thần, Tiên, Phật thì đủ rõ. Mấy ngôi Cao-thượng bửu-toà thiết lập gần đây, xem rất trang trọng tôn nghiêm. Điểm đặc biệt, trước Cao-thượng bửu toà mé bên kia bờ sông, có dựng tượng ông Ngô-quang-Chiêu cỡi rồng.

Về trước, một họ lớn có danh vọng nhất nhì trong tỉnh Bạc-liêu là họ Cao-Triều, vẫn đã từng nhiệt-thành, sùng-phụng nền đạo Cao-Đài. Có thể nói ông Chung-bá-Khánh đã tâm thành quy ngưỡng Phật-giáo Hoà-Hảo thế nào, thì ông Cao-triều-Phát cũng cảm mộ Cao-Đài chẳng kém.

Trải qua lắm cuộc thăng-trầm, vì thời cuộc biến thiên, lòng người diên-đảo, nhất là từ khi đức Hộ-pháp Phạm-công-Tắc qui thiên, tin-dở Cao-Đài chẳng khỏi ngậm-ngùi. Giờ đây nền đạo phục-hưng, cơ tiến-hoá đun-đầy, Cao-Đài xem ra nhiều khởi sắc, các tín-dở đầy lòng hoan-hỷ tín-nhiệm nơi các đấng thiêng-liêng mà sẵn-sàng làm công-quả.

PHẬT-GIÁO HOÀ-HẢO

GIÁO-PHÁI Phật-giáo Hoà-Hảo, thì đang phát-triển trên đường tuyên-dương, và truyền-bá giáo-lý tu-nhân học Phật của đức Huỳnh giáo-chủ. Từ năm 1942, Bạc-liêu đã từng được tiếp-xúc với đức Huỳnh giáo-chủ. Khi ngài bị thực dân Pháp đưa đi an trí, nơi đây qua sự bảo lãnh của ông Ký-Giỏi (Võ-văn-Giỏi) với chính-quyền hồi ấy. Những nhân-vật tai tiếng trong tỉnh, đầu tiên qui-y thọ-giáo với Huỳnh giáo-chủ gồm có ông bà ký Võ-văn-Giỏi, ông bà

hội-đồng Chung-bá-Khánh, ông hội-đồng Điều v.v... Lại nữa, khi đức Huỳnh giáo-chủ thọ bệnh, bác-sĩ Cao-triều-Lợi cũng đã tận tâm điều-trị với cảm-tình chan-chứa. Các tín-đồ trong thời đó, kể được hơn 2.000 người.

Ngày nay, ngoài ba ngôi chùa BỒ-đề đã xây cất xong, hai ở Vĩnh-lợi, và một ở Giá-rai, trụ-sở giáo-hội tỉnh cũng được thành lập trong năm 1965, tại đường Nguyễn-Du. Phật-giáo Hoà-Hảo càng có thêm đông tín-đồ trong tỉnh.

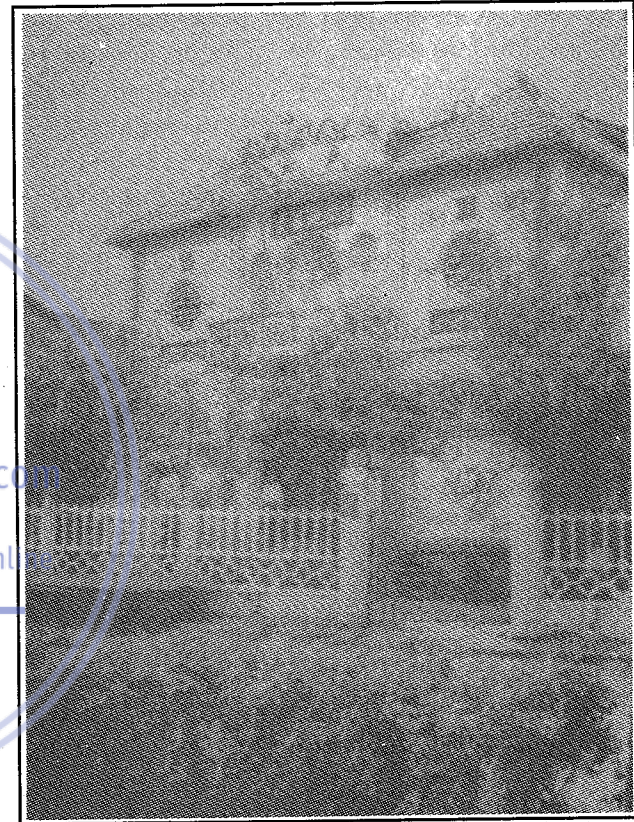
Mỗi tháng vào 6 ngày chay : mồng 8, 14, 15, 23, 30 và mồng 1 đều có lễ cúng nơi chùa BỒ-đề, rồi đọc giáo-lý trên máy vi-âm cho đồng-bào, đồng đạo tại tỉnh lãnh hội.

TỔNG-KÊ CÁC CƠ-SỞ THỜ-PHƯỢNG

KỂ về các cơ-sở thờ-phượng, của tất-cả giáo-phái có trong tỉnh Bạc-liêu, xin mời quý bạn ghé mắt qua bảng liệt-kê dưới đây thì rõ :

CƠ SỞ THỜ PHƯỢNG	VĨNH LỢI	VĨNH CHÂU	GIÁ RAI	PHƯỚC LONG
Đình	1	—	4	—
Nhà thờ Công-Giáo	3	—	5	2
Hội-thánh Tin-Lành	1	—	—	—
Chùa Nam-Vang	5	3	5	5
Chùa Huê-Kiều	4	—	5	—
Tịnh-độ cư-sĩ	1	2	3	1
Cao-Đài	2	—	8	3
Chùa Hoà-Hảo	2	—	1	—
Chùa Miên	7	18	—	3

Cao Thượng Bửu Tòa



Thánh thất này nằm bên bờ sông Vĩnh Lợi, là nơi thờ đức Cao Đài Thượng Đế.

Thất này chịu hệ thống của một trong giáo phái Cao Đài Trung Ương Đại Thanh ở Gia Định..

Ảnh Viễn Đông
(Bạc Liêu)

Xem bảng liệt-kê, quý bạn có cảm nghĩ thế nào ? Nhiều chẳng ? ít chẳng ?

Không phải so-sánh các tỉnh khác đâu xa, cứ lấy ngay Cà-mau vốn là một quận của Bạc-liêu khi xưa mà so về sự phát-triển tông-giáo, ta sẽ nhận thấy như thế Bạc-liêu vẫn còn là ít đấy.

Dựa theo một bảng thống-kê của chánh-quyền trong năm 1961, về mặt tông-giáo hoàn-toàn bị hạn chế. Các nhà thờ, đình, chùa, thánh-thất, hầu hết đều bị tàn phá. Sau tiếp theo chính-quyền quốc-gia, tái lập ban bố mọi quyền tự-do tín-ngưỡng, các tông-giáo được phát-triển tín-đồ khắp nơi, nhất là Công-giáo, Tịnh-độ cư-sĩ. Nhân-dân bèn xây-dựng lại các cơ-sở thờ-phượng, chấn-hưng nền giáo-ly cổ-truyền của dân-tộc. Trong tỉnh-lỵ có 5 đền thần, 1 chùa Phật, 1 chùa Bà, 4 nhà giảng Tin-Lành, 4 Thánh-thất Cao-Đài, 28 chùa Tịnh-Đô Cư-Sĩ, 42 Miếu, 16 Nhà Thờ Công-Giáo.

Cà-mau mà còn phát-triển tông-giáo đến mức ấy huống là Bạc-liêu ?

Vả chẳng, Bạc-liêu xưa kia người Hoa-kiều chiếm đa-số và người Miên cũng khá đông ; mà người Miên và người Hoa-kiều lại càng nhiều tín-ngưỡng hơn cả người Việt, cho nên các ngôi chùa Miên và các ngôi chùa Hoa-kiều lại cũng chiếm đa-số, chẳng lạ gì. Điều đáng nói hơn cả, ngoài các chùa của người Hoa-kiều thờ Ông (Quan-thánh đế-quân) Bà Mã-Châu v.v... còn có một ngôi chùa Ông ở ngang chợ Bạc liêu, bên đò đi qua, có sắc-thái đặc-biệt khác lạ hơn cả mọi nơi.



MỘT NGÔI CHÙA ĐẶC-BIỆT CỦA HOA-KIỀU

QUA bến dò ngang chợ Bạc-liêu sẽ trông thấy một ngôi chùa của người Hoa-kiều thiết-lập đã lâu rồi. Chùa thờ các vị :

1. Quan-đế.
2. Châu-xương.
3. Ông bôn.
4. Bắc-đế.
5. Ông Tề (Tề-thiên Đại-thánh).

Hằng năm, đến ngày lễ chánh của chùa, họ bày lăm trò rùng-rợn, ma quái : xiêng quay, ngồi chông, lăm dầu sôi, đi trên than lửa v.v...

Ngoài ra, còn bày thêm cuộc lên đồng, chỉ cho bắt ma. Lăm chuyện thần-kỳ, quái-dẫn, rùng-rợn cả người.

Thế mà số đông dân-chúng sùng-kính rất mực. Điều này chứng tỏ vấn-đề tín-ngưỡng ở Bạc-liêu quả thật tự-do.

Có người bảo rằng, Bạc-liêu là tỉnh thần-huyền. Có lẽ không sai mấy.

Xuyên qua các giáo-phái mà chúng tôi đã phác hoạ vài nét đại-cương, nhất là nêu lên một ngôi chùa đặc-biệt của Hoa-kiều đây đây mê-tin dị-đoan, làm điển-hình cho sự tín ngưỡng thần-huyền của đa-số tại đây, bạn có cảm nghĩ gì ? Tốt hay xấu ? Có lợi hay có hại ?

Sùng mộ đạo-giáo là điều rất hay, bổ-ích cho sự tu-dưỡng thân tâm. Nhưng tuyệt-đối không nên mê-tin những tà-thuyết, những chuyện ẩn-ức, sự đối-trá với tính cách lương gặt, làm tiền đồng-bào vốn sẵn nặng lòng tín-ngưỡng.

Dẫu sao, bên cạnh cuộc canh tân kiến-thiết vĩ-đại, tạo lập cảnh đời mới, cho đồng-bào sống an vui trong đời sống mới, đầy-đủ tiện-nghỉ của thời-đại khoa-học, mà dân-chúng vẫn còn có lòng mộ đạo, ầu cũng là điều tốt đẹp. Vì có sự thăng-bằng giữa đời sống tâm-linh và cảnh sống vật-chất ngoả-nguê thoả-mẫu thân xác, con người mới không đến nỗi sa-đọa thân tâm trong biển dục-vọng đáng ngại.

Cao Thượng Bửu Tòa



*Trước Thánh điện Cao Thượng Bửu Tòa Bạc Liêu, nhà sưu khảo Huỳnh Minh và hai vị chức sắc trong Giáo hội chụp ảnh kỷ niệm.
Ngày 19-3-1966.*

Ảnh Viễn Đông
(Bạc Liêu)

Tổng kết

QUA những sinh-hoạt kể trên, tỉnh Bạc-Liêu, từ địa hạt vị-trí, lãnh-vực, đến châu-thổ phì nhiêu phong-phú trong mấy nghìn năm lịch-sử đã vang lừng khắp non sông đất Việt, những tráng-lệ huy-hoàng của miền quê-hương đất tổ.

Tuy nhiên tỉnh Bạc-Liêu cũng từng trải lắm bước thăng trầm thế cuộc. Từ ngàn xưa, vì cuộc chạy loạn của chúa Nguyễn-Ánh đến đây, mà Bạc-Liêu Cà-Mau thành bãi chiến trường. Lại thêm những cuộc biến loạn của Hoa-Kiều Phủ Liêm, nhóm Thiên-địa-hội, nhóm người Miền Tia, Sum gây biết bao điều đùng trên mảnh đất mà đại đa số quần chúng là nông dân hiền lành chất phác, củi đục làm ăn. Gần đây hơn, suốt 9 năm Ngô-dinh-Diệm chấp chánh, Bạc-Liêu lại phải chịu cảnh tủi hờn từ một tỉnh thu hình lại thành một quận-ly nhỏ nhoi ! Tuy nhiên, nguồn sinh lực dồi-dào của mạch đất phì nhiêu vẫn là niềm an ủi khiến con dân trong tỉnh kiên trì chịu đựng được tất cả bao biến cố.

Rồi trời hết tối thì đến sáng. Theo đà canh tân, kiến-thiết, chỉnh trang, Bạc-Liêu ngày nay chẳng những đã lên lại địa-vị cũ mà còn hứa-hẹn tiến xa cho xứng đáng hơn nữa trong tương-lai gần đây.

Nguồn lợi kinh-tế dồi-dào, ấy là có thừa điều kiện để tiến nhanh vượt xa, dành quyền dẫn đầu các tỉnh. Với bãi cát Vĩnh-Châu thiên-nhiên hùng vĩ, nếu thêm vào sự diễm tô nhân-tạo, chắc-chắn sẽ quyến-rũ du-khách đến viếng thăm tập-nập, kém gì những nơi danh-thắng khác. Lại nữa, tâm tình dân chúng hồn nhiên chất phác, quy ngưỡng đạo giáo

— bằng chứng là giáo-phái nào cũng đều có đông đạo-hữu tin-đồ, do đó đời sống nhân-dân có sắc thái hiền hoà. Về các phương-diện : y-tế, giáo-dục, văn-hoá, các công tác đều đang trên đà phát-triển, đầy hứa-hẹn tốt đẹp. Ngần ấy đủ kiện khả quan, cho ta có quyền lạc quan tin-tưởng Bạc-Liêu rồi sẽ là tỉnh khả ái nhất, có nhiều du-khách đến viếng nhất trong các tỉnh miền Tây.

Các nhân-vật ưu-tú của tỉnh nhà, về mọi ngành hoạt-dộng, từ trước đến nay từng đã treo cao thịnh-giá, góp công góp của, đặc-lực trong việc phụng-sự quốc-gia dân-tộc, kể ra cũng khá nhiều, đủ để gieo tiếng tốt cho quê hương, để tên trong lịch sử. Ba họ lừng-lẫy tiếng tăm nhất trong tỉnh là Trần Trinh (Trạch), Chung Bá (Khánh), Cao Triều (Phát) người người đều biết. Các văn-nhân ký-giả khét tiếng trong làng văn làng báo, ai còn lạ gì với tên tuổi Nguyễn-văn-Đỉnh, Tố-Phang, Việt-Quang, Phi-Vân. Các nhạc sĩ, nghệ-sĩ Cao-văn-Lầu, Lư-hoà-Nghĩa cũng đã để tiếng thơm rơi một thuở cho xứ-sở. Ngoài ra còn lắm vị bác-sĩ, kỹ-sư, giáo-sư v.v... hoặc đang phục-vụ trong lãnh-vực của mình tại tỉnh nhà, hoặc đã ra đi phục-vụ khắp nơi trên lãnh-thổ miền Nam, hầu thúc đẩy guồng máy quốc-gia tiến mạnh. Bạc-liêu đã ôm vào lòng những đứa con đất nước đáng yêu, tất nhiên với lòng triu-mến, kỳ-vọng ở đoàn hậu tấn noi gương đổi bước, mảnh đất đầy sinh-lực này-nở này, rồi sẽ tài bồi trưởng dưỡng nhân tài chẳng ít.

Dựa vào các ưu điểm đã nêu, trong cuộc thi đua vượt tiến giữa các tỉnh miền Tây, ta có thể tin chắc Bạc-liêu sẽ có bộ mặt huy-hoàng hơn các nơi. Và trong tinh-thần hỗ-tương, Bạc-liêu sẽ là nguồn sinh-lực tiếp-tế cho các tỉnh yếu kém trên đất nước Việt-Nam, để cùng vươn lên mà bành-diện chung với năm châu thế-giới.

Hội Phật Học Bạc Liêu



*Hội này trực thuộc về Giáo hội Phật Học
Trung Ương chùa Xá Lợi Sài Gòn*

DANH SÁCH CÁC VỊ TỈNH-TRƯỞNG ĐƯỢC BỔ-NHIỆM TẠI TỈNH BẠC-LIÊU TRONG THỜI-GIAN CẬN-ĐẠI

SỐ THỨ TỰ	HỌ VÀ TÊN	NGẠCH-TRẬT VÀ CẤP BỤC	THỜI-GIAN ĐẢM-NHIỆM
1	Lương-khắc-Nhạc	Đốc-phủ-sứ	1949-1953
2	Phạm-văn-Tùng	Đốc-phủ-sứ	1953-1954
3	Đỗ-văn-Công	Đốc-phủ-sứ	1954-1955
4	Trần-hoàng-Quân	Trung-Tá	1955-1957
5	Võ-quốc-Sử	Trung-Tá	1/10/64-10/3/65
6	Bùi-văn-Sảnh	Trung-Tá	10/3/1965

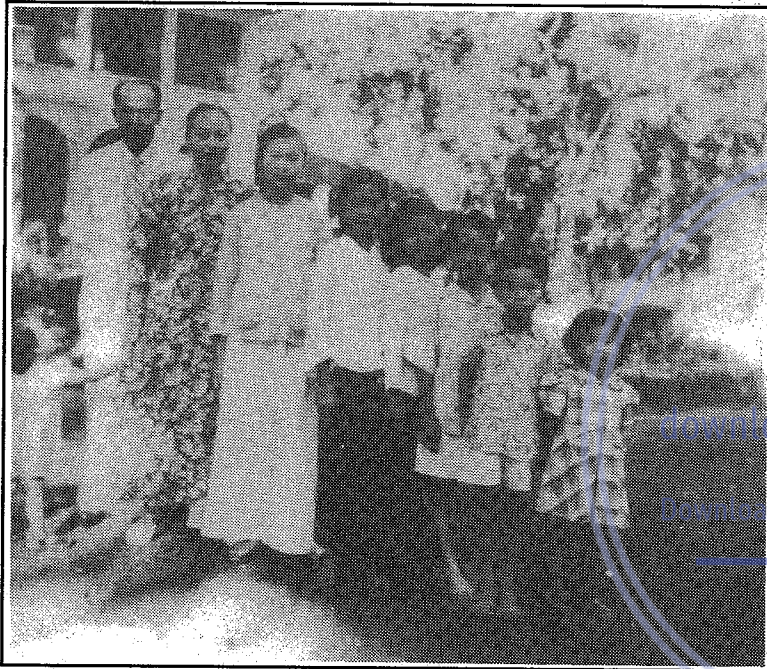
Cước-chú:

*Kể từ ngày 1-4-1957, Tỉnh Bạc-Liêu được sáp nhập
vào Tỉnh Ba-Xuyên (Sóc-trăng) cho đến ngày
30-9-1964*



*Gia đình tỉnh trưởng đầu tiên của Bạc Liêu,
ông Lương Khắc Nhạc. Cô gái ngồi ở chính giữa phía trước
là giám đốc nhà xuất bản Bách Việt (1954).*

Châu Thành Bạc Liêu



Gia đình tỉnh trưởng Lương Khắc Nhạc trước tư dinh



Xuyên qua phố sá tỉnh Bạc Liêu, trước mắt chúng ta thấy một biệt thự lâu lộng lấy day mặt ra sông, đó là biệt thự của nhà Tể phú Trần Trinh Trạch ở xứ này.

Ảnh Viễn Đông
(Bạc Liêu)

MỤC-LỤC

— Bản đồ tỉnh lỵ Bạc-Liêu	3
— Lời nói đầu	5
— Biên tập đại ý	7

PHẦN THỨ NHẤT :

— Bạc-Liêu qua các thời-đại gồm Địa-lý, Lịch-sử, dân số, khí-hậu, canh-nông, ngư-nghiệp, lâm-sản v. v...	9
--	---

I

— Trải 142 năm (1740-1882) từ huyện Trấn đi đến tỉnh Bạc-Liêu.	12
— Tìm hiểu danh-từ Bạc-Liêu.	15
— Bạc-Liêu trải qua các cuộc biến loạn :	16
1) Loạn Hoa-Kiều Phủ Liêm.	16
2) Cuộc nổi loạn của người Miên Tia, Sum.	17
3) Người Minh-Hương và Thiên địa hội.	18
4) Loạn Lâm-Lâm.	19
— Những thăng trầm và biến chuyển của Bạc-Liêu.	20
— Bộ mặt Bạc-Liêu hiện thời.	23

II

Phụ biên : Cà-Mau — Năm-Căn	36
-----------------------------	----

PHẦN THỨ HAI :

DANH-NHÂN

1) Hồ tướng Dương-công-Trừng.	53
2) Ngô-công-Quý tận trung giúp chúa.	55
3) Trần-phước-Chất một võ tướng theo chân chúa Nguyễn.	56
4) Ngô-văn-Lựu bách chiến bách thắng.	57
5) Nguyễn-hiền-Năng tri-huyện thanh-liêm, chánh trực lừng danh « Thần-Minh ».	61
6) Nguyễn-văn-Đức tiền hiền khai ấp lập xã Viên-An.	63
7) Tô-Xuân, vị tu-sĩ nổi danh ở Quan-Âm Cồ-Tự.	65
8) Anh em Đỗ-thừa-Luông, Đỗ-thừa-Tự oanh-liệt chống Pháp	69
9) Nguyễn-thị-Nương tiết phụ được vua Thiệu-Trị tưởng thưởng	70

Cảm tạ

Chúng tôi có đôi lời cảm-tạ Trung-Tá Tỉnh-Trưởng Bùi-văn-Sánh — quý vị quan chức sở-tại tỉnh Bạc-Liêu — nhà nhiếp ảnh Viễn-Đông — Nhân-sĩ Nguyễn thành-Trạc — Thị-sĩ Kiên-Giang,

đã giúp-đỡ chúng tôi rất nhiều trong việc hoàn thành quyển sách này.

Xin quý vị nhận nơi đây tấm lòng cảm mến và biết ơn của chúng tôi.

H. M.

PHẦN THỨ BA :

ĐỊA DANH — GIAI THOẠI — HUYỀN SỬ

— Bạc-Liêu là xứ quê mùa ?	77
— Tìm hiểu danh-từ các quận Vĩnh-châu, Giá-rai, Năm-căn ?	79
— Đồng Nọc-nạn.	85
— Công-tử Bạc-liêu do đâu mà nổi tiếng.	89
— Chuyện Bà Mụ trời...	93
— Miếu bà cổ linh-thiên.	99
— Miếu bà Mã-Châu.	104
— Chuyện cá sấu cứu chúa Nguyễn-Ánh được phong chức.	9
— Nơi đất thiêng, một vị thần phò tiền của nhà vua...	112
— Nguồn gốc Ao-ngự và ấp Giá-ngự.	114
— Chung quanh lịch-sử kinh Cạnh-đền, ấp Cạnh-đền.	119
— Kinh Chấn-Băng với Nguyễn-Ánh	125

PHẦN THỨ TƯ :

DI-TÍCH — THẮNG-CẢNH — CỔ-TỤC

**I
DI-TÍCH**

— Đồn binh trên cửa sông Mỹ-thanh và ngôi mộ của một công-nương nơi làng Tân-Khánh.	130
— Sông ông Đốc : Đốc binh họ Huỳnh liều thân cứu chúa	131
— Những cơ sở đồn-diên do Kinh-lược-sứ Nguyễn-tri-Phương thiết lập.	135
— Chùa Vĩnh-triều-Minh trong quận Vĩnh-Lợi.	137
— Ngôi chùa Miên Bouthalet.	139
— Chùa Vĩnh-phước-An và chùa Tam-Sơn Quốc-Vương	139
— Ngôi cổ mộ của ông Đào-châu-Thái, và nghĩa-địa binh-sĩ thời Gia-long tàu quốc.	143
— Di-tích một chiếc thuyền Ngự của chúa Nguyễn-Ánh tại rừng Năm-Căn.	143
— Miếu Hội-dồng và miếu Hải-linh.	144
— Đình Tân-hưng — Vị bôn-cảnh thành-hoàng được nhân-dân sùng-phụng, vua Tự-Đức ban sắc phong thần.	147
— Miếu Công-Thần.	151

II

THẮNG CẢNH

— Sân chim lớn nhứt ở Cà-Mau.	152
— Một gốc kiềng sống trên thế-kỷ.	157
— Chiếc đồng hồ xưa không máy...	161
— Cổ tục của người Miên tại Bạc-liêu.	167
— Một vài cổ tục của đồng bào địa-phương	171
— Bãi biển Vĩnh-Châu và cửa biển Mỹ-Thanh	177
— Hòn Chuối và hòn Đá bạc.	180

PHẦN THỨ NĂM :

BẠC-LIÊU QUA THI-CA TẬP QUÁN

— Bạc-liêu qua sân-khẩu kịch-trường, vọng-cờ.	185
— Bạc-liêu, Cà-Mau qua thi ca.	198
— Thờ-sân địa phương qua ca-dao.	206

PHẦN THỨ SÁU :

BẠC-LIÊU NGÀY NAY TRÊN ĐƯỜNG PHỤC HƯNG

KINH-TẾ

GIÁO-DỤC

NÔNG-LÂM-SÚC

GIAO-THÔNG

QUÂN SỰ

Y-TẾ

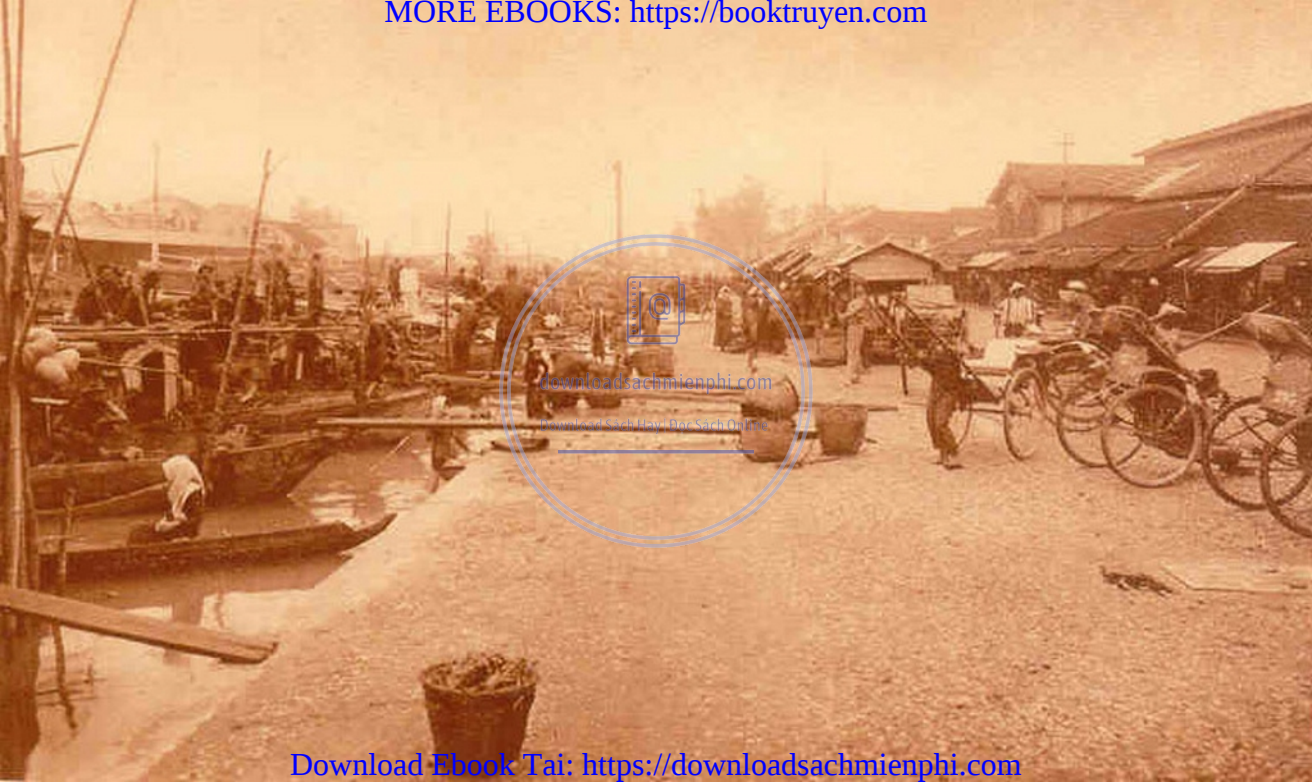
ĐẠO-GIÁO

— Đường xuôi Hậu-giang về tỉnh Muối.	211
— Trên đường phục hưng kiến-thiết.	216
— Nguồn lợi kinh-tế đầy hứa hẹn.	217
— Vài nét đại-cương về Bạc-Liêu	218
— Nền tảng giáo-dục được quan tâm đặc-biệt	221
— Tiến triển đồng đều	222
— Mở rộng đường sá	225
— Xây cất Phi-trường.	225
— Sức khoẻ dân-chúng được bảo vệ	225
— Bạc-liêu xuyên qua các giáo phái	229
— Các giáo phái hiện hữu.	230
— Giáo phái Du-Tăng Khất-Sĩ.	223
— Tịnh-Độ Cư-Sĩ Phật Học Nam-Việt. và Cư-Sĩ Lâm của người Hoa-kiều.	233
— Công-giáo — Tin-lành.	234
— Cao-Đài lương phái Tiền-giang và Hậu-giang	237
— Phật-giáo Hoà-hảo.	237
— Một ngôi chùa đặc-biệt của người Hoa-kiều	242



HÌNH BẠC LIÊU XUA

Download Sách Hay | Đọc Sách Online





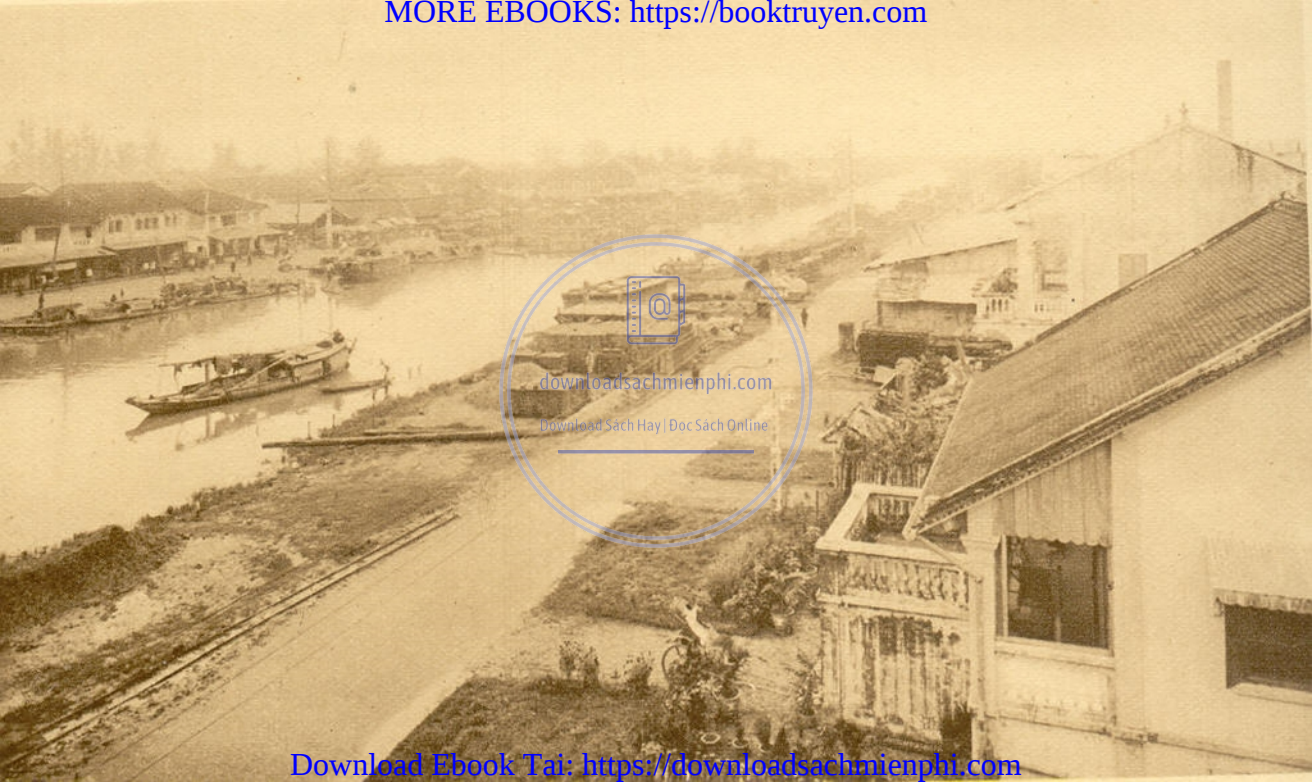
downloadsachmienphi.com

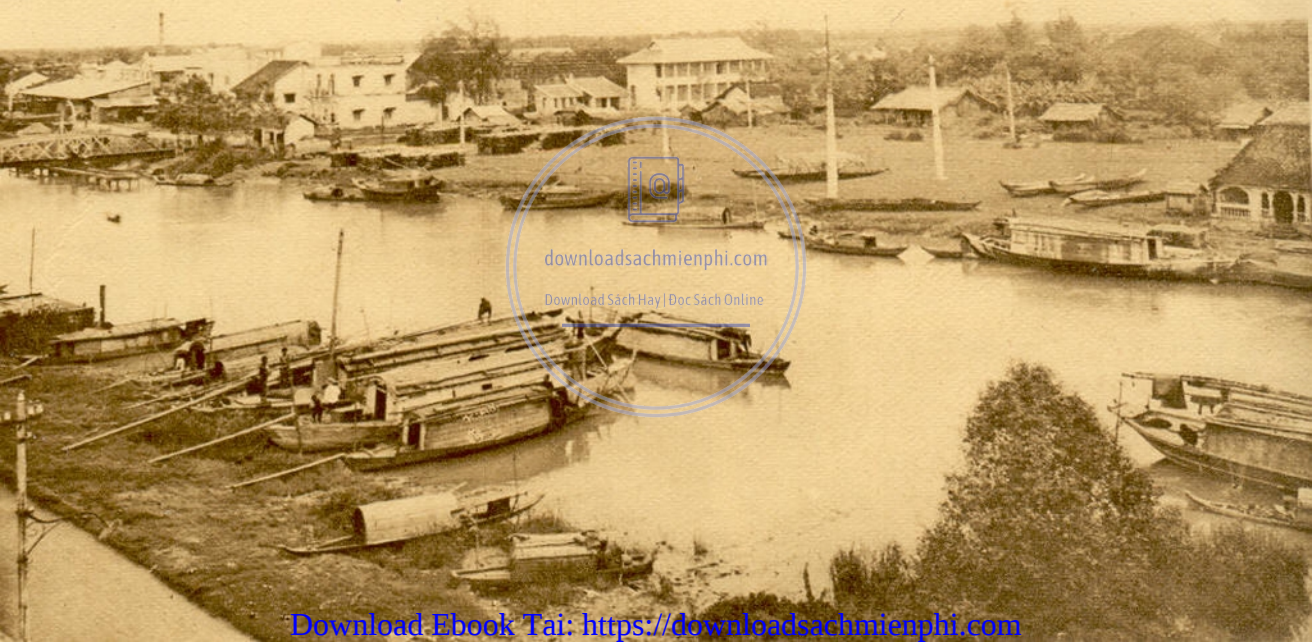
Download Sách Hay | Đọc Sách Online



downloadsachmienphi.com

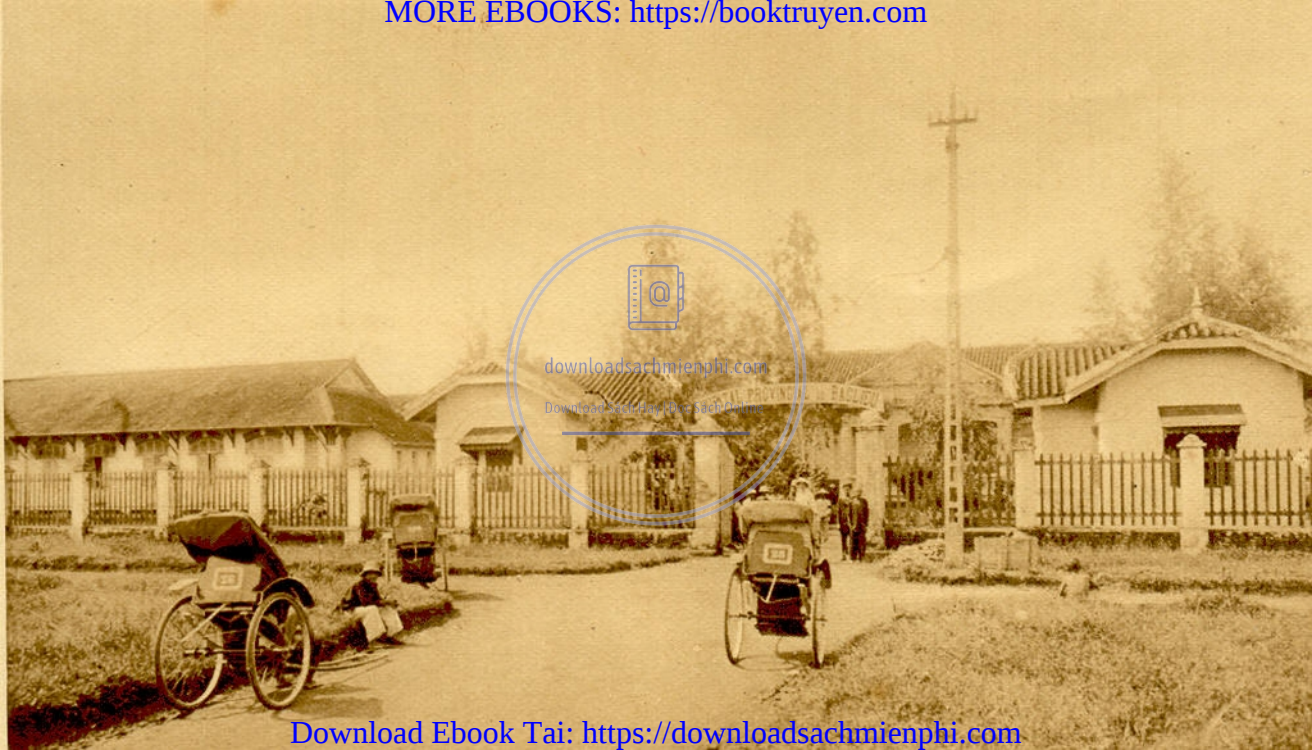
Download Sách Hay | Đọc Sách Online





downloadsachmienphi.com

Download Sách Hay | Đọc Sách Online



downloadsachmienphi.com

Download Sách Hay Đọc Sách Online



